



BỨT PHÁ GIỚI HẠN
KHÔNG NGỪNG VƯỢN XA

VIET CAPITAL
SECURITIES 

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2017



VIET CAPITAL
SECURITIES



MỤC LỤC

06

06-07 Thông điệp của Chủ tịch hội đồng quản trị

08

I - THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

08-09 Thông tin chung
10-13 Các chỉ số tài chính nổi bật năm 2017
14-15 Tầm nhìn và Sứ mệnh
16-17 Lịch sử hình thành và phát triển
18-19 Giải thưởng
20-23 Nguồn nhân lực
24-25 Các yếu tố rủi ro

28

II - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH

28-36 Môi trường hoạt động
37-39 VCSC
42-43 Ngân hàng Đầu tư
44-45 Môi giới Chứng khoán
46 Hoạt động Nghiên cứu và Phân tích
47 Hoạt động Đầu tư
48 Dịch vụ Chứng khoán

49

III - VỊ THẾ TÀI CHÍNH VÀ QUẢN TRỊ RỦI RO

49-51 Vị thế tài chính
52-55 Quản trị rủi ro

56

IV - QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

56 Đạo đức nghề nghiệp
57 Cơ cấu tổ chức
58-67 Thành viên Hội đồng quản trị
68-69 Thành viên Ban Kiểm soát
70-71 Thành viên Ban Tổng Giám đốc
72-75 Nhân sự chủ chốt

78

V - TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG NĂM 2018

78-80 Triển vọng tăng trưởng
81 Kế hoạch kinh doanh của VCSC 2018

82

VI - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

82-85 Báo cáo của Kiểm toán viên
86-95 Báo cáo tài chính của công ty
96-141 Thuyết minh báo cáo tài chính





“ **Dẫn đầu hoạt động tư vấn / ngân hàng đầu tư, giữ vững top 3 thị phần môi giới, VCSC tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh ấn tượng trong năm 2017.** ”

Kính gửi Quý Cổ đông, Khách hàng và Đồng nghiệp,

Năm 2017 là một năm đáng nhớ khi Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt gặt hái được nhiều thành tựu nổi bật.

Năm 2017, Công ty đã niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), đánh dấu kỷ niệm 10 năm thành lập VCSC.

Năm 2007, VCSC được thành lập với vốn điều lệ ban đầu là 360 tỷ đồng. Vào thời điểm VCSC gia nhập thị trường chứng khoán Việt Nam, số lượng các công ty chứng khoán gia tăng rất mạnh khi các nhà đầu tư kỳ vọng kinh tế Việt Nam sẽ bùng nổ sau khi gia nhập WTO. Kể từ đó, trong bối cảnh áp lực cạnh tranh gay gắt, số lượng các công ty chứng khoán đã giảm từ hơn 100 xuống còn 80 công ty. Tuy nhiên, bất chấp những thách thức, VCSC vẫn có thể vượt qua nhiều công ty khác để trở thành thương hiệu hàng đầu trong lĩnh vực dịch vụ chứng khoán và ngân hàng đầu tư. Sau 10 năm phát triển, vốn điều lệ của công ty đã tăng gần gấp ba lần kể từ khi thành lập từ 360 tỷ đồng đạt 1,2 nghìn tỷ đồng. Tính đến cuối năm 2017, vốn chủ sở hữu của VCSC đạt 3.019 tỷ đồng, tăng trưởng 152% so với cùng kỳ năm 2016. Công ty của chúng tôi đã ghi nhận tốc độ tăng trưởng kép (CAGR) trong doanh thu giai đoạn 2014-2017 là 36% và mức CAGR của lợi nhuận ròng là 65% trong cùng kỳ, trong khi ROE vẫn duy trì ổn định ở mức trên 25% kể từ năm 2014. Chúng tôi tự hào là công ty cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư số một hàng đầu Việt Nam và là một trong ba công ty môi giới chứng khoán lớn nhất tính theo thị phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE). Một trong những sự kiện nổi bật trong năm 2017 là VCSC đã thực hiện IPO và chính thức niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (mã chứng khoán: VCI) vào tháng 7/2017. Trước thềm niêm yết, VCI đã phát hành riêng lẻ thành công 14,8 triệu cổ phiếu cho nhà đầu tư và thu về 710 tỷ. Hiện tại, chúng tôi có hơn 200 nhân viên bao gồm tám quốc tịch khác nhau làm việc theo tiêu chuẩn quốc tế.

VCSC kết thúc năm 2017 với tổng thu nhập từ hoạt động kinh doanh đạt 1,54 nghìn tỷ đồng (tăng 70,9% so với cùng kỳ năm ngoái) và lợi nhuận ròng là 655 tỷ đồng (tăng 94,1% so với cùng kỳ năm ngoái). Dịch vụ môi giới chứng khoán

của chúng tôi tiếp tục giữ vị trí top 3 trên thị trường với 8,5% thị phần, tạo ra doanh thu 498 tỷ đồng đồng (tăng 40,1% so với cùng kỳ năm ngoái). Các hoạt động môi giới chứng khoán cũng được hỗ trợ bởi tư vấn đầu tư chuyên sâu và toàn diện từ bộ phận Nghiên cứu & Phân tích. Bộ phận Ngân hàng đầu tư ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 276%, nhờ cung cấp dịch vụ tư vấn thành công cho các công ty hàng đầu tại Việt Nam.

Chúng tôi tin tưởng rằng công ty sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ hơn trong năm 2018 với trọng tâm là nắm bắt các cơ hội và phát triển dịch vụ ngân hàng đầu tư ở Việt Nam. Chúng tôi vẫn tập trung thực hiện các chiến lược của mình với sự kỷ luật và tin tưởng rằng chúng tôi sẽ tạo ra giá trị quan trọng cho quý khách hàng, quý cổ đông của công ty, nhờ vào sự cống hiến của đội ngũ nhân viên.

Thay mặt toàn thể cán bộ - nhân viên công ty, tôi xin chân thành cảm ơn quý cổ đông và khách hàng đã và đang đồng hành cùng chúng tôi suốt hành trình từ trước đến nay. Chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nỗ lực hết mình để tạo ra giá trị tốt nhất cho các quý cổ đông và khách hàng, giúp phát triển và thúc đẩy thị trường dịch vụ ngân hàng đầu tư của Việt Nam.

NGUYỄN THANH PHƯƠNG
Chủ tịch Hội đồng Quản trị



THÔNG TIN CHUNG

Công ty Cổ phần
Chứng khoán Bản Việt (VCSC)

Tên viết tắt: VCSC

Mã chứng khoán: VCI

Trang web: www.vcsc.com.vn






Giấy phép thành lập:

Giấy phép thành lập Số 68/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 06 tháng 11 năm 2007.

Giấy phép sửa đổi mới nhất Số 35/GPDC-UBCK cấp ngày 02 tháng 8 năm 2017.




Vốn điều lệ: VND 1.200.000.000.000

Các lĩnh vực hoạt động
kinh doanh gồm:




-  Môi giới chứng khoán;
-  Tự doanh;
-  Tư vấn đầu tư chứng khoán;
-  Bảo lãnh phát hành;
-  Lưu ký chứng khoán.

VCSC có Trụ sở chính, Phòng giao dịch tại TP. HCM và Chi nhánh tại Hà Nội. VCSC đã và đang phục vụ hàng nghìn khách hàng, bao gồm các doanh nghiệp, tổ chức tài chính, nhà đầu tư cá nhân trong nước và quốc tế.


Trụ sở chính

 Tháp Tài chính Bitexco, Tầng 15, số 2 Hải Triều, Quận 1, TP. HCM.
 Tel: (84 28) 3914 3588
 Fax: (84 28) 3914 3209




Phòng giao dịch
Nguyễn Huệ

 Tòa nhà Vinatex Tài Nguyên, Tầng 3, số 10 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: (84 28) 3914 3588
 Fax: (84 28) 3914 3577




Phòng giao dịch
Pasteur

 Tầng 8, Tòa nhà Sailing Tower, 111A Pasteur, P. Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: (84 28) 3914 3588 (403)

Phòng giao dịch
Nguyễn Công Trứ

 Tòa nhà Artex, Tầng 6, 236 - 238 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
 Tel: (84 28) 3914 3588
 Fax: (84 28) 3821 6186

Chi nhánh Hà Nội

 Tòa nhà Capital, 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Tel: (84 24) 6262 6999
 Fax: (84 24) 6278 2688

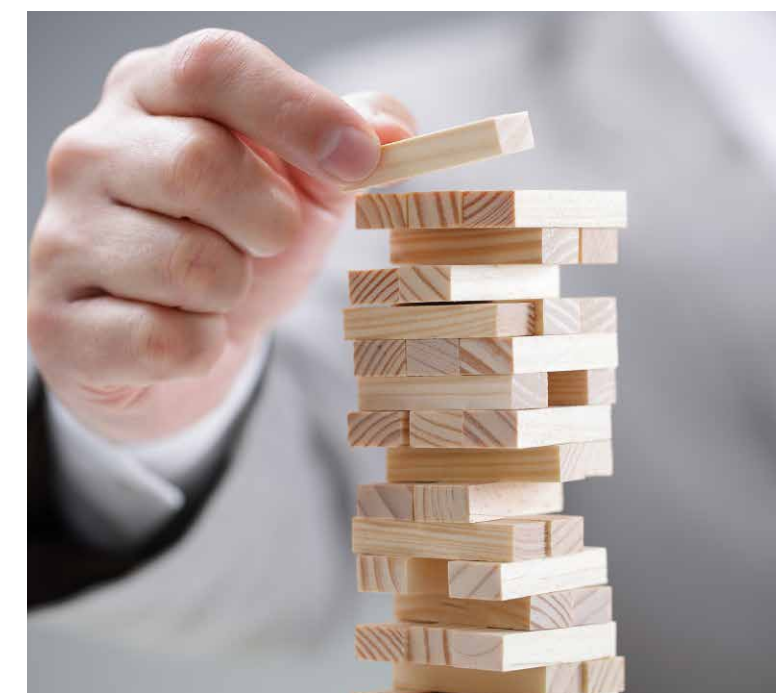
Công ty Kiểm toán

Công ty TNHH Pricewaterhousecoopers Việt Nam

CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH NỔI BẬT NĂM 2017

Đơn vị: triệu VND, trừ khi được ghi chú khác	2015	2016	2017	Thay đổi 2017/2016	Kế hoạch 2017	% vượt kế hoạch
KẾT QUẢ KINH DOANH						
Doanh thu	705.727	899.052	1.536.742	70,9%	1.015.626	51,3%
Môi giới chứng khoán	335.958	355.342	497.732	40,1%	400.000	24,4%
Đầu tư	158.712	293.321	489.774	67,1%	309.076	58,5%
Tư vấn doanh nghiệp	28.334	72.852	262.725	260,6%	150.000	75,2%
Khác	182.723	175.048	286.511	63,7%	156.550	83,0%
SG&A	(404.478)	(483.170)	(733.764)	51,9%	(465.626)	57,6%
Lợi nhuận trước thuế	300.960	415.889	802.978	93,1%	550.000	46,0%
Lợi nhuận sau thuế	239.099	337.511	655.096	94,1%		
ROE	28,1%	30,0%	30,5%	50bps		
ROA	9,6%	12,9%	14,8%			
TÀI SẢN						
Tổng tài sản	2.463.346	3.110.548	6.402.012	105,8%		
Vốn điều lệ	500.000	1.032.000	1.200.000	16,3%		
Vốn chủ sở hữu	972.797	1.276.558	3.019.395	136,5%		
Tỷ lệ đòn bẩy gộp (x)	2,53	2,44	2,12			
Tỷ lệ nợ / Vốn chủ sở hữu (x)	1,53	1,44	1,12			
Tỷ lệ an toàn vốn	359%	315%	408%			
CHỈ SỐ TÍNH THEO MỖI CỔ PHIẾU						
Thu nhập / cổ phần (đồng)	4.744	3.832	5.790	52,3%		
Số lượng cổ phần lưu hành trung bình	50.000.000	84.534.795	111.600.000	32,02%		
Cổ tức / cổ phần (đồng)	1.400	1.400	TBA			
TỔNG SỐ NHÂN VIÊN (NGƯỜI)	185	189	216	14,3%		

VCSC đã hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2017 được thông qua tại Đại hội cổ đông thường niên và tiếp tục duy trì được kết quả kinh doanh mạnh mẽ, trong đó doanh thu và thu nhập ròng ghi nhận tăng trưởng lần lượt đạt 70,9% và 94,1% so với năm trước. Kết quả này có được từ sự kết hợp giữa hoạt động kinh doanh cốt lõi mạnh mẽ, chuẩn hóa chi phí và quản lý rủi ro.

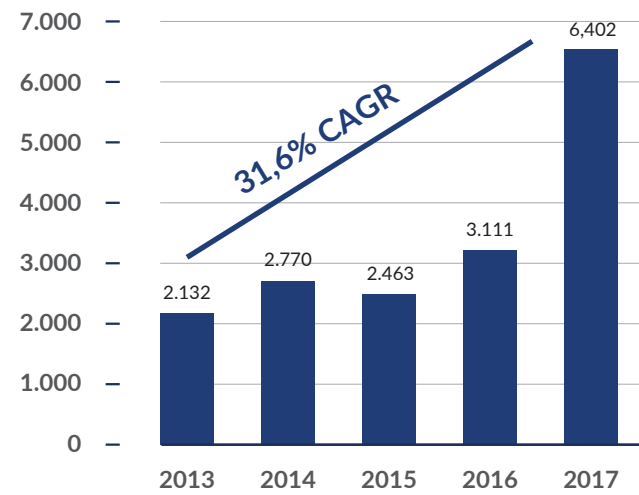


Công ty duy trì vững chắc vị thế trên thị trường, được chứng minh bởi tỷ lệ ROE và thị phần môi giới. Bộ phận ngân hàng đầu tư vẫn giữ vị trí dẫn đầu trên thị trường với doanh thu tăng 276% so với cùng kỳ năm trước.

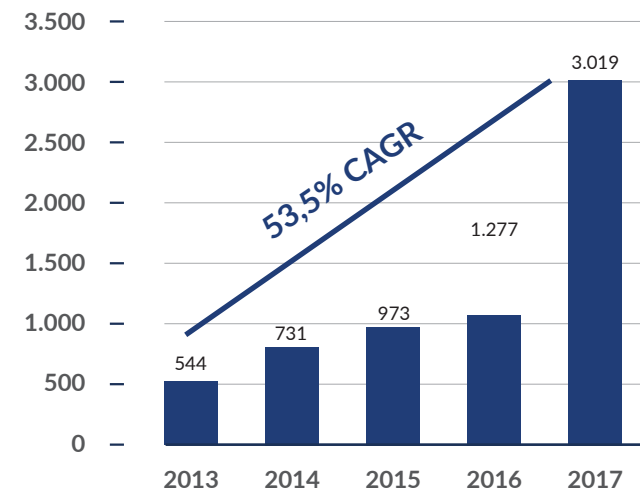
Về vị thế tài chính, tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu của Công ty tiếp tục giảm xuống 1,12 lần so với 1,44 lần vào năm 2016 và 1,53 lần vào năm 2015. Vốn chủ sở hữu tăng 136,5% so với cùng kỳ năm trước với vốn điều lệ tăng 16,3%, qua đó góp phần cải thiện tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

Vốn chủ sở hữu đạt
3.019 tỷ đồng

TĂNG TRƯỞNG TÀI SẢN (tỷ đồng)

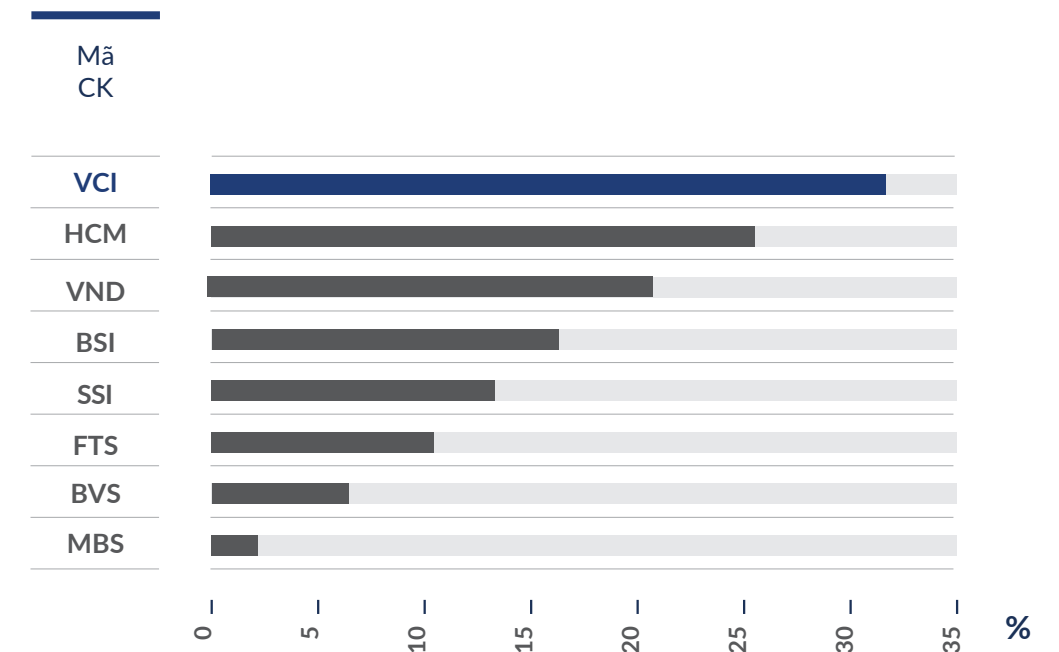


TĂNG TRƯỞNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tỷ đồng)



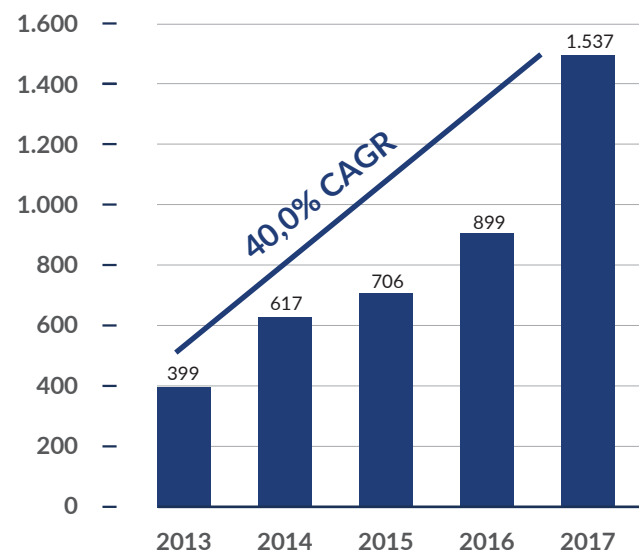
Nguồn: VCSC

SO SÁNH ROAE (Năm tài chính 2017)

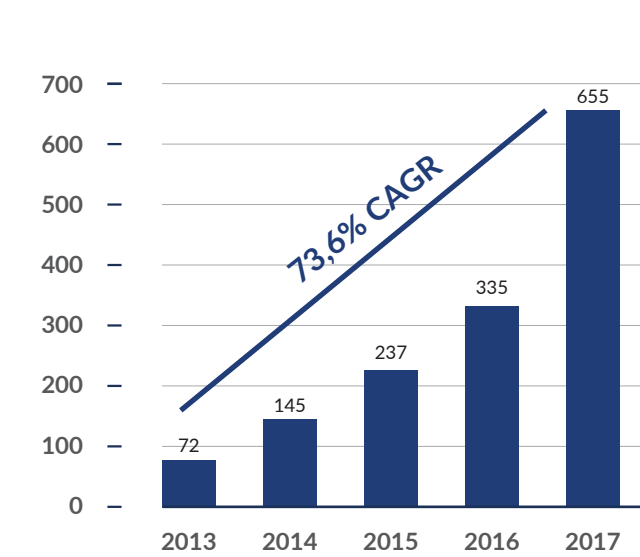


Nguồn: VCSC

TĂNG TRƯỞNG DOANH THU (tỷ đồng)

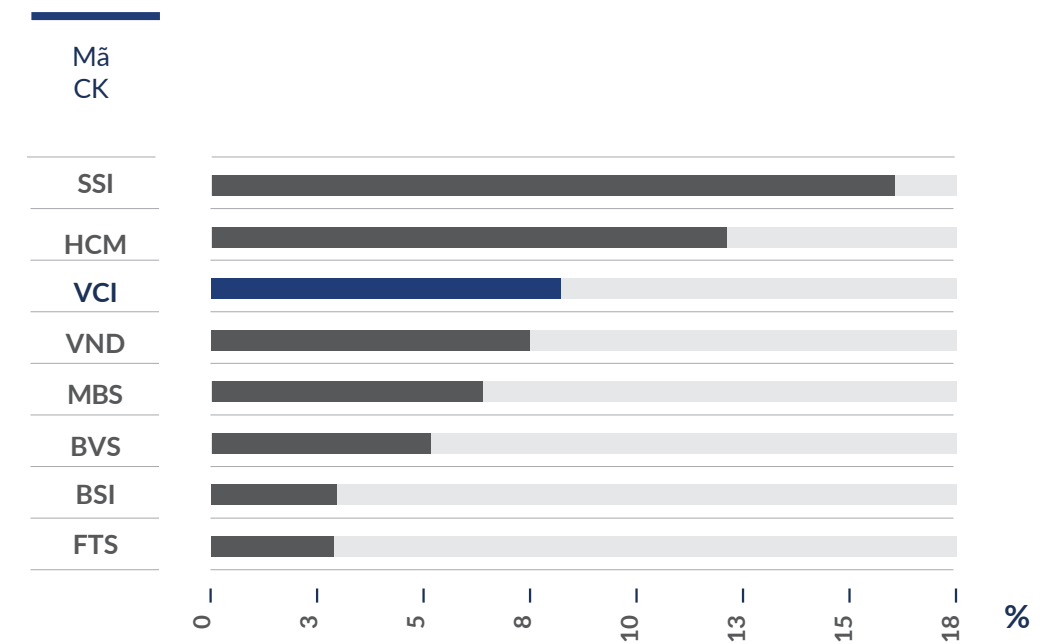


TĂNG TRƯỞNG THU NHẬP RÒNG (tỷ đồng)



Nguồn: VCSC

THỊ PHẦN HOSE (Năm tài chính 2017)



Nguồn: VCSC

TÂM NHÌN & SỨ MỆNH

VCSC định hướng phát triển thành ngân hàng đầu tư hàng đầu, là nơi phát triển và nuôi dưỡng những nhân tài xuất sắc nhất, cung cấp dịch vụ tốt nhất nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyên biệt của từng khách hàng trong nước và quốc tế. Mục tiêu của chúng tôi là trở thành lựa chọn đầu tiên và tốt nhất của các khách hàng đối với tất cả các sản phẩm và dịch vụ mà chúng tôi cung cấp.

Sự thành công của khách hàng và đối tác chính là phương châm hoạt động của chúng tôi. Đội ngũ nhân viên có chuyên môn cao của VCSC sẽ mang đến cho khách hàng những giải pháp tối ưu cho tất cả chiến lược tài chính và đầu tư.



Về dịch vụ

VCSC là cầu nối để kết nối nhu cầu của nhà đầu tư và doanh nghiệp, đồng thời cung cấp những sản phẩm nghiên cứu & phân tích chuyên sâu, các giải pháp tài chính sáng tạo, hiệu quả cùng công nghệ tiên tiến.

Về con người

VCSC tạo ra môi trường làm việc tốt nhất, khuyến khích mọi tiềm năng phát triển của nhân viên.



Về khách hàng

VCSC hoạt động dựa trên mối quan hệ hợp tác lâu dài cùng có lợi với khách hàng và đối tác.

Về lợi nhuận

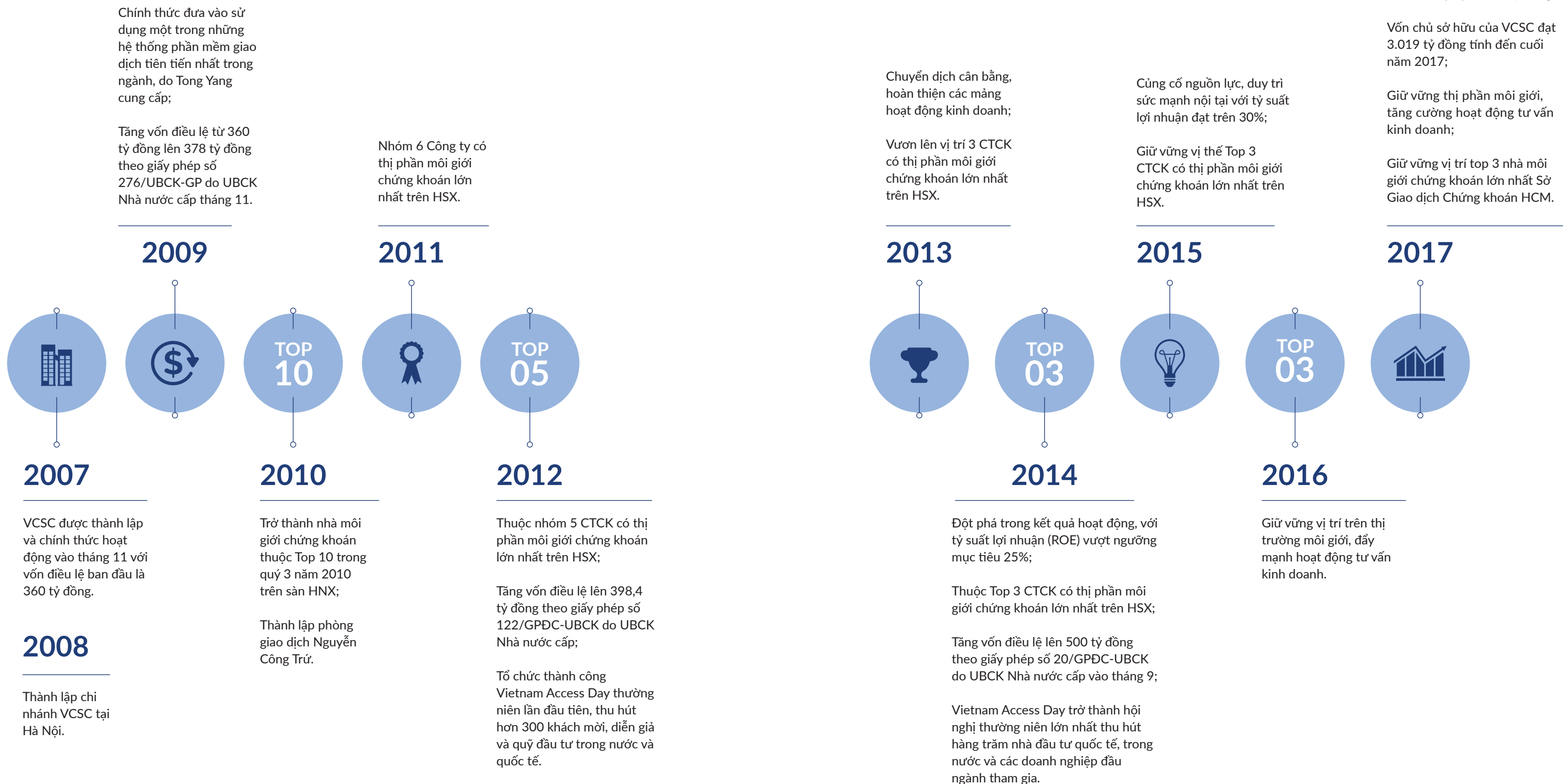
VCSC đặt ưu tiên hàng đầu là tối đa hóa khả năng sinh lời dài hạn cho cổ đông.



Về hiệu suất làm việc

Đội ngũ VCSC, bằng sự chuyên nghiệp và tận tâm, không ngừng tạo ra giá trị gia tăng cho sản phẩm dịch vụ cung cấp đến khách hàng.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



GIẢI THƯỞNG

 2011

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Công ty tư vấn phát hành
vốn tốt nhất Việt Nam”

UBND TP. HCM
trao tặng giải thưởng
“Doanh nghiệp Sài Gòn
tiêu biểu năm 2011”



Tạp chí The Asset
binh chọn
“Công ty môi giới tốt nhất
Việt Nam”



**Tạp chí Alpha
Southeast Asia**
vinh danh
“Công ty tư vấn phát hành
vốn tốt nhất”
“Công ty tư vấn tài chính
doanh nghiệp quy mô vừa
tốt nhất” tại Việt Nam”

 2012

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
binh chọn là
“Ngân hàng đầu tư tốt
nhất Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia
công nhận
“Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất”
“Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất”
“Nhà môi giới tổ chức tốt nhất”

 2013

Diễn đàn M&A Việt Nam
binh chọn là
“Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất
5 giai đoạn 2009 - 2013”



Tạp chí Alpha Southeast Asia
công nhận
“Nhà môi giới tổ chức tốt nhất”
“Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp quy mô vừa tốt nhất”
“Công ty tư vấn phát hành vốn tốt nhất Việt Nam”

 2014

Diễn đàn M&A Việt Nam
binh chọn
“Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất
giai đoạn 2013 - 2014”



Tạp chí Alpha Southeast Asia
vinh danh
“Nhà môi giới tổ chức tốt nhất
Việt Nam”

 2015

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Ngân hàng đầu tư tốt
nhất Việt Nam”
“Công ty Chứng khoán tốt
nhất Việt Nam”

Tạp chí Euromoney
binh chọn
“Ngân hàng đầu tư tốt
nhất Việt Nam”



**Tạp chí Alpha
Southeast Asia**
trao tặng
“Nhà Huy động vốn tốt
nhất ở Việt Nam trong
năm 2007 - 2016”

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Ngân hàng đầu tư tốt
nhất Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia
binh chọn
“Công ty tư vấn tài chính doanh nghiệp
quy mô vừa tốt nhất Việt Nam”

HNX
binh chọn là
“Một trong ba CTCK có dịch vụ tư
vấn tốt nhất giai đoạn 2005 - 2015”

Diễn đàn M&A Việt Nam
binh chọn là
“Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất
giai đoạn 2014 - 2015”

 2016

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”
“Công ty Chứng khoán tốt nhất
Việt Nam”



Tạp chí Alpha Southeast Asia
trao tặng
“Nhà Huy động vốn tốt nhất ở Việt
Nam trong năm 2007 - 2016”

Diễn đàn M&A Việt Nam
binh chọn là
“Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất
giai đoạn 2015 - 2016”

 2017

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Ngân hàng đầu tư tốt nhất Việt Nam”

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Công ty EMC tốt nhất Việt Nam”

FinanceAsia

Tạp chí Finance Asia
vinh danh
“Nhà Môi giới tốt nhất Việt Nam”



Alpha Southeast Asia
trao giải
“Nhà Vốn Cổ Phần Tốt Nhất”



Alpha Southeast Asia
trao giải
“Ngân hàng Đầu tư và Nhà M&A
tốt nhất”

Diễn đàn M&A Việt Nam
binh chọn là
“Nhà tư vấn M&A tiêu biểu nhất
giai đoạn 2016 - 2017”

NGUỒN NHÂN LỰC



GHI ĐẤU 10 NĂM PHÁT TRIỂN, ĐIỀU GÌ ĐÃ LÀM NÊN VCSC NGÀY HÔM NAY?

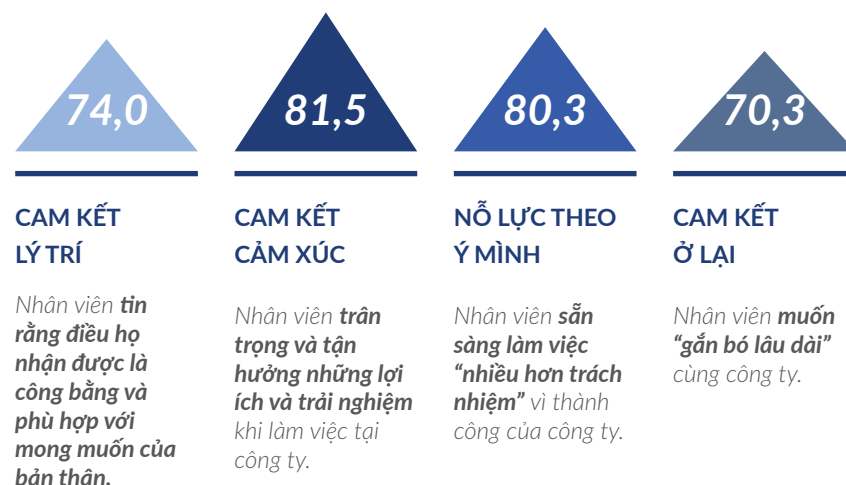
Năm 2017 là năm đánh dấu chặng đường 10 năm phát triển của VCSC. Đến nay VCSC vẫn giữ vững một trong những nguyên tắc hoạt động ban đầu, đó chính là lấy yếu tố “Con người” làm động lực tăng trưởng bền bỉ. Tại VCSC, yếu tố con người được xem là một trong những nhân tố quan trọng làm nên sự phát triển của VCSC ngày hôm nay. Chúng tôi quan niệm rằng khi nhân viên được làm việc trong một văn hóa doanh nghiệp trân trọng giá trị con người, được hưởng cơ hội phát triển toàn diện cả trong sự nghiệp và cuộc sống, họ sẽ phát huy tối đa năng lực và nhiệt huyết cống hiến cho sự phát triển của VCSC. Vì vậy VCSC không ngừng xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, một văn hóa doanh nghiệp toàn diện nhất gắn liền với thương hiệu VCSC bền vững qua các năm.

KHẢO SÁT NGUỒN NHÂN LỰC HẠNH PHÚC

Tháng 1/2017, VCSC đã hợp tác với Công ty Cổ phần Anphabe thực hiện cuộc khảo sát Nguồn nhân lực hạnh phúc tại VCSC, mục đích ghi nhận chỉ số hạnh phúc, cảm nhận của Nhân viên về một môi trường làm việc trực tiếp, về cấp quản lý và các đồng nghiệp và những chia sẻ về động lực nghề nghiệp cả về hiện tại lẫn tương lai, qua đó góp phần xây dựng tốt hơn nữa về một môi trường làm việc lý tưởng.

Cuộc khảo sát đã cho chúng tôi những chỉ số cụ thể để đánh giá Nguồn nhân lực hạnh phúc tại VCSC. 75% nhân viên tin rằng những điều họ nhận được tại VCSC là công bằng là phù hợp với mong muốn bản thân. Điều này cho thấy rằng VCSC đã mang lại cho nhân viên những lợi ích xứng đáng với sự đóng góp của họ cho sự phát triển của công ty trong chặng đường 10 năm qua. 81,5% nhân viên trân trọng và tận hưởng những lợi ích và trải nghiệm về VCSC. Nhân viên VCSC thực sự hạnh phúc để đón nhận và trải nghiệm những gói lợi ích tốt nhất, những sự kiện nội bộ VCSC không chỉ dành riêng cho nhân viên mà còn cho gia đình của họ. Vì vậy, cuộc khảo sát đã chỉ ra được 80,3% nhân viên sẵn sàng làm việc “nhiều hơn trách nhiệm” vì VCSC và 70,3% nhân viên cam kết “gắn bó lâu dài” và không có ý định xem xét với các cơ hội việc làm khác.

Một nguồn nhân lực hạnh phúc tại một môi trường làm việc lý tưởng cho phép họ tự do phát huy tối đa năng lực, kỹ năng của mình vượt qua các thử thách thực hiện công việc một cách tốt nhất. Bên cạnh đó, VCSC cũng sẽ tiếp tục xây dựng và phát huy tối đa nguồn nhân lực cho sự phát triển mạnh mẽ trong chặng đường kế tiếp.



VCSC - NÂNG TẦM GIÁ TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC

Chúng tôi quan niệm dùng người hiệu quả không chỉ là làm cho nhân viên khắc phục nhược điểm mà còn phải biết cách phát huy những tiềm năng trong mỗi cá nhân. Điều đó đòi hỏi chúng tôi không ngừng xây dựng cải tiến cơ chế đánh giá một cách xác thực và minh bạch nhằm ghi nhận xứng đáng những đóng góp của nhân viên, qua đó xây dựng hệ thống giải pháp nhân sự đúng đắn để nhân viên có cơ hội tự do mở rộng tư duy và nỗ lực hoàn thiện. Cơ hội trau dồi kỹ năng và kiến thức còn được tạo ra qua tương tác với đồng nghiệp, đối tác và khách hàng trong lĩnh vực chuyên trách.

SỰ ĐA DẠNG VÀ HÒA NHẬP

VCSC đã và đang thu hút một đội ngũ nhân tài đến từ nhiều nền văn hóa khác nhau như Việt Nam, Mỹ, Anh, Pháp, Úc, Canada, Ấn Độ.... có trình độ chuyên môn khác nhau, tạo nên môi trường làm việc đa dạng.

Chúng tôi đã xây dựng một nền văn hóa nội bộ hợp tác và kết nối hiệu quả. Sự đa dạng về trình độ, tuổi tác, giới tính, tư duy, kinh nghiệm làm việc và văn hóa của đội ngũ nhân viên giúp chúng tôi đưa ra các quyết định, định hướng trong công việc tốt nhất. Một môi trường làm việc thu hút nhân sự chất lượng cao là một trong những yếu tố làm cho công ty trở thành một nơi làm việc tốt nhất trong lĩnh vực Ngân hàng Đầu tư.



Chúng tôi luôn xây dựng và đầu tư chặt chẽ mỗi một kế hoạch tuyển dụng, chọn lựa nhân sự.

Mỗi một kế hoạch tuyển dụng đều được chúng tôi đầu tư chặt chẽ và hợp lý nhằm chọn ra những ứng viên xuất sắc, nhiệt huyết, có nền tảng kiến thức cũng như chuyên môn phù hợp, nhằm hỗ trợ các chiến lược kinh doanh của công ty đi đến thành công. Chúng tôi cũng không ngừng tìm kiếm các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển các nhân tài trẻ. Hàng năm, VCSC vẫn duy trì tổ chức các buổi hội thảo định hướng nghề nghiệp và chiêu sinh tại các trường Đại học hàng đầu Việt Nam như Đại học Ngoại thương, RMIT, v.v... Các nhân tài trẻ được tạo cơ hội làm việc theo chương trình thực tập sinh, trải nghiệm môi trường làm việc chuyên nghiệp và chứng tỏ năng lực để trở thành nhân viên chính thức. Vì vậy, sự trẻ hóa về lực lượng lao động dường như đang được định hình tại VCSC, mang đến cho chúng tôi những luồng gió mới, những phương thức ý tưởng kinh doanh mới. Chính đội ngũ nhân sự năng động, hiệu quả đã đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty. Ở chiều ngược lại, sự phát triển mở rộng hoạt động kinh doanh giúp mở ra các cơ hội việc làm và những nhiệm vụ mới để mỗi nhân viên trau dồi kinh nghiệm, kiến thức và kỹ năng.

Trong năm 2017, VCSC đã tuyển chọn 55 thực tập sinh thực tập tại các bộ phận Ngân hàng đầu tư, Nghiên cứu & phân tích và Bộ phận Môi giới; trong đó đã có 7 thực tập sinh được VCSC tuyển dụng làm việc chính thức cho Bộ phận Nghiên cứu & phân tích, Ngân hàng đầu tư và Bộ phận Môi giới, 18 thực tập sinh đã và đang là những Cộng tác viên tiềm năng cho Bộ phận Môi giới và được VCSC tạo cơ hội để trở thành những Chuyên viên Môi giới chính thức của VCSC trong tương lai.

ĐÀO TẠO - ĐẦU TƯ NGẮN HẠN MANG ĐẾN LỢI ÍCH DÀI HẠN.

Phát triển năng lực các nhà lãnh đạo hiện tại và tương lai là yếu tố rất quan trọng đối với sự thành công của công ty chúng tôi, và chúng tôi hy vọng họ sẽ là nhà vô địch cho chiến lược về đào tạo nội bộ tại công ty. Chúng tôi cũng chú trọng đặc biệt đến việc cung cấp các cơ hội đào tạo và phát triển cho nhân viên sớm nhất, kể từ khi họ gia nhập đội ngũ VCSC.

Thay vì xem ngân sách đào tạo là một khoản chi phí lớn, chúng tôi lại xem đó như là một khoản đầu tư chiến lược mang lại lợi ích lâu dài cho VCSC. Vì vậy, chúng tôi không ngừng hỗ trợ nhân viên tham gia các khóa đào tạo nghiệp vụ và kỹ năng gồm:

→ **Chứng chỉ CFA (Chứng chỉ phân tích tài chính quốc tế):** Hỗ trợ hoàn toàn chi phí cho Nhân viên khối Kinh doanh có nguyện vọng thi lấy chứng chỉ CFA theo từng cấp độ. Hiện tại VCSC đã có 14 Nhân viên có chứng chỉ CFA các Level I/II/III, trong đó 4 Nhân viên đã có chứng chỉ CFA Charter Holder.

→ **Chứng chỉ Thẩm định viên về giá:** Đối với nhân viên thuộc khối Ngân hàng đầu tư, việc lấy chứng chỉ Thẩm định viên về giá do Bộ Tài Chính ban hành cũng là ưu tiên hàng đầu.

→ **Quản trị mạng:** Công việc quản trị mạng đóng vai trò tối quan trọng đối với hoạt động của công ty nên hàng năm chuyên viên Công nghệ thông tin đều được tham gia các khóa đào tạo quản trị mạng tại các học viện uy tín, giúp trau dồi kinh nghiệm xử lý, khắc phục nhanh khi có sự cố nhằm đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định.



→ **Đào tạo nội bộ:** Khối Môi giới - VCSC triển khai chương trình thi trắc nghiệm trực tuyến cho Nhân viên Khối Môi giới dựa trên ngân hàng câu hỏi kiến thức và chuyên môn được VCSC xây dựng cùng với hệ thống tài liệu phục vụ cho công tác đào tạo nội bộ Khối Môi giới. Kết quả của Kỳ thi giúp cho cấp quản lý đánh giá được thực trạng và biện pháp đào tạo phù hợp nhằm giám sát và nâng cao chất lượng dịch vụ Khối Môi giới hàng năm. VCSC cũng ban hành quy chế và chính sách khuyến khích cho các giảng viên nội bộ trong công tác đào tạo chia sẻ kiến thức cho nhân viên. Song song đó, các Khóa đào tạo nội bộ khác vẫn được triển khai xuyên suốt gồm: Chương trình “Đào tạo định hướng dành cho nhân viên mới “Huấn luyện trở thành Chuyên viên Phân tích”, v.v...



→ **Kỹ năng mềm:** Để tăng cường sự tương tác, hiệu quả công việc và triển vọng nghề nghiệp của mỗi cá nhân. Các khóa đào tạo kỹ năng mềm như: Kỹ năng giao tiếp hiệu quả, Kỹ năng trình bày tạo ảnh hưởng lớn, Kỹ năng đàm phán hiệu quả, Kỹ năng chăm sóc khách hàng, v.v... cũng được tổ chức hàng năm do các trung tâm đào tạo có uy tín và kinh nghiệm tại Việt Nam thực hiện cho nhân viên chuyên trách.

→ **Đào tạo lấy chứng chỉ chứng khoán và chứng khoán phái sinh:** Đảm bảo tất cả nhân viên nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề và chứng khoán phái sinh theo quy định của Ủy ban Chứng khoán.

CƠ HỘI THĂNG TIẾN - MẪU CHỐT GIỮ CHÂN NHÂN TÀI.

Song song với nỗ lực xây dựng một môi trường làm việc lý tưởng, chúng tôi không ngừng ghi nhận sự cống hiến của tất cả nhân sự VCSC, đặc biệt đối với những cá nhân có những đóng góp hiệu quả và lâu dài sẽ được công ty tạo cơ hội thăng tiến trong sự nghiệp. Trong năm 2017, chúng tôi ghi nhận 26 lượt nhân viên được thăng chức.

THU NHẬP CẠNH TRANH - PHÚC LỢI HẤP DẪN

Người lao động luôn mong muốn được trả mức lương tốt nhất, nhận được phúc lợi hấp dẫn, mức thưởng “có thể may túi ba gang mang đi mà đựng” và thực tế là hiện nay có rất nhiều công ty, ngân hàng trên thị trường đã trả lương cho nhân viên khá cao, thưởng cũng nằm trong hàng tốt nhất trên thị trường lao động.

Tuy nhiên, tại VCSC, một tiêu chí khác được nhân viên quan tâm không kém tiêu chí thu nhập đó là một môi trường làm việc chuyên nghiệp - là nơi nhân viên có thể phát huy được năng lực của bản thân, cống hiến hết mình...và được hưởng thành quả từ những nỗ lực bản thân. Do vậy, nhân viên có thể nhận thức được rằng dù ở đâu may túi ba gang vẫn không sánh bằng thành quả họ đã nhận được khi làm việc với một tinh thần cống hiến như vậy. Chính vì thế, tại VCSC, nhân viên chúng tôi luôn được hưởng những thành quả tốt nhất, nhiều hơn mong đợi.

Những năm trước, khi thị trường chứng khoán trong giai đoạn gặp nhiều khó khăn, các nhân viên của VCSC trong giai đoạn đó vẫn kiên trì làm việc, gắn bó với công ty, nỗ lực cống hiến cho sự phát triển của VCSC. Ngày nay, khi thị trường đã phục hồi và tăng trưởng, VCSC đã phát triển mạnh mẽ qua chặng đường 10 năm không thể không kể đến những đóng góp của đội ngũ những nhân viên ưu tú của VCSC.

Vì vậy, chính sách lương thưởng của công ty chúng tôi thể hiện cho người lao động thấy rằng họ có thể tự đánh giá được phần đóng góp của mình trên Quỹ lương thưởng và được hưởng tối đa theo sự đóng góp đó trong chính sách lương thưởng. Điều đó không chỉ giúp công ty tăng trưởng trong giai đoạn khó khăn mà còn giúp cho công ty phát triển nhanh hơn, mạnh hơn.

Mỗi vị trí tuyển mới tại VCSC đều được chúng tôi cân nhắc xác định mức lương khởi điểm phù hợp nhằm đảm bảo chế độ tương xứng và cạnh tranh nhất so với thị trường. Chúng tôi không ngừng xây dựng cải tiến Chính sách lương, thưởng đúng đắn với những thành tựu mà cá nhân đã đóng góp vào sự phát triển của toàn công ty. Mỗi chặng đường phát triển nổi bật của nhân viên đều được chúng tôi ghi nhận thông qua việc điều chỉnh lương và thăng tiến cấp bậc hàng năm, nhờ đó giúp ghi nhận và khơi dậy tinh thần làm việc nhiệt tình, sáng tạo, có trách nhiệm cao để đạt hiệu quả tối đa trong công việc của nhân viên.

Ngoài ra, VCSC đã duy trì áp dụng chương trình phát hành cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên chủ chốt (ESOP) hàng năm nhằm nâng cao trách nhiệm, quyền lợi và sự gắn bó lâu dài với Công ty.



“ Trên tiêu chí rõ ràng và minh bạch, chúng tôi nỗ lực mang đến cho nhân viên những giá trị vật chất và tinh thần mà nhân viên xứng đáng nhận được.

Chúng tôi cam kết đảm bảo các chính sách, quyền lợi hợp pháp, chính đáng cho người lao động cũng như nghiêm túc tuân thủ các quy định của pháp luật, tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, khám sức khỏe định kỳ thường niên cho toàn thể nhân viên.

Bên cạnh đó, chúng tôi còn chăm sóc sức khỏe nhân viên bằng dịch vụ y tế chất lượng cao bằng gói Bảo hiểm sức khỏe PVI (Bảo hiểm đầu khí). Mức bồi thường của PVI cho phép nhân viên được hưởng những dịch vụ và trợ cấp y tế hiện đại và cao cấp nhất trong nước cũng như ở nước ngoài.

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG NỘI BỘ CỦA VCSC

Các hoạt động gắn kết đội hình được tổ chức theo định kỳ, không chỉ củng cố mối quan hệ giữa nhân viên của chúng tôi mà còn cho nhân viên tự cảm thấy hài lòng. Các hoạt động nội bộ hàng quý của chúng tôi kết hợp các hoạt động giải trí, thể thao và hoạt động nhóm. Tác động tổng thể của các hoạt động này không chỉ dành cho nhân viên của VCSC mà còn cho gia đình của họ, vì chúng tôi nhận thấy rằng gia đình hạnh phúc là điều cần thiết trong việc nâng cao tinh thần và năng lực làm việc của nhân viên.

Ngoài ra, chúng tôi liên tục phát triển ấn phẩm báo chí nội bộ 2!VCSC như một kênh truyền thông để truyền đạt và truyền tải thông điệp trong nội bộ của chúng tôi. Chúng tôi cố gắng đảm bảo mỗi nhân viên đều có cơ hội giao tiếp và chia sẻ những khoảnh khắc được ghi lại từ các hoạt động nội bộ của công ty và được xuất bản nội bộ.



CÁC YẾU TỐ RỦI RO

RỦI RO KINH TẾ

Môi trường kinh tế vĩ mô đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển của các doanh nghiệp. Rủi ro kinh tế được định nghĩa là rủi ro hệ thống đến từ các yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản có ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh bao gồm: i) tăng trưởng kinh tế; ii) tỷ lệ lạm phát và iii) lãi suất.

RỦI RO PHÁP LÝ

Rủi ro pháp lý bắt nguồn từ việc doanh nghiệp không áp dụng đúng quy định pháp luật kịp thời. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán. Hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam vẫn còn chưa hoàn chỉnh. Các quy định mới có thể là một thách thức đối với các doanh nghiệp nếu họ không hiểu đầy đủ. Các sửa đổi và điều chỉnh được cập nhật thường xuyên, có thể ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Như vậy, nhằm giảm thiểu rủi ro pháp lý, Công ty luôn tập trung vào việc cập nhật hệ thống pháp lý; nghiên cứu, phân tích và dự báo những điều chỉnh quy định; đồng thời phối hợp với bộ phận pháp lý để đào tạo và phổ biến kiến thức pháp luật cho nhân viên Công ty.

RỦI RO THANH KHOẢN

Là một công ty chứng khoán, rủi ro thanh khoản của Công ty liên quan đến khả năng đáp ứng các cam kết một cách kịp thời. Việc không tiếp cận với các nguồn vốn có hiệu quả về chi phí có thể dẫn tới việc thiếu khả năng theo đuổi các cơ hội kinh doanh mang lại lợi nhuận và tiếp tục khả năng kinh doanh. Rủi ro thanh khoản có thể phát sinh bất cứ khi nào lượng thanh khoản thu được từ tài sản hoặc từ vay nợ trong bảng cân đối kế toán ít hơn dự kiến hoặc nhu cầu thanh khoản lớn hơn dự kiến. Do đó, rủi ro thanh khoản có thể phát sinh khi xảy ra rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động hoặc bất kỳ rủi ro chung nào.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Công ty có thể ghi nhận thua lỗ từ hoạt động kinh doanh và đầu tư do biến động và tính bất ổn của thị trường. Thị trường hoặc điều kiện kinh doanh bất lợi có thể làm giảm đáng kể doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên đối tác sẽ không thể thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tài chính. Nó bao gồm rủi ro vỡ nợ tín dụng hoặc vỡ nợ trái phiếu, cũng như rủi ro khi một bên bảo lãnh không thể thực hiện nghĩa vụ của mình.

RỦI RO HOẠT ĐỘNG

Rủi ro hoạt động là rủi ro về tổn thất về tài chính phát sinh từ quá trình, con người hoặc hệ thống nội bộ có sai sót hoặc hư hỏng hoặc từ các sự kiện bên ngoài. Nhìn chung, mặc dù Công ty có kế hoạch bảo đảm kinh doanh liên tục, việc kinh doanh cũng phải đối mặt với nhiều rủi ro trong hoạt động, bao gồm cả rủi ro công nghệ phát sinh từ sự phụ thuộc vào công nghệ thông tin, các nhà cung cấp bên thứ ba và cơ sở hạ tầng viễn thông cũng như từ sự kết nối với các đối tác và các tổ chức tài chính khác. Nguy cơ rủi ro cũng có thể nảy sinh từ hành vi sai lầm hoặc sơ suất và gian lận của nhân viên, có thể dẫn đến các vụ điều tra và cáo buộc dân sự hoặc hình sự, các hình thức xử phạt và gây tổn hại về danh tiếng hoặc tài chính.

RỦI RO NHÂN SỰ

Công ty chú trọng chặt chẽ đến rủi ro nhân sự vì nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của bất kỳ doanh nghiệp nào. Hoạt động kinh doanh chứng khoán đòi hỏi nguồn nhân lực chất lượng cao, chưa kể đến thực tế là các nhân viên chất lượng cao thường được tiếp cận và tuyển dụng bởi các công ty cạnh tranh. Do đó, để đảm bảo lực lượng lao động ổn định và có chất lượng cao, Công ty luôn tập trung xây dựng đội ngũ quản lý và nhân viên chuyên nghiệp. Ngoài ra, Công ty còn cung cấp các chương trình đào tạo và các đãi ngộ phù hợp cho mỗi nhân viên. Công ty luôn đánh giá khách quan sự đóng góp của từng nhân viên, tạo môi trường làm việc thân thiện và tạo cơ hội cho nhân viên phát triển năng lực và sự sáng tạo của mình. Công ty cũng áp dụng chính sách tiền thưởng dựa trên tính chất công việc và hiệu quả hoạt động của từng nhân viên. Cuối cùng, công ty hoàn toàn tuân thủ các quy định pháp luật Việt Nam về bảo hiểm cho người lao động.

CẠNH TRANH

Với khoảng 81 công ty chứng khoán đang hoạt động tính đến ngày 31 tháng 5 năm 2017, sự cạnh tranh giữa các công ty chứng khoán về khách hàng, chất lượng dịch vụ và phí dịch vụ đang ngày càng gay gắt. VCSC đứng đầu trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư và môi giới tổ chức nước ngoài, có tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu cao nhất trên thị trường cũng như cơ sở khách hàng riêng biệt và dịch vụ khác biệt. Tuy nhiên, việc có nhiều công ty chứng khoán trên thị trường sẽ dẫn đến việc cạnh tranh về phí dịch vụ có thể gay gắt hơn nữa hoặc thậm chí là cạnh tranh không lành mạnh có thể phát sinh.

CÁC RỦI RO KHÁC

Hoạt động của Công ty cũng có thể bị ảnh hưởng bởi thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt, .v.v., có thể gây ra thiệt hại cho tài sản cũng như hoạt động của Công ty.



VUN ĐẮP NỀN TẢNG

Trải
qua 10 năm hình thành
và phát triển trên nền tảng
vững chắc về tài chính, nguồn nhân
lực và hệ thống quản trị, Công ty Cổ
Phần Chứng khoán Bản Việt (VCSC) đã
khẳng định vị thế vững chắc trong lĩnh
vực Tài chính - Chứng khoán. Những giá
trị đó được VCSC vun đắp qua từng
ngày để ngày càng phát triển
vững mạnh.

MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG

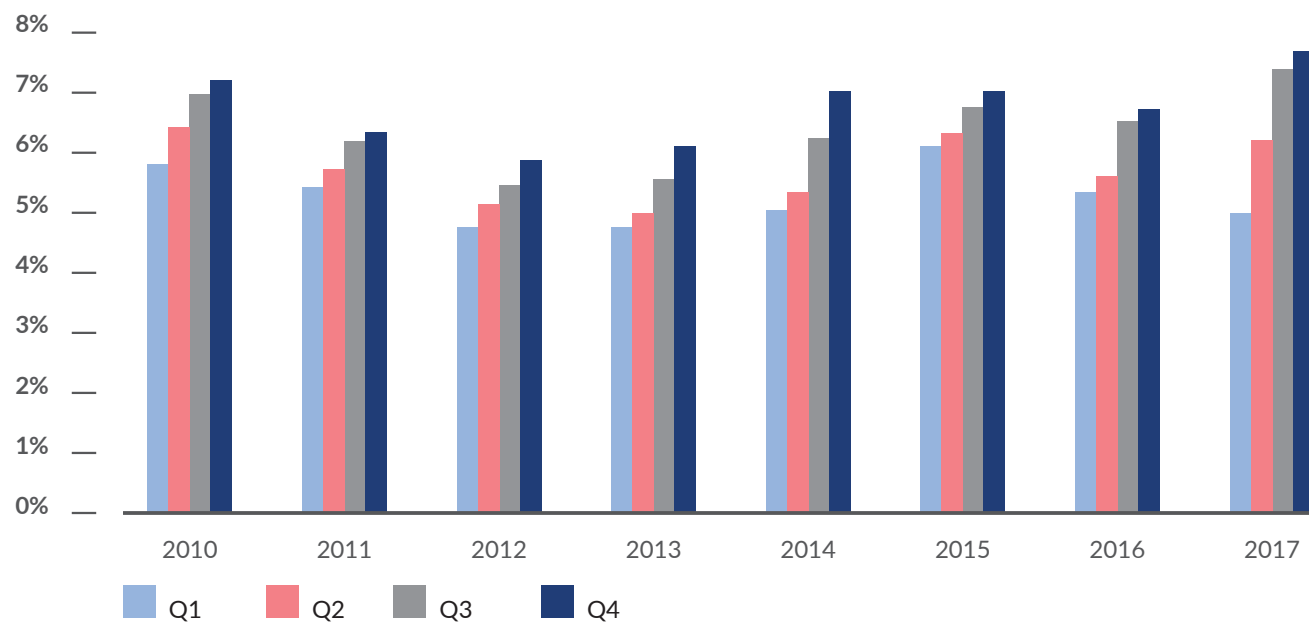
Năm 2017, hoạt động kinh tế của Việt Nam nói chung đã phát triển mạnh mẽ với lạm phát duy trì ở mức thấp. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành công nghiệp và xây dựng, tiêu dùng gia tăng và sự phục hồi của ngành nông nghiệp đã thúc đẩy tăng trưởng GDP. Thị trường chứng khoán Việt Nam đã tăng đáng kể, trong khi độ biến động giảm bớt. Lợi suất trái phiếu Chính phủ (TPCP) giảm và nhu cầu trái phiếu từ các công ty bảo hiểm gia tăng đã giúp Chính phủ cơ cấu lại danh mục nợ công, tập trung vào nợ dài hạn nhằm giảm rủi ro tái tục nợ. Đồng VND tiếp tục duy trì sự ổn định so với USD qua các năm.

MÔI TRƯỜNG KINH TẾ

Tăng trưởng toàn cầu tiếp tục hỗ trợ cho xuất khẩu của Việt Nam. Các nền kinh tế lớn, đặc biệt là Mỹ, Khu vực châu Âu (EU), Trung Quốc và Nhật Bản vẫn đang trải qua giai đoạn tăng trưởng, điều này sẽ thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng. Khi Mỹ, EU, Nhật Bản và Trung Quốc là các đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam, chi tiêu tiêu dùng gia tăng ở các nước này đã đẩy mạnh xuất khẩu của Việt Nam.

Tăng trưởng GDP đã vượt qua mục tiêu của Chính phủ và đạt được mức cao nhất trong một thập kỷ. Việt Nam ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 7,65% trong Quý 4 so với cùng kỳ năm ngoái, mang lại tăng trưởng 6,81% cho cả năm 2017, cao hơn kế hoạch của Chính phủ đề ra là 6,7%. Tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ được ghi nhận trong 3 lĩnh vực chính của nền kinh tế, bao gồm: Nông nghiệp, Công nghiệp & Xây dựng và Dịch vụ. Kết quả tích cực này phản ánh sự phục hồi bền bỉ của ngành Nông nghiệp, dòng vốn nước ngoài mạnh mẽ và nhu cầu trong nước & toàn cầu gia tăng, thúc đẩy sản xuất và xuất khẩu.

TĂNG TRƯỞNG GDP THEO QUÝ



Ngành nông nghiệp đã hồi phục, tăng trưởng cao nhất trong vòng 3 năm qua.

Phân ngành nông nghiệp tăng trưởng 2,1% trong năm 2017, cao hơn nhiều so với mức tăng nhẹ chỉ 0,7% trong năm 2016, mặc dù giá thịt lợn giảm và thời tiết không thuận lợi (mưa lớn) đã gây ra một số tác động tiêu cực đến ngành.

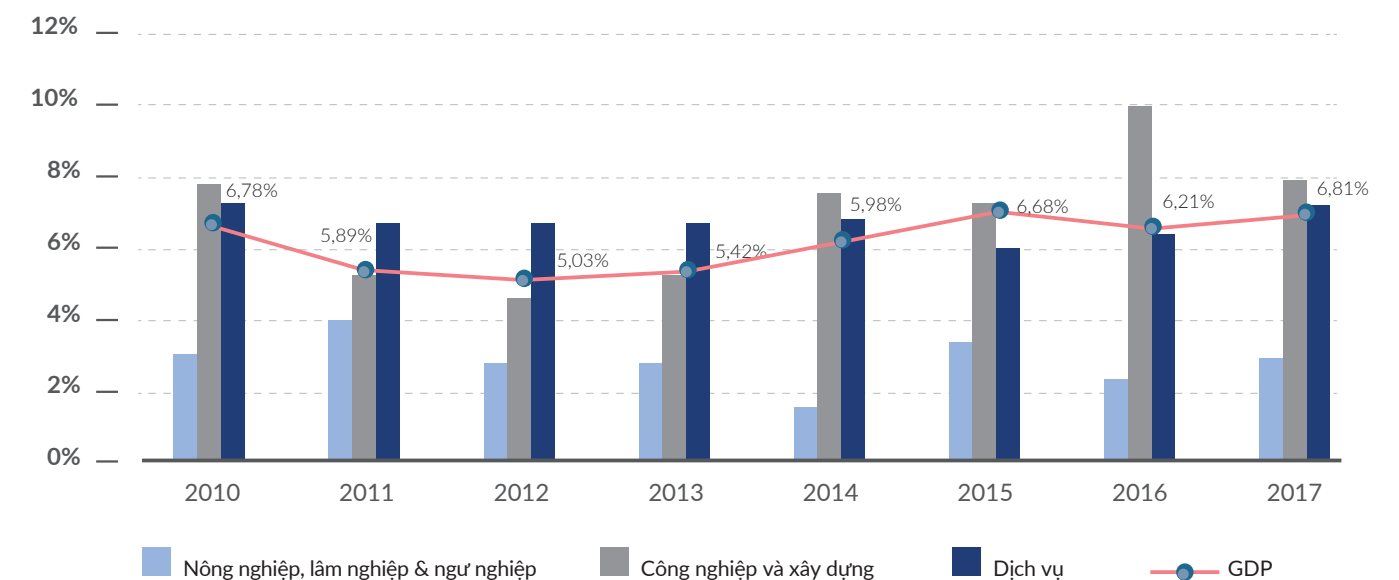
Tăng trưởng sản xuất ấn tượng.

Ngành công nghiệp và xây dựng tăng 8,0% trong năm 2017, cao hơn mức tăng 7,6% của năm 2016, dẫn đầu bởi ngành sản xuất và chế tạo, ghi nhận tăng trưởng đáng kể 14,4% so với 11,9% của năm trước.

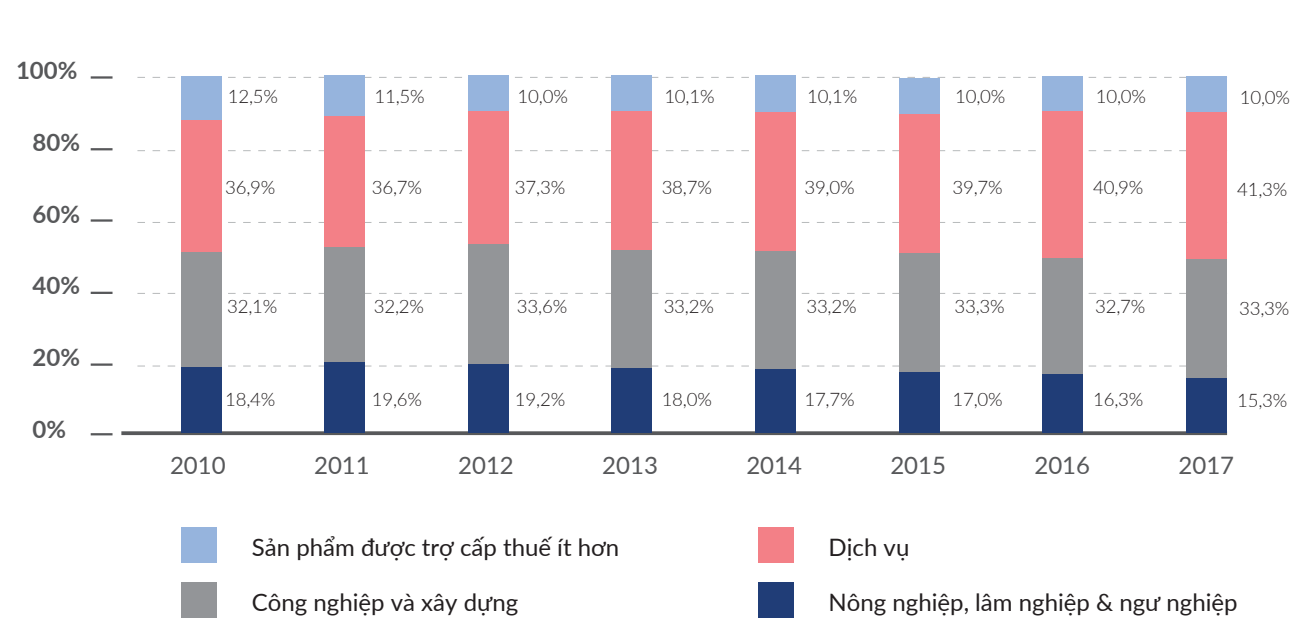
Ngành dịch vụ tiếp tục tăng trưởng với tốc độ cao hơn.

Ngành dịch vụ ghi nhận mức tăng trưởng mạnh mẽ 7,4% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng trưởng cao nhất kể từ năm 2011, đóng góp 38,8% cho tổng GDP. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của ngành này chủ yếu nhờ đóng góp ngành dịch vụ bán buôn và bán lẻ (tăng 8,36% trong năm 2017 so với 8,26% của năm 2016), tài chính, ngân hàng và bảo hiểm (tăng 8,14% so với 7,79%) và đặc biệt là dịch vụ nghỉ dưỡng & ăn uống (tăng 8,98% so với 6,7%), nhờ sự bùng nổ của ngành du lịch.

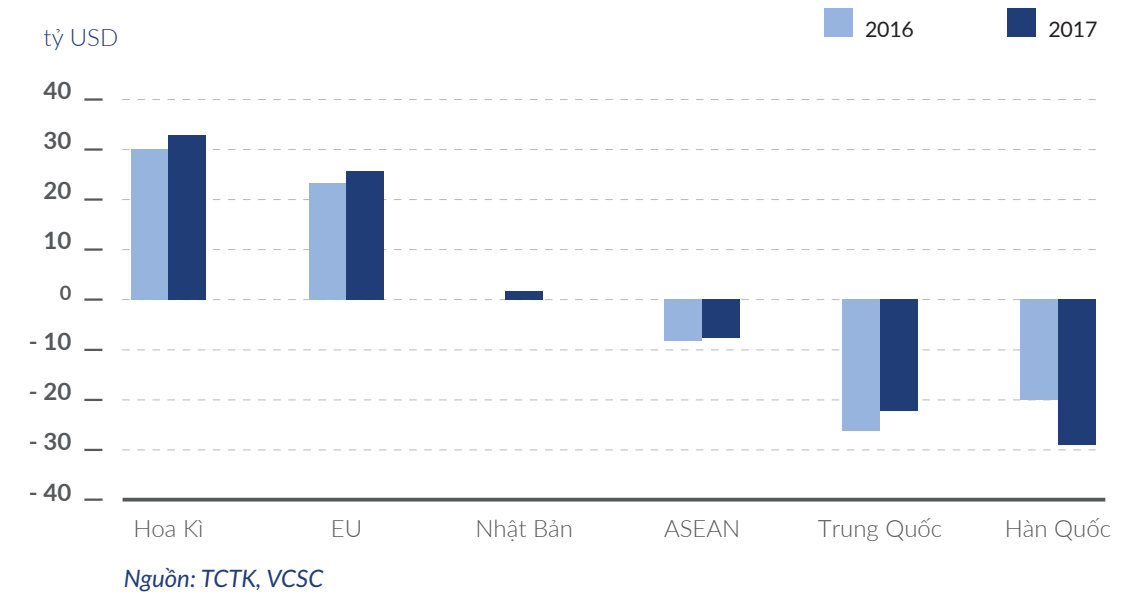
TĂNG TRƯỞNG GDP THEO NGÀNH



CƠ CẤU GDP



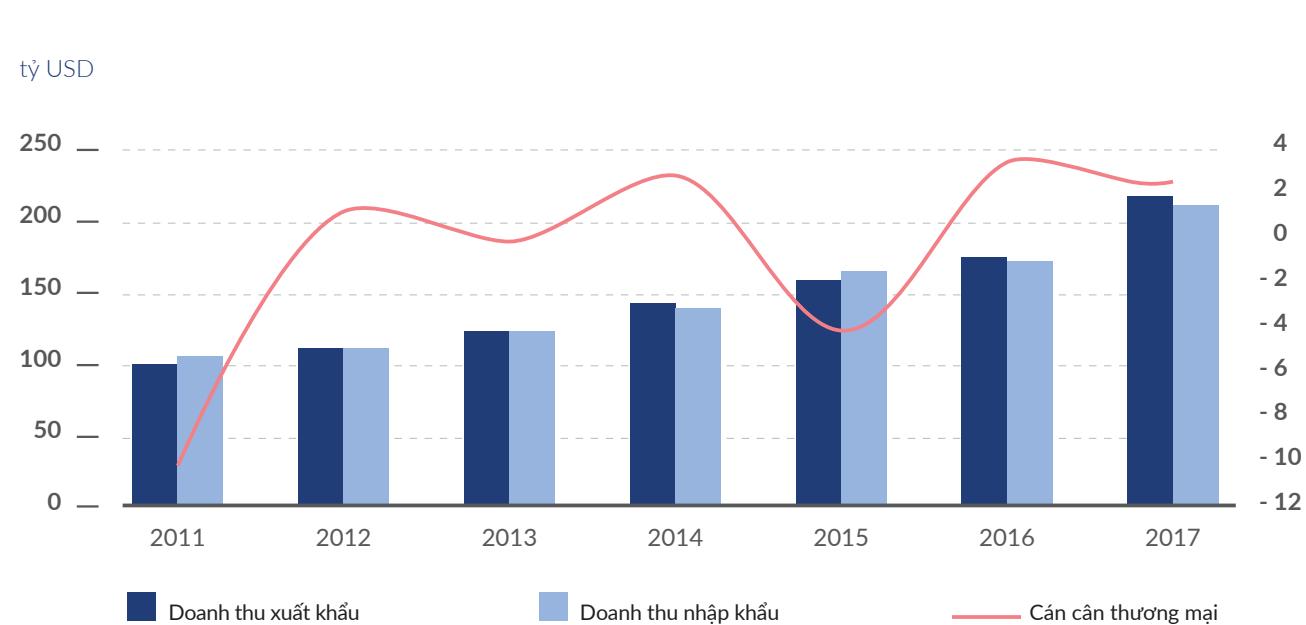
CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VỚI CÁC THỊ TRƯỜNG HÀNG ĐẦU



Việt Nam ghi nhận tốc độ tăng trưởng thương mại cao nhất trong vòng 6 năm. Cán cân thương mại của Việt Nam ghi nhận thâm hụt vào đầu năm 2017, tuy nhiên, cán cân đã chuyển sang thặng dư nhờ xuất khẩu tăng tốc về gần cuối năm. Tính đến cuối năm 2017, Việt Nam ghi nhận thặng dư thương mại là 2,9 tỷ USD. Xuất khẩu và nhập khẩu đạt lần lượt 214 tỷ USD và 221 tỷ USD, tăng trưởng mạnh mẽ lần lượt là 21,1% và 20,8% so với cùng kì năm ngoái, mức tăng trưởng cao nhất trong 6 năm.

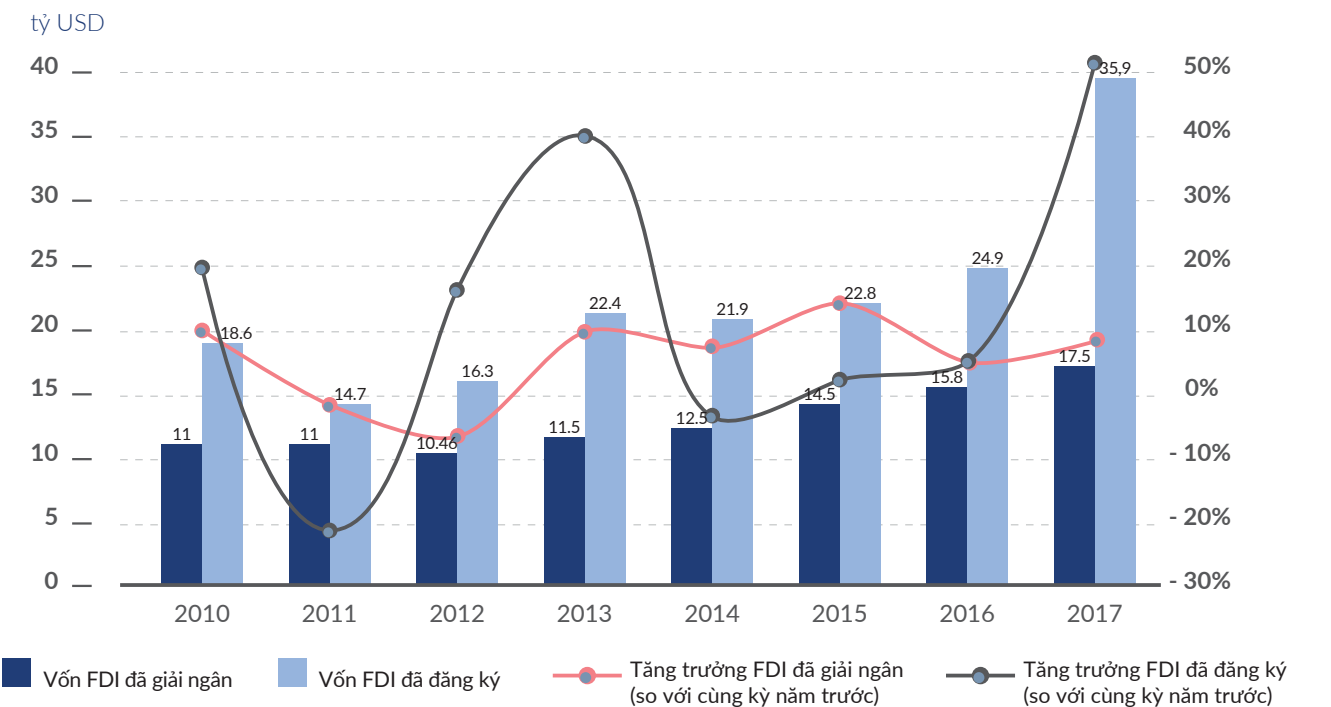
Vốn FDI thường là khoản cam kết đầu tư lâu dài, chú trọng nhiều hơn tới bối cảnh cạnh tranh của Việt Nam, bao gồm ổn định chính trị, kinh tế xã hội, cơ cấu nhân khẩu học tích cực, danh sách dài các FTA (Hiệp định Thương mại Tự do), cải thiện điều kiện kinh doanh và đầu tư. Vốn FDI cam kết đạt 35,9 tỷ USD vào năm 2017 (tăng 44,4% so với cùng kỳ năm trước), mức tăng cao nhất kể từ năm 2008. Trong khi đó vốn FDI giải ngân đạt mức cao kỷ lục 17,5 tỷ USD (tăng 10,8% so với cùng kỳ năm ngoái) chủ yếu nhờ dòng vốn vào mạnh mẽ gần 6,2 tỷ USD thông qua hoạt động M&A (thâu tóm & sáp nhập).

CÁN CÂN THƯƠNG MẠI



Nguồn: TCTK, Tổng Cục Hải quan, VCSC

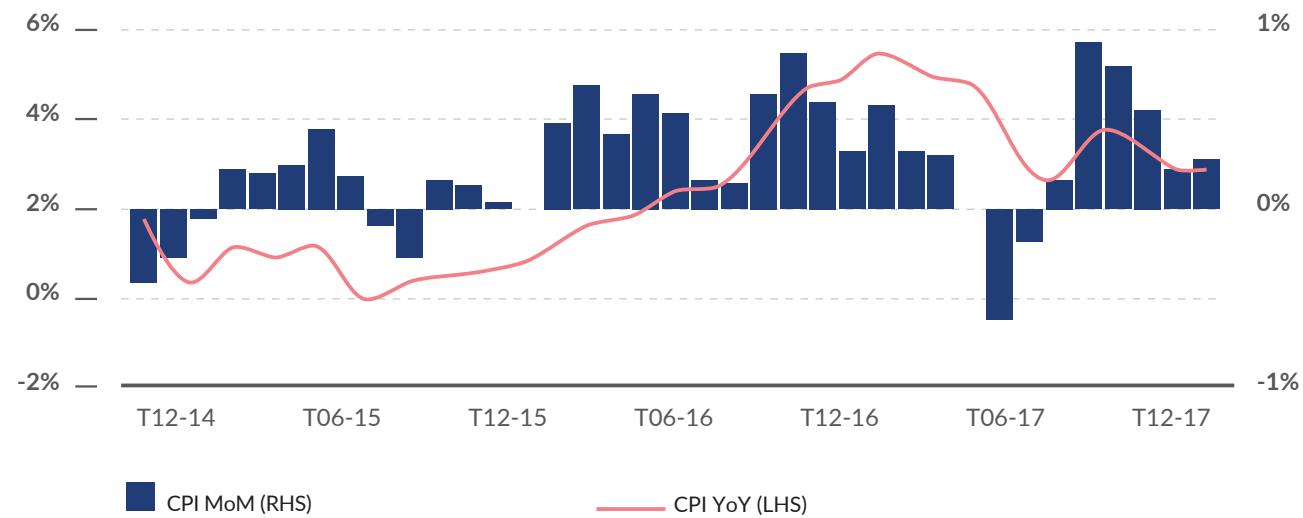
TĂNG TRƯỞNG VỐN FDI GIẢI NGÂN MỚI VÀ FDI ĐĂNG KÝ BỔ SUNG



Nguồn: FIA (Cục đầu tư nước ngoài - Bộ Kế hoạch & Đầu tư)

Lạm phát năm 2017 thấp hơn mục tiêu của Chính phủ. Mặc dù Chính phủ đã hoàn thành gần như tất cả các kế hoạch điều chỉnh giá dự kiến vào năm 2017, gây áp lực lên lạm phát, lạm phát trung bình 3,53% so với cùng kỳ năm trước, thấp hơn nhiều so với mức mục tiêu 4% của Chính phủ. Vào cuối năm 2017, lạm phát hàng năm là 2,6%. Lạm phát cốt lõi (không bao gồm thực phẩm, năng lượng và hàng hoá do Nhà nước quản lý, bao gồm Y tế và Giáo dục) 1,41%, thấp hơn mục tiêu 1,6% - 1,8%, phản ánh chính sách tiền tệ thích hợp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN).

LẠM PHÁT



Nguồn: TCTK, VCSC

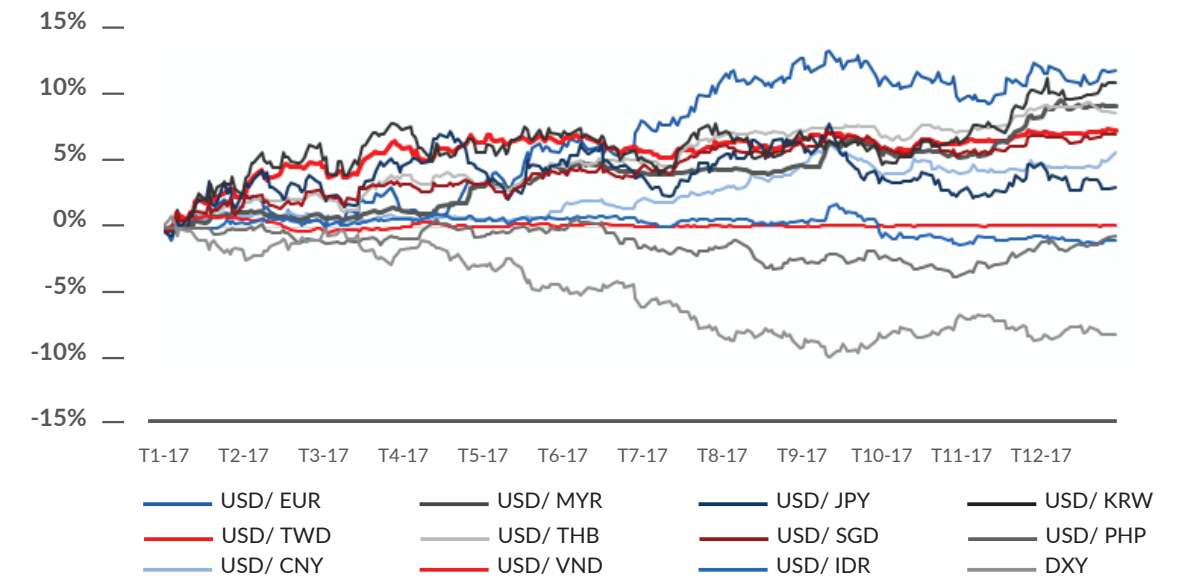
CPI THEO TỪNG NGÀNH

DANH MỤC	Tỷ trọng	CPI 2016 YTD	CPI 2017 YTD
TỔNG CPI			
Thực phẩm, hàng ăn và dịch vụ ăn uống	36,12%	2,87%	-1,80%
Đồ uống và thuốc lá	3,59%	1,97%	1,37%
Đồ may mặc, giày dép, mũ	6,37%	1,64%	1,14%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	15,73%	3,26%	4,67%
Thiết bị và công cụ gia đình	7,31%	1,02%	1,08%
Dược và Y tế	5,04%	55,72%	27,79%
Giao thông Vận tải	9,37%	-1,12%	6,04%
Viễn thông	2,89%	-0,72%	-0,46%
Giáo dục	5,99%	10,81%	7,29%
Văn hoá, thể thao và giải trí	4,29%	1,35%	0,76%
Hàng tiêu dùng và dịch vụ khác	3,30%	2,31%	2,33%

Nguồn: TCTK, VCSC

Dòng vốn đầu tư nước ngoài mạnh mẽ đã giúp ổn định tỷ giá hối đoái. Tỷ giá USD/VND ghi nhận năm ổn định nhất trong năm 2017, mặc dù có trải qua 3 đợt tăng lãi suất của Fed (Cục Dự trữ Liên bang Mỹ). Hơn nữa, chính sách tỷ giá hối đoái linh hoạt của NHNN, bao gồm việc áp dụng cơ chế tỷ giá mới vào đầu năm 2016 và việc thực hiện áp trần lãi suất huy động USD bằng 0 từ cuối năm 2015, đã góp phần làm giảm hoạt động đầu cơ và găm giữ ngoại tệ. Đến cuối năm 2017, tỷ giá liên ngân hàng tăng nhẹ 0,25% so với năm trước.

DIỄN BIẾN CỦA CÁC ĐỒNG TIỀN TỪ CÁC ĐỐI TÁC THƯƠNG MẠI LỚN CỦA VN

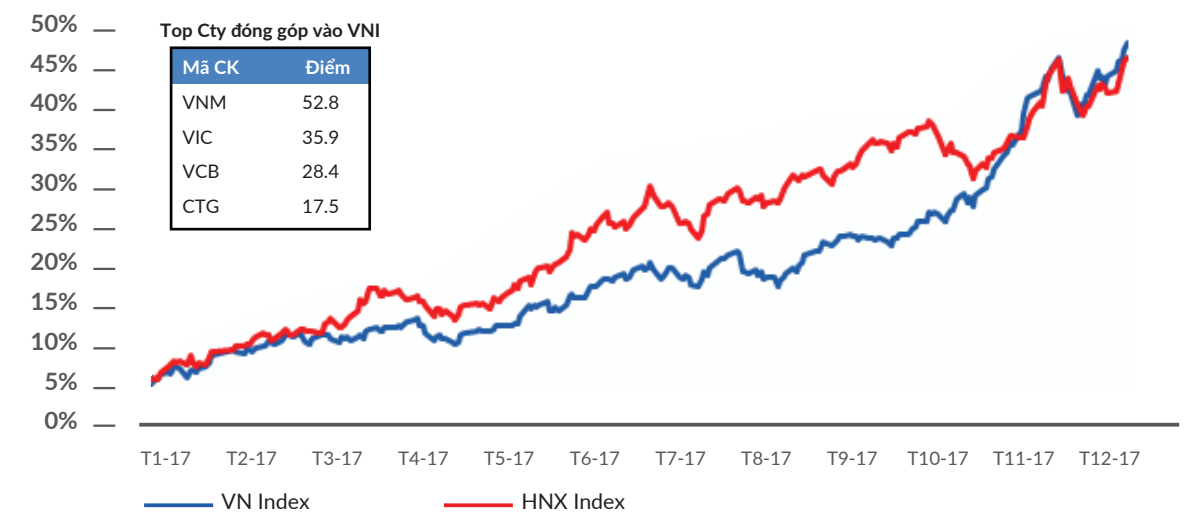


Nguồn: Bloomberg, VCSC

MÔI TRƯỜNG NGÀNH CHỨNG KHOÁN

Chỉ số VN-Index đã có một năm 2017 ấn tượng, tăng trưởng 48% và đóng cửa ở mức 984 điểm, mức cao nhất kể từ năm 2007. Mức tăng ghi nhận trong năm 2017 là mức tăng trong một năm cao nhất kể từ năm 2006 và đã cải thiện tăng trưởng kép hàng năm trong 5 năm qua lên 19,4%.

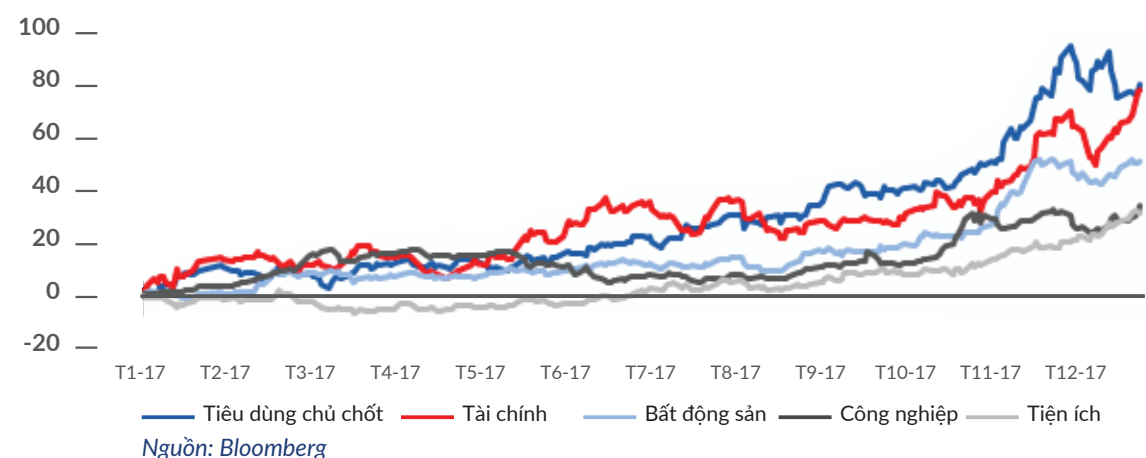
TỶ SUẤT SINH LỜI CỦA THỊ TRƯỜNG 2017



Nguồn: Bloomberg

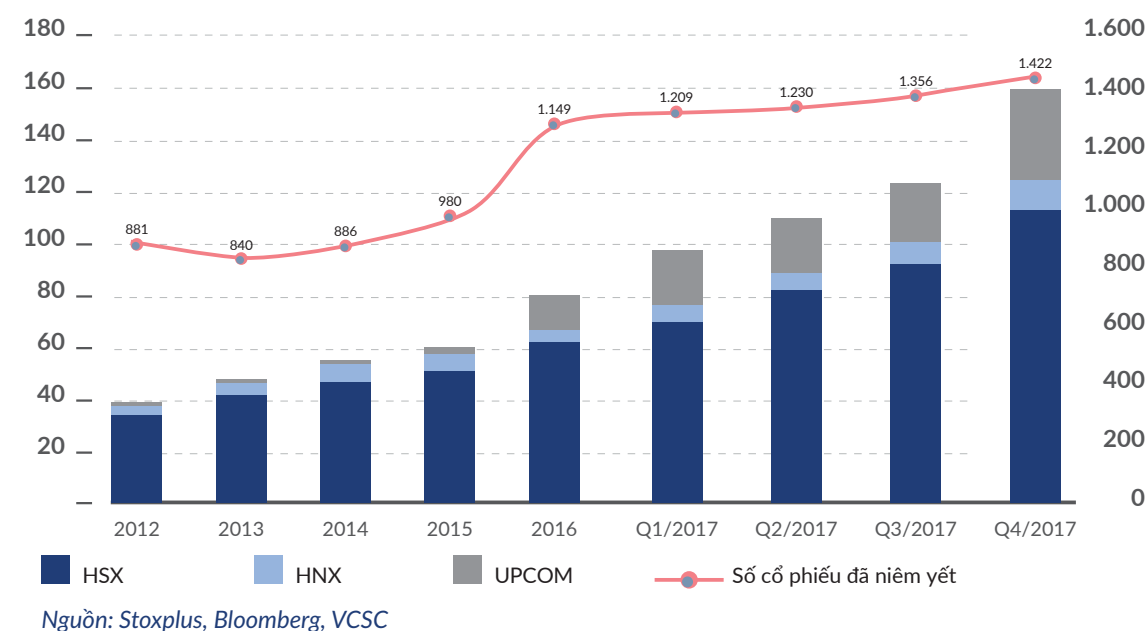
Ngành tiêu dùng thiết yếu đóng góp nhiều điểm tăng nhất cho chỉ số VN-Index, dẫn đầu bởi các mã bluechips như VNM (tăng 71,9%), SAB (tăng 26,1%) và MSN (tăng 86,1%). Nhóm ngành tài chính đứng vị trí thứ hai. VCB (tăng 56,5%), là ngân hàng lớn nhất tính theo giá trị vốn thị trường, đóng góp nhiều điểm nhất. Tuy nhiên, các ngân hàng khác như ACB (tăng 109,7%), BID (tăng 85,3%), CTG (tăng 73,8%), MBB (tăng 98,6%) và STB (tăng 36,0%) đều có một năm diễn biến tích cực. Ở vị trí thứ ba, ngành bất động sản, dẫn đầu là VIC (tăng 84,0%), ghi nhận phần lớn mức tăng trong quý 4/2017 sau khi niêm yết VRE (tăng 16% kể từ ngày niêm yết vào ngày 6 tháng 11 năm 2017).

TOP 5 NHÓM NGÀNH ĐÓNG GÓP CHO MỨC TĂNG CỦA CHỈ SỐ VN-INDEX

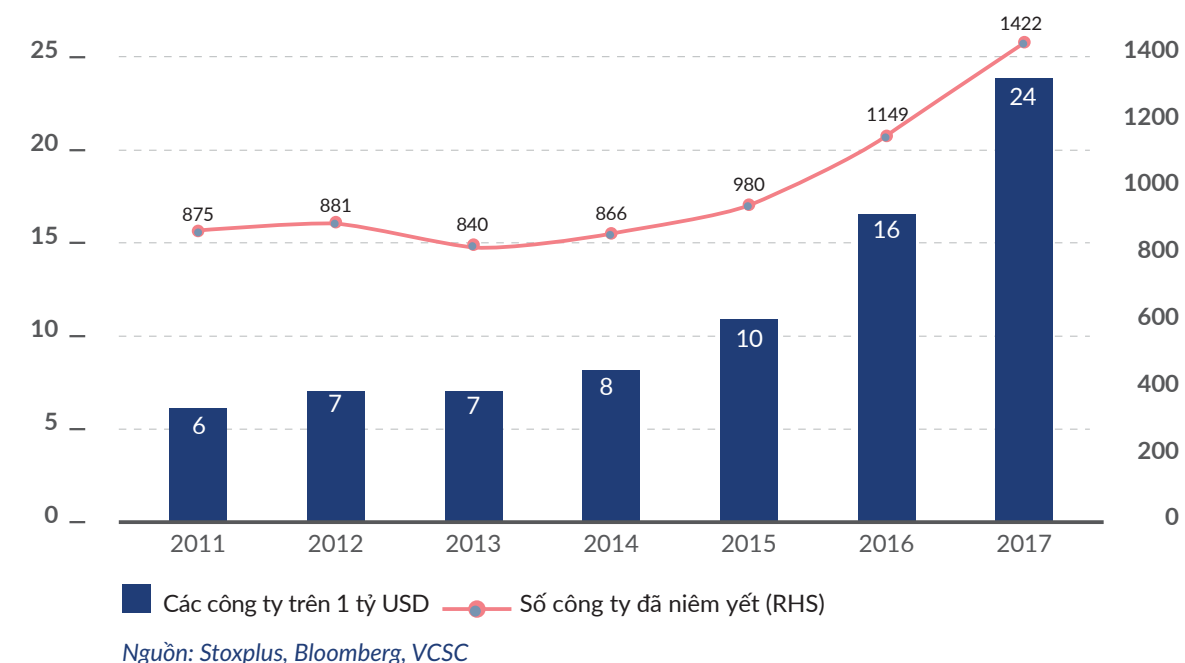


Cổ phiếu bluechip mới niêm yết đóng góp đáng kể cho sự tăng trưởng và phát triển của thị trường. Làn sóng niêm yết mới từ năm 2016 kéo dài đến năm 2017 và đã ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ hơn. Số lượng cổ phiếu niêm yết trên cả 3 sàn giao dịch tăng từ 1.149 cổ phiếu vào cuối năm 2016 lên 1.422 vào cuối năm 2017. Tổng giá trị vốn hóa thị trường của 3 chỉ số này cũng tăng 79% từ 85,6 tỷ USD năm 2016 lên hơn 153 tỷ USD tính đến ngày 29 tháng 12 năm 2017, đưa mức giá trị vốn hóa thị trường/GDP từ 43% vào cuối năm 2016 lên trên 71% vào cuối năm 2017.

TỔNG GIÁ TRỊ VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (TỶ USD) VÀ SỐ CỔ PHIẾU NIÊM YẾT

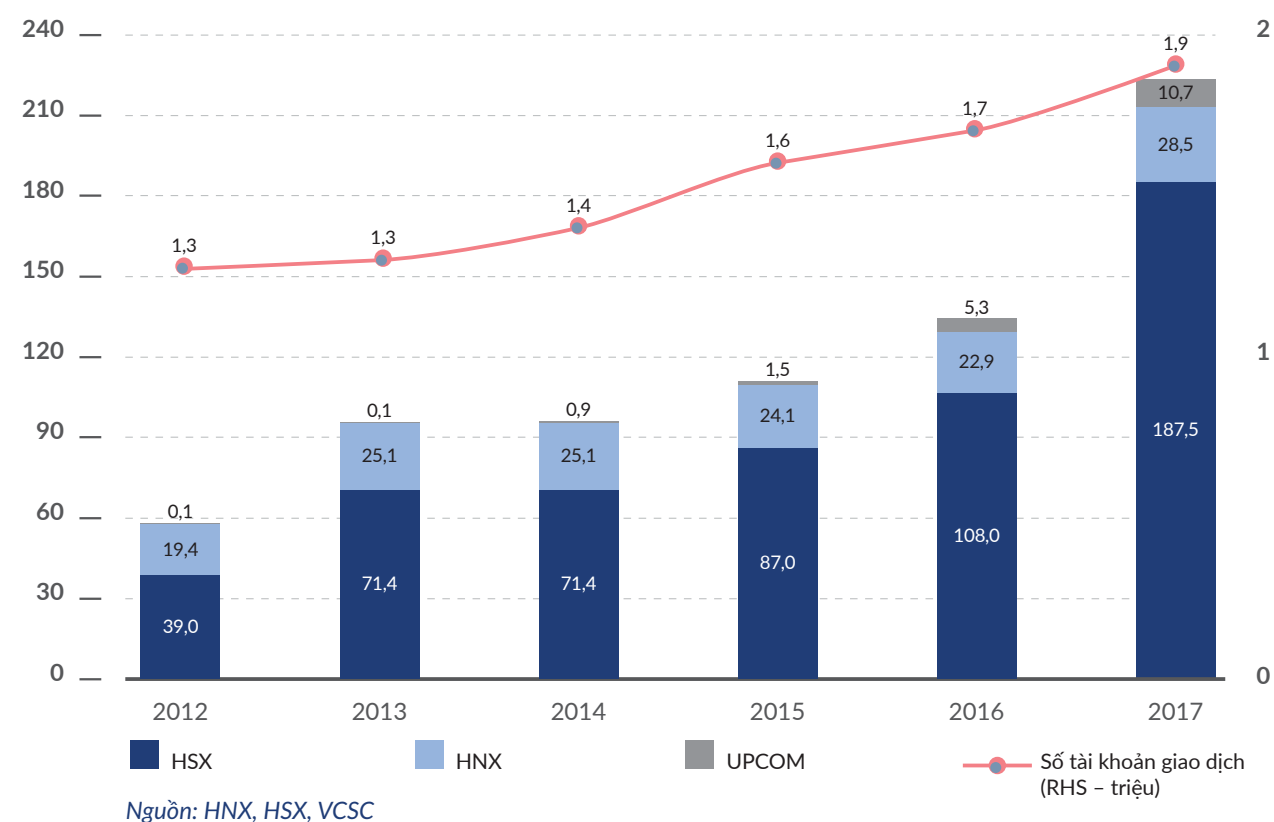


SỐ CÔNG TY NIÊM YẾT VÀ NHỮNG CÔNG TY CÓ VỐN THỊ TRƯỜNG LỚN HƠN 1 TỶ USD



Các cổ phiếu mới niêm yết, chào bán công khai và thoái vốn đã mang lại một số lượng các nhà đầu tư mới đáng kể, cả trong và ngoài nước. Trên thực tế, giá trị giao dịch trung bình hàng ngày đã tăng 66,4% từ 136,2 triệu USD năm 2016 lên 226,7 triệu USD vào năm 2017. Chỉ riêng thanh khoản của chỉ số VN-Index tăng 73,6% đạt 187,5 triệu USD vào năm 2017.

GIÁ TRỊ GIAO DỊCH TRUNG BÌNH HÀNG NGÀY (TRIỆU USD) VÀ TỔNG SỐ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH

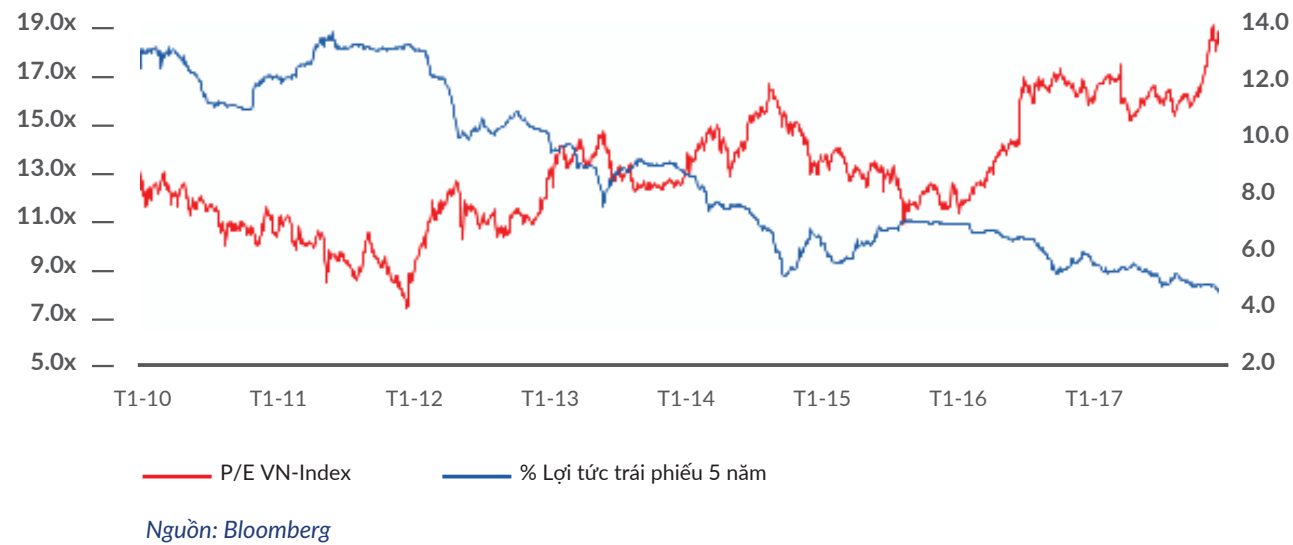


Mối tương quan giữa tỷ lệ P/E tăng và lợi suất trái phiếu giảm cho thấy sự tăng trưởng của thị trường là hợp lý. Trái phiếu chính phủ 5 năm khép lại năm 2017 với mức lợi suất thấp kỷ lục chỉ là 4,35%.

Các yếu tố cấu trúc liên quan đến mối tương quan này là:

- Môi trường vĩ mô mạnh mẽ của Việt Nam - với sự tăng trưởng mạnh mẽ, đồng tiền ổn định và lạm phát thấp - đã cải thiện tỷ lệ rủi ro của Chính phủ đồng thời góp phần nâng cao định giá cổ phiếu bằng cách mang lại một môi trường kinh doanh hấp dẫn.
- Các đợt IPO và thoái vốn đã giúp gia tăng đầu tư nước ngoài. Nguồn ngoại tệ này đã làm tăng dự trữ ngoại hối của Chính phủ và tăng tính thanh khoản của hệ thống ngân hàng, do đó đã làm tăng nhu cầu trái phiếu và làm giảm lợi suất.

P/E CỦA VN-INDEX VS LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ 5 NĂM

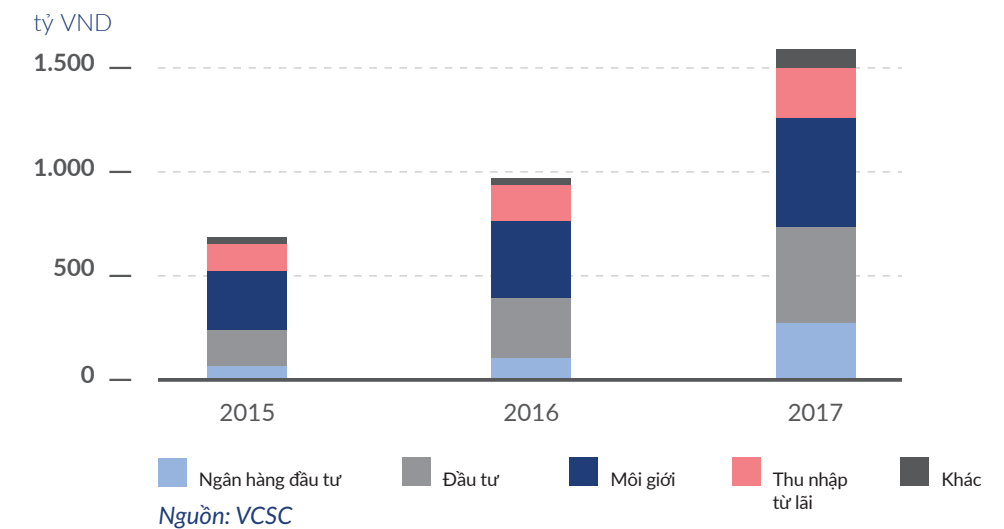


VCSC

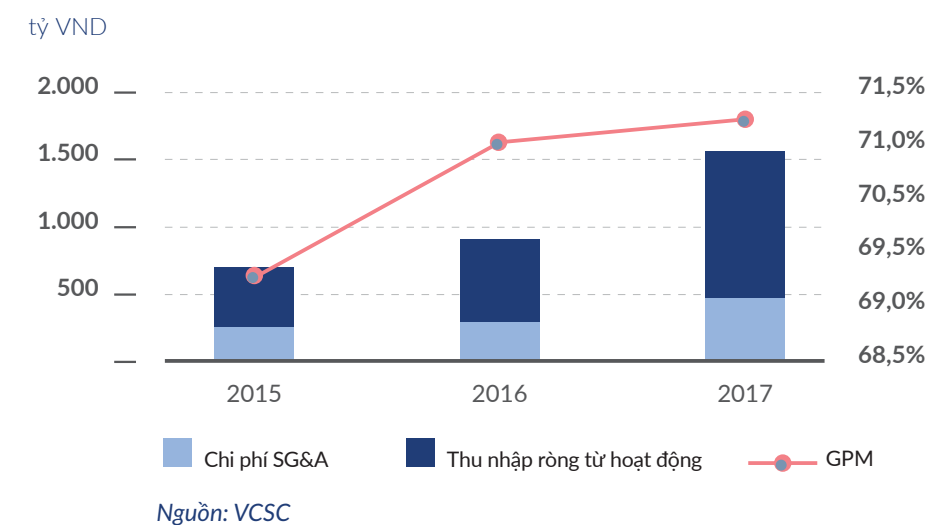
Năm 2017, tổng doanh thu từ hoạt động kinh doanh của VCSC đạt 1,536 nghìn tỷ đồng, tăng 70,9% so với cùng kì năm ngoái (đạt 899 tỷ đồng năm 2016).

Doanh thu từ hoạt động môi giới đạt 498 tỷ đồng, đóng góp 32,4% vào tổng doanh thu, tiếp theo là mảng đầu tư với 490 tỷ đồng (31,9% tổng doanh thu). Đóng góp từ dịch vụ ngân hàng đầu tư đã tăng đáng kể từ 7,5% năm 2016 lên 16,6% vào năm 2017 nhờ vào sự đóng góp nhiều thương vụ thành công. Thu nhập từ lãi trong năm 2017 là 267 tỷ đồng, đóng góp 17,4% vào tổng doanh thu. 1,8% còn lại là từ các hoạt động khác.

CƠ CẤU DOANH THU (tỷ đồng)



THU NHẬP TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (tỷ đồng) VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP



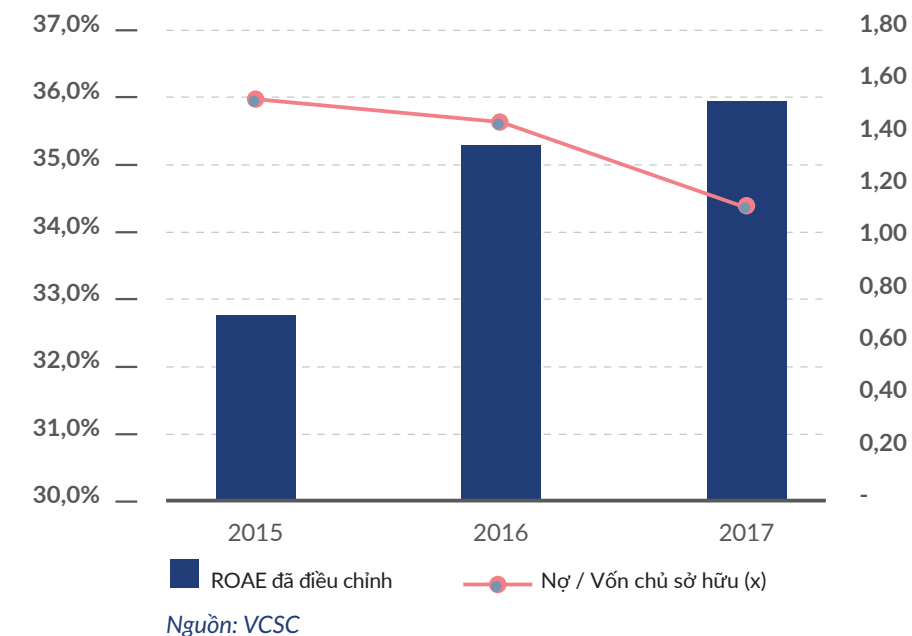
Thu nhập ròng tăng 94,1% trong năm 2017 so với cùng kì năm trước, nhờ sự tăng trưởng mạnh mẽ của mảng ngân hàng đầu tư (tăng 276% so với cùng kì năm trước) và tự doanh (tăng 67% so với cùng kì năm trước). Ngân hàng đầu tư là động lực cho các hoạt động tự doanh và môi giới, giúp môi giới duy trì vị trí top ba thị phần.

Vốn chủ sở hữu đã tăng gấp đôi trong năm 2017 từ 1,28 nghìn tỷ đồng lên 3,02 nghìn tỷ đồng, với vốn điều lệ tăng 16% trong cùng thời kỳ, củng cố tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty.

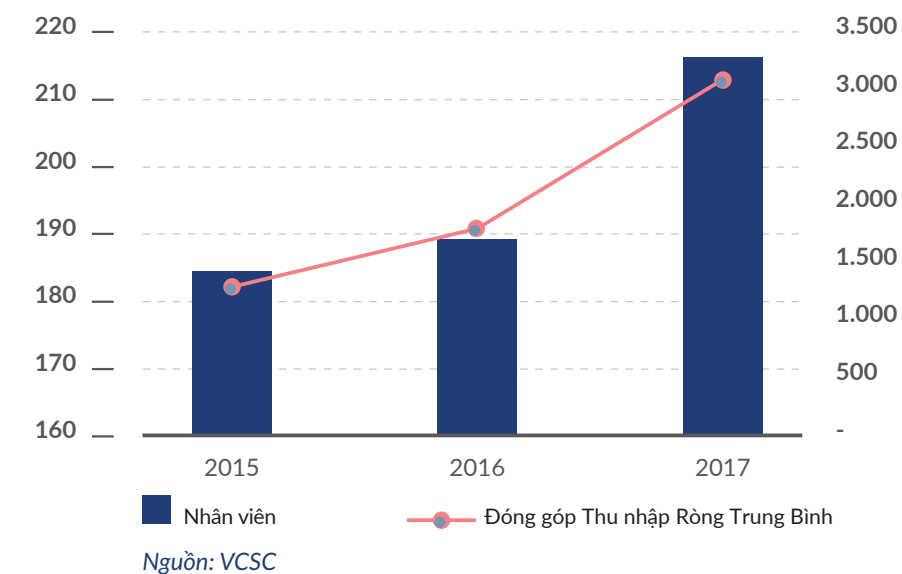
Năm 2017, ROE của VCSC đạt 30,5% (ROE điều chỉnh do phần lợi nhuận chưa phân phối là 36%) và vẫn trên mốc 30% trong 3 năm qua.



MỨC SINH LỜI TRÊN VỐN CHỦ SỞ HỮU VÀ ĐÒN BẨY



HIỆU QUẢ CỦA NHÂN VIÊN





TÍCH LŨY GIÁ TRỊ

Nguồn nhân lực là động lực tăng trưởng bền bỉ của Công ty. VCSC luôn xác định phải phát triển một đội ngũ nhân sự thực sự giỏi chuyên môn, tâm huyết với nghề để cùng xây nên những giá trị vững bền theo thời gian. VCSC không ngừng tìm kiếm các giải pháp nuôi dưỡng và phát triển nhân tài, hoàn thiện văn hóa doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc chuyên nghiệp và hiệu quả.

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



THỊ TRƯỜNG M&A CỦA VIỆT NAM TIẾP TỤC THU HÚT SỰ CHÚ Ý CỦA TOÀN CẦU KHI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ QUAN TÂM ĐẾN TỐC ĐỘ TĂNG TRƯỞNG CAO VÀ THỊ TRƯỜNG TIÊU DÙNG CÒN CHƯA PHÁT TRIỂN ĐÚNG TẦM CỦA VIỆT NAM, ĐẶC BIỆT LÀ TRONG BỐI CẢNH LỢI SUẤT THẤP TẠI CÁC THỊ TRƯỜNG Ở ĐẤT NƯỚC CỦA HỌ.

Năm 2017, chúng tôi đã tư vấn thành công trong việc huy động vốn cho các doanh nghiệp trong nước từ các nhà đầu tư đến từ khắp nơi trên thế giới và bán cổ phần của các doanh nghiệp trong nước cho các nhà đầu tư nước ngoài. Tất cả các nhà đầu tư, trên cả hai lĩnh vực thương mại và tài chính đều tìm kiếm những cơ hội đầu tư lớn tại Việt Nam, đặc biệt là trong các ngành được hưởng lợi từ sự gia tăng của tầng lớp trung lưu.

Bộ phận Ngân hàng Đầu tư đã khẳng định vị trí số 1 trên thị trường khi thực hiện, hoàn thành số lượng thương vụ kỷ lục trong năm 2017. Chúng tôi đã tư vấn cho rất nhiều thương vụ với nhiều cấu trúc khác nhau trên nhiều lĩnh vực. Chúng tôi tin tưởng rằng VCSC đang sở hữu thị phần trên 50% trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng đầu tư tại Việt Nam và tiếp tục là nhà cung cấp dịch vụ tốt nhất cho cả bên mua và bên bán đến từ cả trong và ngoài nước. Hơn nữa, chúng tôi luôn có ý thức cao với vị trí hàng đầu thị trường và hiểu được

trách nhiệm của chúng tôi trong việc nâng cao chất lượng và tiêu chuẩn dịch vụ tài chính doanh nghiệp tại Việt Nam lên tầm quốc tế. Mục tiêu của chúng tôi là sử dụng kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn toàn cầu sâu rộng của đội ngũ chuyên gia tư vấn của mình để nâng tầm bức tranh doanh nghiệp tại Việt Nam và đảm bảo Việt Nam sẽ trở thành một thị trường M&A phát triển bền vững, thu hút đầu tư quốc tế hơn nữa, qua đó giúp các công ty trong nước đạt được tiềm năng của họ.

Một số thương vụ lớn mà chúng tôi đã hoàn thành trong năm 2017:



Nhà tư vấn độc quyền cho thương vụ phát hành riêng lẻ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - VPBank ("VPB"), trong đó huy động vốn từ các nhà đầu tư tổ chức đạt hơn 550 triệu USD. Đây là một trong những thương vụ IPO thành công nhất tại Việt Nam;



Nhà tư vấn độc quyền cho thương vụ phát hành riêng lẻ của CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ), trong đó đã huy động được 43 triệu USD từ các nhà đầu tư tổ chức;



Nhà tư vấn độc quyền cho bên bán trong việc bán 100% Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ Thương mại Ngừ Á Châu - một nhà sản xuất sản phẩm chăm sóc tóc trong nước - cho Tập đoàn Takara Belmont, nhà sản xuất thiết bị và sản phẩm chăm sóc cá nhân của Nhật Bản;



Nhà đồng tư vấn bán 40,12% cổ phần của CTCP Traphaco ("TRA") cho các nhà đầu tư đến từ Hàn Quốc;



Nhà đồng tư vấn cho thương vụ IPO và niêm yết chứng chỉ lưu ký ("ADS") của Sea Ltd - một công ty Singapore hoạt động trong lĩnh vực thương mại điện tử, game online và thanh toán điện tử - tại Sở Giao dịch Chứng khoán New York. Giá trị của thương vụ là 1 tỷ USD;



Nhà đồng bảo lãnh chào bán cổ phần ra công chúng cho Tổng Công ty Viglacera ("VGC"), trong đó huy động được khoảng 86 triệu USD từ các nhà đầu tư;



Nhà đồng tư vấn bán 47% cổ phần của CTCP FPT ("FPT") tại công ty con là Công ty TNHH Thương mại FPT ("FPT Trading");



Nhà tư vấn độc quyền cho đợt phát hành riêng lẻ của CTCP Xây lắp điện 1 ("PC1"), trong đó đã huy động được 23,5 triệu USD chủ yếu từ các nhà đầu tư tổ chức;

Trong năm 2017, nhờ vào các hoạt động dẫn đầu thị trường, chúng tôi đã nhận được nhiều giải thưởng và sự công nhận, bao gồm giải thưởng "Ngân hàng Đầu tư Tốt nhất Việt Nam" năm 2017 lần thứ ba từ Finance Asia; và giải "Nhà tư vấn phát hành cổ phiếu tốt nhất ở Việt Nam" cũng đến từ Finance Asia.

Trong năm tới, chúng tôi vẫn đang có nhiều hợp đồng lớn đang tiếp tục được thực hiện, bao gồm các đợt IPO lớn của cả doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, các giao dịch của bên mua và bên bán trong các thương vụ M&A, tái cấu trúc, phát hành nợ và thoái vốn, và chúng tôi cũng tư vấn cho nhiều công ty đa quốc gia trong quá trình thâm nhập các công ty ở Việt Nam, bao gồm cả việc giúp các công ty này đáp ứng tất cả các quy định pháp luật cần thiết.

Do đó, chúng tôi hy vọng năm 2018 sẽ là một năm bận rộn hơn, và sẽ chứng kiến Việt Nam phát triển trở thành một điểm đến an toàn và sinh lợi cho nguồn vốn quốc tế từ cả nhà đầu tư chiến lược và nhà đầu tư tài chính. Việt Nam có thể trở thành điểm đến an toàn cho các nhà đầu tư tránh khỏi các sự kiện toàn cầu bất lợi nhờ vào các yếu tố vĩ mô hấp dẫn và tầng lớp người tiêu dùng mới nổi.

MÔI GIỚI CHỨNG KHOÁN

“ Doanh thu môi giới tăng trưởng 40,1% so với năm 2016.

MÔI GIỚI TỔ CHỨC (ISB)

VCSC LÀ CÔNG TY DẪN ĐẦU THỊ PHẦN MÔI GIỚI CHO TỔ CHỨC NƯỚC NGOÀI.

Phòng ISB cung cấp đầy đủ các dịch vụ môi giới và giao dịch bao gồm:

- Môi giới chứng khoán và trái phiếu
- Chặn giao dịch và tư vấn Đầu tư/thanh lý
- Lưu ký chứng khoán
- Kết nối với doanh nghiệp
- Hỗ trợ DMA, STP và FIX

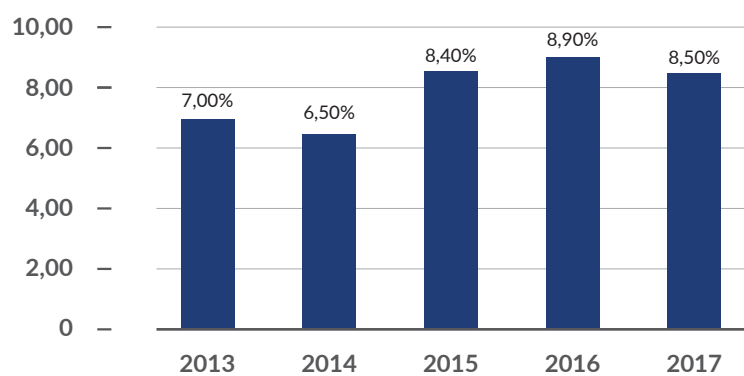
Bộ phận ISB bao gồm 16 chuyên viên có kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn (cả trong nước và quốc tế), cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư. Ngoài ra, bộ phận ISB được hỗ trợ bởi Bộ phận Nghiên cứu & Phân tích gồm 24 chuyên viên với các phân tích độc lập và kỹ càng. Thị phần môi giới tổ chức hiện chiếm trên 24% trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh. Bộ phận ISB của VCSC được tạp chí Finance Asia bình chọn là "Nhà môi giới tốt nhất" năm 2017.



Với sự hỗ trợ mạnh mẽ trong mảng tài chính doanh nghiệp và mảng tư vấn M&A của Ngân hàng đầu tư, phòng ISB đã trực tiếp tiếp cận với nhiều công ty lớn mạnh và có uy tín. Điều này cho phép ISB giới thiệu các cơ hội đầu tư sinh lời cho các nhà đầu tư. Bộ phận ISB chiếm 50% tổng doanh thu từ hoạt động môi giới của VCSC.

Vietnam Access Day (VAD) - Bộ phận ISB là nhà tổ chức sự kiện "Vietnam Access Day" - VAD, một hội nghị đầu tư uy tín hàng năm thu hút được một lượng lớn các nhà đầu tư tổ chức trong và ngoài nước với hơn 500 người tham gia. Cụ thể, vào đầu năm 2017, sự kiện VAD diễn ra 3 ngày tại thành phố Hồ Chí Minh đã kết nối 170 nhà đầu tư nước ngoài và 160 nhà đầu tư trong nước với rất nhiều công ty ở Việt Nam, cả các công ty đang niêm yết hoặc có nhu cầu huy động vốn. Bộ phận ISB kết nối các công ty hàng đầu Việt Nam với các nhà đầu tư quốc tế, thường xuyên tổ chức các chuyến thăm công ty hoặc các hội nghị giới thiệu cơ hội đầu tư (roadshow) ở các thị trường nước ngoài như Mỹ, Châu Âu, Hồng Kông, Nhật Bản, Singapore và Thái Lan.

Tổng thị phần môi giới của VCSC trên HSX



Nguồn: VCSC

MÔI GIỚI TRONG NƯỚC (LB)

VCSC LÀ MỘT TRONG 3 CÔNG TY DẪN ĐẦU VỀ THỊ PHẦN MÔI GIỚI TRÊN HSX.



Bộ phận LB cung cấp gói đầy đủ các dịch vụ môi giới cho khách hàng cá nhân trong nước và hiện tại có hơn 30.000 tài khoản đang hoạt động (tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2017). Các dịch vụ cung cấp bao gồm môi giới, lưu ký chứng khoán, quản lý cổ đông và cho vay ký quỹ, được cung cấp bởi một đội ngũ gồm 95 chuyên viên có kinh nghiệm, có kiến thức và tận tâm. Tư vấn đầu tư được xác định là nhiệm vụ quan trọng nhất của LB. VCSC hiện có 4 phòng giao dịch trên toàn quốc.

30.000
tài khoản đang hoạt động

Phòng LB có khả năng cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chuyên sâu và toàn diện với sự trợ giúp của phòng Nghiên cứu & Phân tích, hỗ trợ các nhà đầu tư đưa ra các quyết định đầu tư hợp lý và hiệu quả.

Năm 2017, VCSC là một trong những công ty chứng khoán tiên phong cung cấp dịch vụ chứng khoán phái sinh cho các nhà đầu tư. Mặc dù doanh thu từ hợp đồng tương lai chưa đóng góp quan trọng nhưng thị trường phái sinh kỳ vọng tăng trưởng 5 tỷ đô la Mỹ trong tương lai không xa.

Phòng LB liên tục tìm các phương cải tiến các phương pháp kinh doanh, đáng chú ý là các hình thức tương tác như V-Pro, V-Web và V-Mobile; Hỗ trợ DMA và STP để đảm bảo sự nhanh chóng, tiện lợi và bảo mật thông tin.

Số khách hàng cá nhân của VCSC tiếp tục gia tăng trong những năm qua; và trong bối cảnh các nhà đầu tư cá nhân chiếm phần lớn giá trị giao dịch thị trường, VCSC đạt thị phần môi giới 8,5% vào năm 2017, duy trì vị trí top 3. LB chiếm 50% tổng doanh thu môi giới của VCSC. VCSC đang hướng đến những khách hàng có một chiến lược đầu tư ổn định lâu dài và mức sinh lợi cao.

Doanh thu môi giới năm 2017 tăng 40,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Với doanh thu môi giới cá nhân trên mỗi nhân viên đạt hơn 2,3 tỷ đồng, hiệu quả của nhân viên môi giới VCSC nằm trong số các công ty chứng khoán dẫn đầu trên thị trường.

CHO VAY KÝ QUỸ

VCSC theo đuổi chính sách cho vay ký quỹ thận trọng: tỷ lệ nợ/vốn chủ sở hữu là 1,12 lần vào cuối năm 2017 (so với 1,40 lần vào năm 2016), thấp hơn đáng kể so với mức trần quy định là 3 lần.

16
chuyên viên

Bộ phận ISB
Có kinh nghiệm
và kiến thức
chuyên môn

24
chuyên viên

Bộ phận Nghiên
cứu và Phân tích
Khả năng phân tích
độc lập và kỹ càng

HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU & PHÂN TÍCH

Trong những năm qua, Phòng Nghiên cứu & Phân tích của VCSC đã phát triển cả về số lượng và chất lượng. Bộ phận Nghiên cứu & Phân tích nỗ lực cung cấp những khuyến nghị chuyên sâu, hợp lý, kịp thời với sự hiểu biết sâu sắc về đầu tư ở Việt Nam.



Bộ phận Nghiên cứu & Phân tích được tổ chức thành các nhóm các chuyên viên phân tích trẻ, năng động - mỗi nhóm tập trung vào các lĩnh vực cụ thể và được dẫn dắt bởi một trưởng phòng giàu kinh nghiệm. Điều này giúp các chuyên viên phân tích hiểu sâu hơn về các ngành họ nghiên cứu và nhận được sự hướng dẫn và đào tạo từ các trưởng phòng. Các chuyên viên phân tích được yêu cầu phải trình bày tất cả các khuyến nghị thông qua công cụ webinar và đến gặp các khách hàng tổ chức của chúng tôi, tổ chức hội thảo cho các chuyên viên môi giới NĐT cá nhân, để có thể truyền đạt các khuyến nghị của chúng tôi tốt hơn và thu được hiểu biết vững chắc về nhu cầu của khách hàng. Ngoài ra, các chuyên viên phân tích được khuyến khích và hỗ trợ để tham gia các khóa học chuyên sâu, chẳng hạn như CFA.

Hiện tại, chúng tôi đang theo dõi và khuyến nghị cho 45 công ty blue-chip niêm yết của Việt Nam với báo cáo cập nhật chuyên sâu được công bố ít nhất mỗi quý một lần. Trong năm 2017, chúng tôi cũng công bố khuyến nghị cho 25 công ty có quy mô vốn hóa vừa và nhỏ.

Năm 2017, Phòng Nghiên cứu & Phân tích cũng hỗ trợ hướng dẫn các nhà đầu tư bằng cách cung cấp các phân tích chuyên sâu và khách quan, tổ chức các hội thảo về các đợt IPO và các giao dịch niêm yết lớn như VietJet và VPBank. Chúng tôi cũng phát hành các báo cáo IPO và niêm yết cho các giao dịch lớn tại Việt Nam do các công ty khác thực hiện.

Các sản phẩm Nghiên cứu & Phân tích của chúng tôi bao gồm những nhận định thị trường hàng ngày và hàng tháng, báo cáo chiến lược đầu tư, báo cáo ngành, báo cáo nhanh kết quả kinh doanh của doanh nghiệp, các khuyến nghị dành cho các công ty theo dõi, báo cáo Trái phiếu Tiền tệ và phân tích kinh tế vĩ mô toàn diện. Các báo cáo của chúng tôi được xuất bản bằng tiếng Anh và tiếng Việt để phục vụ tốt nhất cho cơ sở khách hàng của chúng tôi và tối đa hóa tác động của báo cáo đối với các doanh nghiệp mà chúng tôi phân tích. Các khuyến nghị của chúng tôi thường được trích dẫn trên các phương tiện truyền thông và được sử dụng làm tài liệu tham khảo cho các quyết định đầu tư.

Bộ phận phân tích thường xuyên chủ động phối hợp với Bộ phận Môi giới khách hàng tổ chức và khách hàng cá nhân cung cấp kịp thời các nhận định sâu sắc và tổ chức các buổi gặp gỡ tư vấn cho nhà đầu tư.



Năm 2018, chúng tôi sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng các khuyến nghị khả thi của mình nhờ kiến thức ngành đa dạng của các chuyên gia phân tích tìm kiếm các công ty tiềm năng nhằm tăng lợi nhuận sau khi thị trường đạt kết quả rất tốt vào năm 2017.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Về hoạt động tự doanh, VCSC không đầu tư vào các khoản đầu tư ngắn hạn mà tập trung đầu tư vào các công ty sắp niêm yết và ưu tiên vào giá trị của các doanh nghiệp tiềm năng.



VCSC đầu tư vào cổ phiếu của các khách hàng được VCSC tư vấn, tạo ra một danh mục đầu tư hiệu quả.

Chiến lược đầu tư tập trung vào các doanh nghiệp tăng trưởng sắp niêm yết.

Từ khi thành lập, VCSC luôn tìm kiếm các cơ hội để đầu tư vào các công ty tốt và có triển vọng trong các ngành có thể tận dụng dân số trên 90 triệu người ở Việt Nam.

Với vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực ngân hàng đầu tư, VCSC có thể liên kết chặt chẽ với các khách hàng tư vấn và do đó có nhiều cơ hội để tham gia vào các thương vụ đầu tư có giá trị gia tăng.

Mảng tự doanh kết thúc năm 2017 với doanh thu 490 tỷ đồng, tăng 67% so với cùng kỳ năm ngoái. Thành công này một phần nhờ vào điều kiện thị trường chứng khoán thuận lợi khi VN-Index tăng 48%; các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt trong các ngành như tài chính, xây dựng và vật liệu, bán lẻ, điện, dầu hỏa, đều có kết quả kinh doanh tích cực.

Qui tắc đầu tư của VCSC không chú trọng đầu tư ngắn hạn mà tập trung đầu tư dài hạn vào các công ty tiềm năng và mang lại hiệu quả bền vững.



VND
Doanh thu **490** tỷ đồng

MẢNG TỰ DOANH KẾT THÚC NĂM 2017

Tăng **67%**

SO VỚI CÙNG KỲ NĂM NGOÀI

DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

PHÒNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (IT) ĐÓNG VAI TRÒ NGHIÊN CỨU VÀ PHÁT TRIỂN, HƯỚNG DẪN VÀ ÁP DỤNG CÔNG NGHỆ VÀO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA CÔNG TY.

Chúng tôi vận hành và giám sát hệ thống giao dịch, đồng thời kết hợp công nghệ vào việc quản lý các sản phẩm, dịch vụ tài chính và phối hợp chặt chẽ với các phòng ban khác để giới thiệu sản phẩm sáng tạo và tiện lợi đến các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Chúng tôi cũng phối hợp với các sàn giao dịch chứng khoán, trung tâm lưu ký và các ngân hàng để thử nghiệm và phát triển các sản phẩm và các công cụ tài chính mới.

Chúng tôi cung cấp các cơ sở giao dịch đa nền tảng đẳng cấp thế giới. Nhà đầu tư có thể kinh doanh trên các thiết bị khác nhau như điện thoại thông minh, máy tính bảng iOS, Android thông qua ứng dụng VMobile hoặc trên các máy tính qua VWeb. Đối với các chuyên gia có yêu cầu cao hơn, chúng tôi cung cấp một nền tảng cao cấp - đó là VPro. Ngoài ra, chúng tôi cũng cung cấp các bản cập nhật thông tin thị trường kịp thời, báo giá chứng khoán chính xác và thông tin tài khoản chi tiết với mục đích xây dựng một hệ thống tích hợp trong đó ưu tiên độ an toàn, độ tin cậy và trải nghiệm của người dùng.

Chúng tôi cũng hợp tác chặt chẽ với các tổ chức tài chính quốc tế như Bloomberg, Reuters, NYFIX, Sở giao dịch chứng khoán London và Omgeo để đáp ứng và đa dạng hóa nhu cầu của khách hàng.



Trong vài năm qua, phòng CNTT đã và đang tiếp tục cải tiến cơ sở hạ tầng công nghệ và phần mềm giao dịch. Tốc độ và độ tin cậy của hệ thống đã được cải thiện đáng kể. Quan trọng hơn, chúng tôi đã phát triển một trung tâm sao lưu dữ liệu tuyệt vời đáp ứng các yêu cầu khó tính về bảo mật và quản lý rủi ro. Chúng tôi chủ động cung cấp quá trình đào tạo cho nhân viên CNTT để trang bị cho họ kiến thức được cập nhật nhất nhằm tối đa hóa hiệu quả trong việc quản lý, giám sát và vận hành hệ thống. Chúng tôi luôn theo dõi sát sao trải nghiệm của khách hàng với các sản phẩm và dịch vụ của chúng tôi để có thể cung cấp các hỗ trợ kịp thời và nâng cao chất lượng sản phẩm của mình. Trong năm 2017, công ty nâng cấp hệ thống nhằm chuẩn bị tốt nền tảng cho việc phát triển của thị trường chứng khoán phái sinh.

Năm 2018, chúng tôi đặt mục tiêu phát hành chứng quyền có bảo đảm (Overed Warrant), thực hiện các hoạt động tạo thị trường cho CW và chứng chỉ quỹ ETF và nâng cấp các sàn giao dịch với các tính năng tiên tiến để đáp ứng các yêu cầu mới của HOSE.

VỊ THẾ TÀI CHÍNH

1. THANH TOÁN CÁC KHOẢN NỢ ĐẾN HẠN

Các khoản nợ đến hạn luôn được Công ty thanh toán đúng hạn và đầy đủ theo hợp đồng hoặc kế ước tiền vay. Công ty hiện không có khoản nợ quá hạn. Công ty không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm. Tính thời điểm 31/12/2017, số dư các khoản vay ngắn hạn và dài hạn như sau:

	Số dư khoản vay ngắn hạn và dài hạn		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Ngắn hạn	535.500	927.508	2.340.710
Vay ngắn hạn	535.500	627.508	1.434.460
Trái phiếu phát hành ngắn hạn	-	466.500	906.250
Dài hạn	-	-	-
Tổng cộng	535.500	1.094.008	2.340.710

Đơn vị: triệu đồng

2. CÁC KHOẢN PHẢI NỘP THEO LUẬT ĐỊNH

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước tại thời điểm 31/12/2017 như sau:

	Các khoản phải nộp nhà nước		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Thuế giá trị gia tăng	401	843	688
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.578	28.418	38.780
Thuế thu nhập cá nhân	1.046	1.201	1.911
Thuế thu nhập cá nhân thu nhập chứng khoán Công ty nộp hộ	5.011	6.103	9.006
Tổng cộng	19.036	36.564	50.385

Đơn vị: triệu đồng

3. TỔNG DƯ NỢ VAY

Dưới đây là số dư các khoản vay ngắn hạn, dài hạn tại 31/12/2015, 31/12/2016 và 31/12/2017:

	Số dư các khoản vay		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Nợ phải trả ngắn hạn	1.490.157	1.833.601	3.234.476
Nợ phải trả dài hạn	392	390	148
Tổng dư nợ phải trả	1.490.549	1.833.990	3.382.616

Đơn vị: triệu đồng

4. TÌNH HÌNH CÔNG NỢ HIỆN NAY

A./ CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Các khoản phải thu ngắn hạn	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Phải thu của khách hàng	81.272	36.992	36.170
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	9.023	17.274	8.016
Phải thu khác	224	1.843	172
Trả trước cho người bán	299	680	3.616
Dự phòng các khoản phải thu	(10.758)	(15.859)	(19.718)
Tổng cộng	80.060	40.930	28.256

B./ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ

Các khoản phải trả	Đơn vị: triệu đồng		
	31/12/2015	31/12/2016	31/12/2017
Nợ phải trả ngắn hạn	1.490.157	1.833.601	3.234.476
Nợ phải trả dài hạn	392	389	148.140
Tổng cộng	1.490.549	1.833.990	3.382.616

5. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 2015, 2016 và tại 31/12/2017

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng		
	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2015	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2016	Giá trị rủi ro/Vốn khả dụng 31/12/2017
Tổng giá trị rủi ro thị trường	136.160	304.021	446.399
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	22.425	21.690	23.121
Tổng giá trị rủi ro hoạt động	91.152	105.666	184.410
Tổng giá trị rủi ro	249.736	431.377	653.930
Vốn khả dụng	897.368	1.360.932	2.667.427
Tỷ lệ an toàn Vốn khả dụng	359%	315%	408%

Theo quy định tại Thông tư số 226/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010 của Bộ tài chính quy định các tổ chức kinh doanh chứng khoán phải đảm bảo tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu không thấp hơn 180%. VCSC luôn duy trì tỷ lệ vốn khả dụng ở mức rất cao, an toàn cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty

Chỉ tiêu	Unit	2015	2016	2017
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = Tài sản ngắn hạn / Nợ ngắn hạn	Lần	1,63	1,68	1,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	60,5%	59,0%	52,8%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	166,0%	152,9%	112,0%
Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân	%	26,8%	32,1%	32,3%
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi				
Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	34,1%	37,8%	42,6%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ¹	%	28,1%	30,3%	30,5%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	9,6%	12,9%	14,8%
Lợi nhuận thuần HĐKD/ Doanh thu thuần	%	43,0%	46,6%	51,5%
Thu nhập trên một cổ phiếu (EPS)	Đồng / CP	4.744	3.832	5.790

Chỉ tiêu về các khả năng thanh toán: Các hệ số thanh toán của VCSC đều lớn hơn 1 (1,68x năm 2016 và 1,92x năm 2017) cho thấy mức độ an toàn trong việc đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ ngắn hạn của công ty là tương đối tốt.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 166% trong năm 2015 xuống còn 153% năm 2016 và tiếp tục giảm xuống 112% trong năm 2017 cho thấy tình hình tài chính Công ty ngày càng lành mạnh, ổn định và thấp hơn so với mức giới hạn 300% áp dụng cho công ty chứng khoán. Hệ số doanh thu thuần trên tổng tài sản tăng từ 27% năm 2015 lên 32% năm 2016 và tiếp tục tăng lên 32,3% năm 2017.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: Các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi của Công ty như hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần trong năm 2017 đều tăng cao so với năm 2016 và 2015 cho thấy sự cải thiện đáng kể trong hiệu quả hoạt động kinh doanh của VCSC. Hệ số ROE năm 2017 đạt mức 30,5%, mức sinh lợi cao so với các công ty trong ngành.

¹ ROE được xác định trên cơ sở báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu được xác định sau khi đã loại trừ lợi ích của cổ đông không kiểm soát theo Thông tư 29/2017/TT-BTC.

QUẢN TRỊ RỦI RO

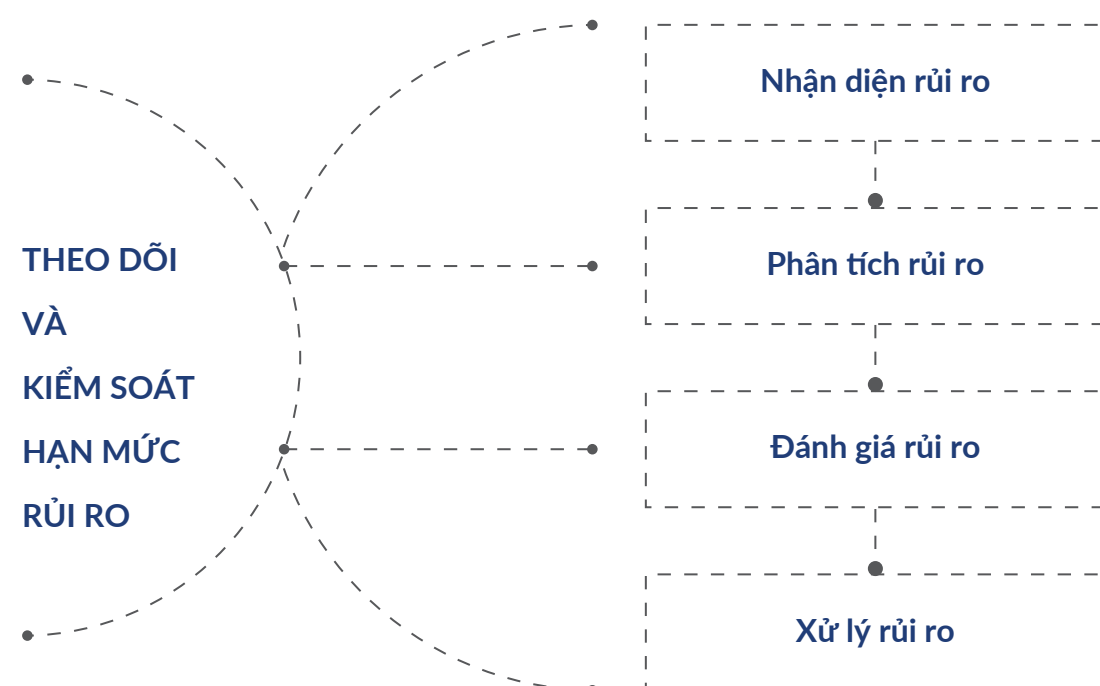
QUẢN TRỊ RỦI RO LÀ MỘT QUÁ TRÌNH LIÊN TỤC ĐƯỢC VẬN HÀNH XUYÊN SUỐT TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN CÁC CHIẾN LƯỢC CỦA CÔNG TY, CÂN BẰNG GIỮA NGUY CƠ VÀ CƠ HỘI, TẠO RA MỘT KHUÔN KHỔ GIÚP ĐỊNH HƯỚNG SỰ GIA TĂNG TÍNH HIỆU QUẢ CỦA QUYẾT ĐỊNH.

Quy trình quản trị rủi ro được tích hợp với văn hóa doanh nghiệp. Văn hóa rủi ro tập hợp giá trị cá nhân và doanh nghiệp, thái độ, năng lực, hành vi giúp công ty xác định phương pháp quản trị rủi ro và cam kết của Ban Điều hành.

Hệ thống quản trị rủi ro được xây dựng một cách hiệu quả dựa trên việc phân công trách nhiệm trong toàn Công ty, mỗi Trưởng phòng, nhân viên đều có trách nhiệm trong hệ thống quản trị rủi ro thông qua các quy định của pháp luật, các quy trình, chính sách nội bộ của Công ty và được áp dụng thống nhất toàn Công ty. Hệ thống quản trị rủi ro thúc đẩy hiệu quả hoạt động của Công ty thông qua việc nâng cao trách nhiệm, đánh giá năng lực mỗi nhân viên.

Công ty triển khai các hoạt động giám sát tuân thủ và quản trị rủi ro theo nội dung hướng dẫn tại Quyết định 105/QĐ-UBCK ngày 26/02/2013 của Ủy ban Chứng khoán về thiết lập và vận hành hệ thống quản trị rủi ro cho Công ty Chứng khoán. Công ty đã hoàn thiện chính sách và hệ quy trình quản trị rủi ro dựa trên tiêu chuẩn ISO 31000 được vận hành đồng bộ với các chiến lược của Công ty.

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO ĐƯỢC KHÁI QUÁT NHƯ SAU:



Sự giám sát của Ban kiểm soát, Kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ;

Chiến lược quản trị rủi ro rõ ràng, minh bạch thể hiện qua chính sách rủi ro trong dài hạn và trong từng giai đoạn cụ thể được Hội đồng Quản trị thông qua;

Kế hoạch triển khai thông qua các chính sách, quy trình đầy đủ;

Công tác quản lý, kiểm tra, rà soát thường xuyên của Tổng Giám đốc;

Ban hành và triển khai đầy đủ các chính sách, quy trình quản trị rủi ro và các hạn mức rủi ro, thiết lập hoạt động thông tin quản trị rủi ro phù hợp.



Hệ thống quản trị rủi ro của Công ty được thiết lập nhằm đảm bảo khả năng xác định rủi ro, đo lường rủi ro, theo dõi rủi ro, báo cáo rủi ro và xử lý một cách hiệu quả các rủi ro trọng yếu đồng thời đáp ứng đầy đủ các nghĩa vụ tuân thủ của mình tại mọi thời điểm.



Công ty thực hiện công tác quản trị rủi ro một cách độc lập, khách quan, trung thực, thống nhất và được thể hiện bằng văn bản. Các bộ phận tác nghiệp và bộ phận quản trị rủi ro được tổ chức tách biệt và độc lập với nhau, người phụ trách bộ phận tác nghiệp không đồng thời phụ trách bộ phận quản trị rủi ro và ngược lại.



Hướng dẫn nội bộ được trình bày một cách rõ ràng để tất cả các cá nhân liên quan hiểu được nhiệm vụ và trách nhiệm của mình và có thể mô tả cụ thể, chi tiết về quy trình quản trị rủi ro liên quan. Công ty thường xuyên rà soát và cập nhật lại các hướng dẫn nội bộ này.



MÔI TRƯỜNG KIỂM SOÁT CỦA CÔNG TY

Môi trường kiểm soát nội bộ của Công ty bao gồm hệ thống các chuẩn mực, quy trình, tổ chức làm nền tảng cho việc thực hiện công tác kiểm soát nội bộ trong toàn Công ty. Môi trường kiểm soát ảnh hưởng đến toàn bộ nhận thức về hoạt động kiểm soát của đội ngũ nhân viên Công ty nên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc luôn nêu cao các giá trị đạo đức cũng như làm gương cho toàn bộ đội ngũ cán bộ nhân viên của Công ty. Mục tiêu và các thủ tục, quy trình được thực hiện trong việc thiết lập môi trường kiểm soát nội bộ hiệu quả của Công ty bao gồm:

A.

Bảo đảm tính trung thực, các giá trị đạo đức và hành vi trong toàn bộ Công ty:

- Công ty xây dựng các chuẩn mực và quy tắc ứng xử cho nhân viên.
- Toàn bộ Ban Tổng Giám đốc và nhân viên cũng như đối tác đều được đánh giá theo các chuẩn mực đạo đức.
- Nhân viên mới được tham gia khóa đào tạo định hướng bắt buộc về các quy định, chuẩn mực, ứng xử trong Công ty với các chế tài thích hợp đối với các trường hợp vi phạm các chuẩn mực đạo đức.

B.

Đảm bảo tính độc lập và mức độ tham gia của Hội đồng Quản trị với Ban Tổng Giám đốc:

- Xác định rõ vai trò, trách nhiệm quản trị, và giám sát của Hội đồng Quản trị.
- Thiết lập các chính sách và quyết định liên quan đến các cuộc họp giữa Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.
- Thiết lập kênh trao đổi thông tin mở và hiệu quả giữa Hội đồng Quản trị, Kiểm toán nội bộ và Kiểm toán độc lập nhằm báo cáo các hoạt động của Công ty kịp thời.

C.

Đảm bảo cơ cấu tổ chức, phân công, phân nhiệm và ủy quyền thích hợp:

- Xác định rõ cơ cấu tổ chức, vai trò, trách nhiệm, kênh báo cáo và đánh giá mức độ phù hợp của cơ cấu tổ chức.
- Xác định thẩm quyền tương ứng với từng cấp quản trị và điều hành.
- Xây dựng và duy trì Bản mô tả Công việc cũng như đảm bảo các hợp đồng lao động được ký kết một cách phù hợp.
- Xác định rõ vai trò của Kiểm toán Nội bộ.

D.

Cam kết trong việc thu hút, phát triển và duy trì đội ngũ nhân lực:

- Thiết lập các yêu cầu về năng lực, kiến thức và kỹ năng đối với toàn bộ nhân viên.
- Xây dựng quy trình đánh giá năng lực và hành vi. Gắn kết các chuẩn mực, yêu cầu và đánh giá về Năng lực và Kiến thức với các chính sách và các quyết định tuyển dụng, đào tạo và duy trì đội ngũ nhân sự.
- Xây dựng kế hoạch dự phòng cho các vị trí nhân sự chủ chốt.

PHÂN CÔNG, PHÂN NHIỆM VÀ ỦY QUYỀN

Cơ cấu tổ chức của công ty là kiểm soát tập trung với cơ chế quản lý theo chiều dọc từ Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Giám đốc Phụ trách, Trưởng/Phó phòng.

Tổng Giám đốc Điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo sự phân công và mức phê duyệt đã được duyệt và chịu trách nhiệm chính trước Hội đồng Quản trị. Các Giám đốc, Trưởng/Phó phòng trực tiếp quản lý và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị.

Đối với công tác phân nhiệm, Công ty thực hiện theo cơ chế từ trên xuống. Tại Hội sở và Chi nhánh, Trưởng phòng phụ trách sẽ phân công trách nhiệm cho Phó phòng/ban và từng nhân viên. Các nhân viên sẽ được hướng dẫn bởi các nhân viên cao cấp hoặc Trưởng phòng/ban để nắm rõ quy trình thực hiện, trách nhiệm của mình và luôn đảm bảo có sự đối chiếu, kiểm tra chéo trong cùng một hoặc nhiều bộ phận.

KHUÔN KHỔ PHÁP LÝ VÀ THỰC HIỆN VÀO NĂM 2018



Trong năm 2017, nhiều quy định, thông tư mới liên quan đến thị trường chứng khoán được ban hành và có hiệu lực nhằm tăng cường, hỗ trợ cho sự phát triển không ngừng của thị trường chứng khoán Việt Nam. Trong đó có nhiều chính sách mới tập trung vào việc tuân thủ, kiểm soát của cơ quan chức năng đối với các cá nhân, tổ chức tham gia thị trường chứng khoán.

Cụ thể, Thông tư số 87/2017/TT-BTC, có hiệu lực từ ngày 10/10/2017, đưa ra các biện pháp xử lý mạnh tay đối với các công ty chứng khoán, công ty Quản lý quỹ sau khi bị kiểm soát. Thậm chí công ty sẽ bị kiểm soát đặc biệt và đình chỉ 1 phần hoạt động giao dịch nếu không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính về tỷ lệ vốn khả dụng theo quy định.

Thông tư số 115/2017/TT-BTC, hiệu lực từ ngày 08/12/2017, bên cạnh UBCKNN và SGDC, trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) trở thành đơn vị thứ ba giữ vai trò giám sát giao dịch chứng khoán trên TTCK. VSD sẽ giám sát Thành viên lưu ký, thành viên bù trừ (TVBT) trong việc triển khai các hoạt động nghiệp vụ liên quan đến đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán, giám sát tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ theo từng tài khoản của NĐT, TVBT, giới hạn vị thế của NĐT khi tham gia thị trường chứng khoán phái sinh.

Năm 2018, thị trường chứng khoán Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển với sự cải tiến liên tục của cơ chế chính sách, quá trình sáp nhập hai Sở Giao dịch Chứng khoán và việc phát triển sản phẩm mới, bao gồm chứng quyền có đảm bảo và hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ. Như vậy, năm 2018 sẽ là năm có nhiều sự thay đổi về các quy định, thể chế, vì vậy, hoạt động quản trị của VCSC luôn cần phải đảm bảo để không ngừng hoàn thiện các quy trình quản lý và kiểm soát rủi ro để phù hợp với các quy định của pháp luật và diễn biến của thị trường.

ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP

CHÌA KHÓA THÀNH CÔNG TRONG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TẠI VCSC

Tại VCSC, chúng tôi tin rằng cách tiếp cận có trách nhiệm của chúng tôi đối với việc kinh doanh là yếu tố quyết định để xác định thành công lâu dài của mình. Do đó, chúng tôi mong muốn tất cả nhân viên và thành viên HĐQT tuân thủ các tiêu chuẩn chuyên môn và các giá trị đạo đức được nêu trong Bộ Quy tắc Ứng xử của chúng tôi, bao gồm cam kết tuân thủ tất cả các luật định, quy định và chính sách hiện hành nhằm bảo vệ uy tín của chúng tôi về tính chính trực, công bằng và đo lường rủi ro.



BỘ QUY TẮC ỨNG XỬ

Mỗi một nhân viên tuyển mới đều được chúng tôi đều truyền tải quy tắc đạo đức nghề nghiệp. Chúng tôi đã và đang sử dụng Bộ quy tắc đạo đức như một quy định hướng dẫn trong việc tạo lập và duy trì sự tin nhiệm, cũng như để bảo đảm các giá trị được áp dụng trong toàn công ty. Chúng tôi nhận thức và đề cao những giá trị sau đây như những thế mạnh cốt lõi của công ty, là kim chỉ nam trong mọi hoạt động:

- Chính trực
- Trách nhiệm
- Cam kết Tận tâm
- Tinh thần làm việc nhóm
- Xuất sắc trong công việc
- Trách nhiệm của VCSC
- Trách nhiệm của nhân viên
- Tuân thủ pháp luật trong VCSC
- Giao tiếp
- Mâu thuẫn lợi ích
- Cơ hội của Công ty
- Thông tin nội bộ
- Bảo vệ và sử dụng hợp lý tài sản của công ty
- Cơ hội nghề nghiệp
- Rửa tiền, Tham nhũng và Khủng bố
- Báo cáo vi phạm
- Chế tài vi phạm
- Miễn trừ và Sửa Đổi

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG TY

Nhiệm vụ của công ty chúng tôi là cung cấp cho các khách hàng các dịch vụ chuyên nghiệp chất lượng cao và đảm bảo luôn giữ vững sự chính trực của mình. Chúng tôi luôn cố gắng duy trì mối quan hệ tốt nhất và hoạt động kinh doanh tối ưu vì sự phát triển bền vững của các khách hàng và đối tác.

Cách tiếp cận có trách nhiệm với việc kinh doanh là yếu tố chính quyết định sự thành công lâu dài của chúng tôi. Đối với VCSC, trách nhiệm của công ty là tạo ra giá trị bền vững cho các khách hàng, cổ đông, nhân viên và những người liên quan khác. Chúng tôi cố gắng tuân thủ các giá trị đạo đức và các tiêu chuẩn chuyên môn được nêu trong Bộ Quy tắc ứng xử của công ty trong mọi khía cạnh của công việc, bao gồm trong mối quan hệ của chúng tôi với các cổ đông.



CƠ CẤU TỔ CHỨC

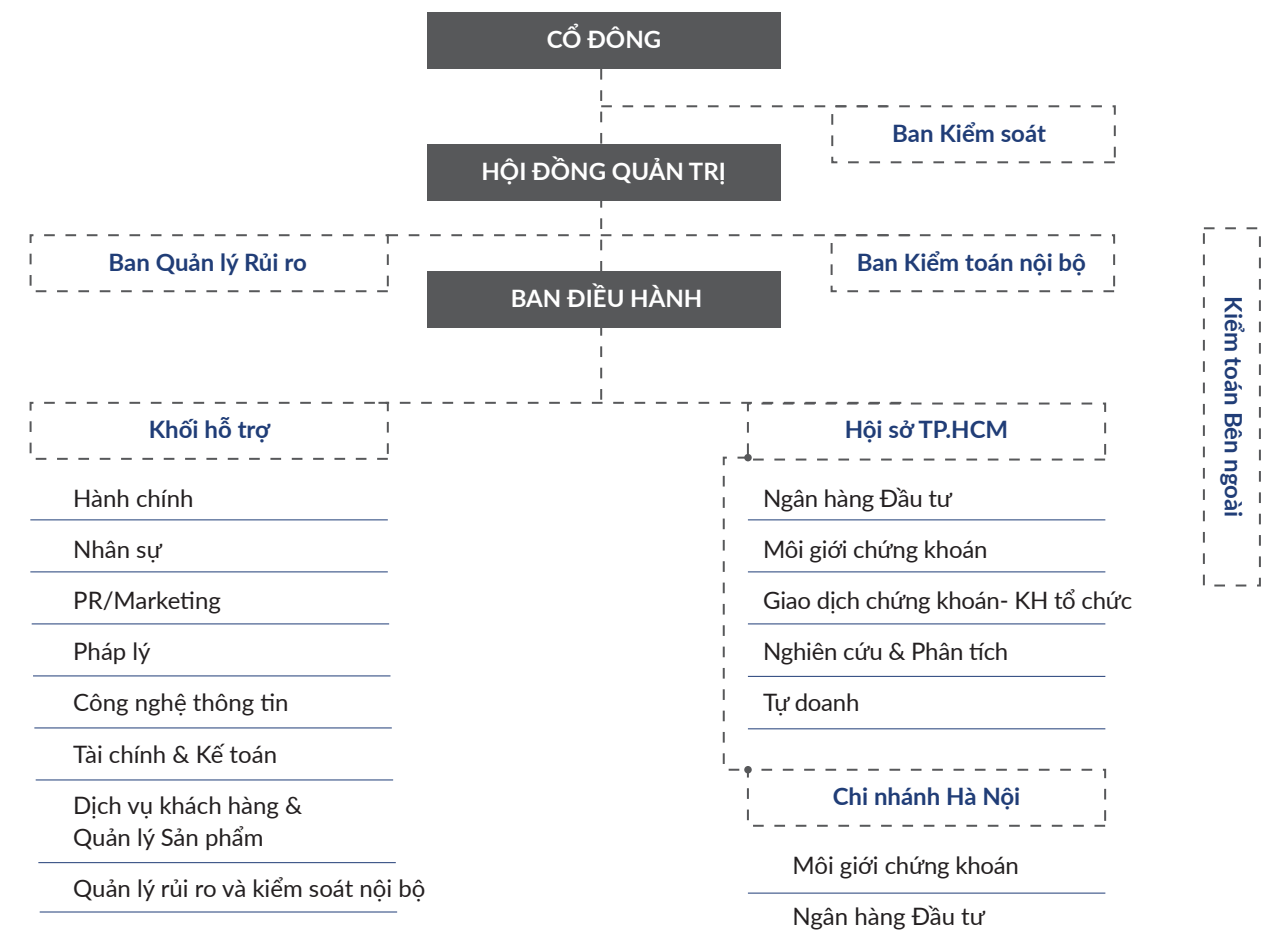
Tổ chức và hoạt động của Công ty phải dựa trên các văn pháp lý sau đây:

- Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty; và
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các cơ quan quản lý của Công ty là:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Ban Chấp hành; và
- Các kiểm toán viên độc lập.

Các cổ đông bầu chọn các thành viên Hội đồng Quản trị và các kiểm toán viên độc lập hàng năm, và thông qua các nghị quyết yêu cầu tại ĐHĐCĐ. Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm định hướng chiến lược tổng thể, giám sát và kiểm soát công ty và bổ nhiệm các thành viên của Ban Điều hành. Ban Điều hành chịu trách nhiệm quản lý điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty, phát triển và thực hiện các kế hoạch kinh doanh.



THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà. **NGUYỄN THANH PHƯƠNG**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Bà Phương là thành viên sáng lập của Công ty Chứng khoán Bản Việt (Viet Capital Securities - VCSC) và Công ty Quản lý Quỹ Bản Việt (Viet Capital Asset Management - VCAM). Bà đảm nhiệm vị trí Chủ tịch Hội đồng Quản trị của VCSC và VCAM kể từ thời điểm thành lập năm 2007. Bà Phương cũng là Thành Viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng Bản Việt.

Bà từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Tài chính Công ty Liên doanh Holcim Việt Nam. Bà cũng từng giữ vai trò Giám đốc đầu tư của Công ty Vietnam Holding Asset Management.

Bà Phương tốt nghiệp Cử nhân ngành Tài chính - Ngân hàng trường Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội; Thạc sĩ chuyên ngành Quản trị Kinh doanh Đại học Quốc tế tại Geneva - Thụy Sĩ.



Ông. **TÔ HẢI**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Trước khi tham gia thành lập VCSC, Ông Hải là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. HCM của Công ty Chứng khoán Bản Việt. Ông Hải cũng đã từng hợp tác cùng Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á với vai trò là Giám đốc phát triển kinh doanh.

Ông Hải có kiến thức chuyên sâu và vững chắc trong mảng tư vấn tài chính doanh nghiệp và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư, am hiểu về thị trường chứng khoán Việt Nam. Sau nhiều năm hoạt động trên thị trường, Ông Hải đã được biết đến như là một trong những chuyên gia có nhiều thành tích xuất sắc trong việc cung cấp các dịch vụ tư vấn cổ phần hóa, phát hành chứng khoán ra công chúng, tái cấu trúc tài chính.

Ông được cấp bằng Cử nhân Quản trị Công nghiệp của Đại học Kỹ thuật TP. HCM và bằng Thạc sĩ chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng của Đại học Sydney, Úc. Ông Hải còn được cấp các chứng nhận và chứng chỉ hoạt động của UBCKNN Việt Nam.



Ông. **HUỖNH RICHARD LÊ MINH**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Minh là Phó Tổng Giám đốc VCSC từ tháng 12/2007 đến tháng 01/2013.

Ông Minh có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán và quản trị chuyên nghiệp tại Việt Nam và Mỹ.

Trước khi gia nhập VCSC, Ông là Giám đốc Kiểm toán của Công ty PricewaterhouseCoopers Việt Nam, chuyên tư vấn và cung cấp các dịch vụ kiểm toán tài chính và các dịch vụ tư vấn khác có liên quan cho khách hàng địa phương cũng như các tập đoàn đa quốc gia. Ông là một thành viên của Hội đồng Đại diện Quỹ Đầu tư Cân bằng Bản Việt (VCAMBF) từ tháng 6 năm 2014.

Ông Minh có bằng Cử nhân Thương mại của Đại học Curtin phía Tây Úc (Curtin University of Western Australia) và cũng là thành viên của Hiệp hội Kế toán viên Công chứng Úc (Australian CPA).



Ông. **NGUYỄN QUANG BẢO**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Bảo đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và chứng khoán.

Ông là một trong những thành viên đầu tiên của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ngân hàng sau đó được chọn làm ngân hàng thanh toán được chỉ định), góp phần xây dựng quá trình giao dịch và thanh toán... làm cơ sở để thành lập thị trường chứng khoán Việt Nam.

Với kinh nghiệm và khả năng của mình, ông Bảo đã tham gia định giá, xây dựng phương án cổ phần hóa, tổ chức bán đấu giá cho rất nhiều doanh nghiệp, trên nhiều địa bàn khác nhau.

Trước khi làm việc tại VCSC, ông Bảo đã từng giữ chức vụ Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc Chi nhánh TP. HCM của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam; Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn kiêm Giám đốc Chi nhánh Hải Phòng.

Ông tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tín dụng tại Học Viện Ngân hàng và bằng Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tín dụng tại Đại học Tài chính Kế toán Hà Nội.



Ông. **TRẦN QUYẾT THẮNG**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Thắng hiện đang giữ vị trí Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Tài trợ Địa ốc R.C (REFICO). Ông có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, đầu tư và quản trị.

Ông Thắng tốt nghiệp ngành Luật từ các trường nổi tiếng ở Đức và Anh. Ông đồng thời là sáng lập viên của Văn phòng luật sư Thắng và các đồng sự (Thắng & Associates). Ngoài ra, Ông còn là một trong những người lập nên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) và từng là Tổng Giám đốc của SSI. Ông Thắng còn giữ vị trí Chủ tịch Ủy ban Đầu tư của Quỹ Aureos (Anh) chuyên đầu tư vốn cổ phần cá nhân trên toàn cầu.



Ông. **NGUYỄN HOÀNG BẢO (HENRY NGUYỄN)**

Thành viên Hội đồng Quản trị

Ông Henry Nguyễn hiện đang là Tổng Giám đốc điều hành của Quỹ đầu tư IDG Ventures Vietnam (IDGVV), chuyên đầu tư vào các công ty thuộc lĩnh vực tiêu dùng, công nghệ, truyền thông và viễn thông tại Việt Nam.

Trước khi gia nhập IDGVV, Ông từng làm việc tại Goldman Sachs, Trường Y Khoa Harvard, và Bệnh viện Northwestern Memorial. Ông cũng là đối tác nhượng quyền thương mại của chuỗi thức ăn nhanh McDonald's tại Việt Nam và là Chủ tịch của tạp chí Forbes tại Việt Nam. Ông cũng thành lập đội bóng rổ Saigon Heat, đội bóng chuyên nghiệp duy nhất của Việt Nam tham dự Giải bóng rổ Đông Nam Á (ABL), đồng thời kiêm chức Chủ tịch Liên đoàn Bóng rổ Việt Nam với nhiệm kỳ 5 năm từ 2015 đến 2020. Ông hiện cũng điều hành Câu lạc bộ bóng đá Los Angeles (LAFC), là đội bóng mới nhất của Giải bóng đá nhà nghề Mỹ (MLS).

Ông được vinh danh là nhà lãnh đạo trẻ toàn cầu Young Global Leader của Diễn đàn Kinh tế Thế Giới, là thành viên của tổ chức Asia Society. Ngoài ra, Ông còn là Chủ tịch Hội đồng cố vấn của Quỹ Phẫu thuật nụ cười (Operation Smile Vietnam) và được trao giải thưởng John Connor Humanitarian bởi những đóng góp của ông cho quỹ này tại Việt Nam. Ông cũng là thành viên Hội đồng cố vấn của Trường Đại học Anh Quốc Việt Nam và Phó Chủ tịch của Trường Đại học Fulbright Việt Nam.

Ông tốt nghiệp Cử nhân Văn chương Đại học Harvard, Tiến sĩ y khoa trường Đại học Northwestern và Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Kellogg School of Management - Hoa Kỳ.

HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

STT	Thành viên Hội đồng	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỉ lệ	Lý do vắng mặt
1	Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	5	100%	
2	Ông Tô Hải	Thành viên	5	100%	
3	Ông Trần Quyết Thắng	Thành viên	5	100%	
4	Ông Nguyễn Bảo Hoàng	Thành viên	4	80%	Công tác
5	Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành viên	4	80%	Công tác
6	Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên	5	100%	

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

Hội đồng Quản trị đã thực hiện tốt các nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) ủy nhiệm, cụ thể là: chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc tiến hành hoàn thành các mục tiêu đã đặt ra và giám sát các kết quả hoạt động mà ĐHĐCĐ đã phê duyệt. Hội đồng Quản trị luôn hướng đến việc mang đến sự hiệu quả, ích lợi và sự tăng trưởng ổn định cho công ty.

Ngoài ra, Hội đồng Quản trị VCSC cũng thường xuyên phối hợp với Ban Kiểm soát của Công ty để kiểm tra các mục tiêu sau:

- Giám sát việc thực hiện các nghị quyết, kế hoạch kinh doanh và các khoản đầu tư đã được Hội đồng Quản trị thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.
- Giám sát việc điều hành các hoạt động của Hội đồng Quản trị để đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty, đồng thời tuân thủ các quy định của pháp luật và phù hợp với các Nghị quyết đã được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HDQT.VCSC	13.01.2017	V/v: Vay hạn mức - Ngân hàng TMCP Phương Đông - CN Tân Bình
2	02/2017/NQ-HDQT.VCSC	13.01.2017	V/v: Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Phòng định chế tài chính - VIB Hội sở
3	03/2017/NQ-HDQT.VCSC	13.01.2017	V/v: Vay hạn mức - Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Gia Định
4	04/2017/NQ-HDQT.VCSC	10.02.2017	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 1 năm 2017, trị giá 400 tỷ đồng
5	05/2017/NQ-HDQT.VCSC	23.03.2017	V/v: Thông qua việc đồng bảo lãnh phát hành cho Viglacera
6	06/2017/NQ-HDQT.VCSC	21.04.2017	V/v: Triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư bên ngoài theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017
7	07/2017/NQ-HDQT.VCSC	28.04.2017	V/v: Vay hạn mức - Công ty Tài chính Cổ phần Xi Măng - CFC
8	08/2017/NQ-HDQT.VCSC	12.05.2017	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 2 năm 2017, trị giá 300 tỷ đồng
9	09/2017/NQ-HDQT.VCSC	04.05.2017	V/v: Vay hạn mức tại Ngân hàng TMCP Phát triển TP.HCM - Chi nhánh Lãnh Bình Thăng
10	10/2017/NQ-HDQT.VCSC	29.05.2017	V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Danh sách được mua cổ phần theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017
11	11/2017/NQ-HDQT.VCSC	09.06.2017	V/v: Triển khai phương án phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư bên ngoài theo Nghị Quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017
12	12/2017/NQ-HDQT.VCSC	12.06.2017	V/v: Thông qua quy trình công bố thông tin nội bộ
13	13/2017/NQ-HDQT.VCSC	12.06.2017	V/v: Triển khai kế hoạch đăng ký lưu ký và niêm yết cổ phiếu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2017
14	14/2017/NQ-HDQT.VCSC	15.06.2017	V/v: Thông qua hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM

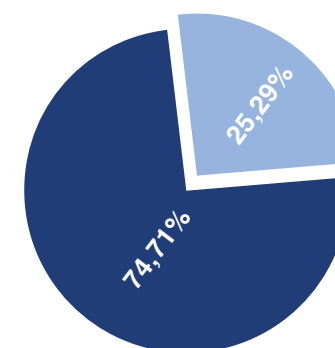
CÁC NGHỊ QUYẾT/ QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017

STT	Số Nghị Quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
15	15/2017/NQ-HDQT.VCSC	12.06.2017	V/v: Thông qua quy chế quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt
16	16/2017/NQ-HDQT.VCSC	26.06.2017	V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho CBNV, ban hành Quy chế phát hành cổ phiếu cho CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Danh sách được mua cổ phần theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2017
17	17/2017/NQ-HDQT.VCSC	15.08.2017	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 3 năm 2017, trị giá 300 tỷ đồng
18	18/2017/NQ-HDQT.VCSC	11.07.2017	V/v: Mở hạn mức tín dụng tại Ngân hàng Maybank - Chi nhánh TP.HCM
19	19/2017/NQ-HDQT.VCSC	14.07.2017	V/v: Điều chỉnh danh sách phát hành cổ phiếu cho CBNV Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ngày 14/07/2017
20	20/2017/NQ-HDQT.VCSC	21.08.2017	V/v: Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản về việc phát hành và niêm yết chứng quyền có bảo đảm
21	21/2017/NQ-HDQT.VCSC	04.10.2017	V/v: Thu hồi cổ phần phát hành cho CBNV theo Quy chế ESOP 2017
22	22/2017/NQ-HDQT.VCSC	07.11.2017	V/v: Vay vốn tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Phòng Định chế tài chính - VIB Hội sở
23	23/2017/NQ-HDQT.VCSC	23.10.2017	V/v: Phát hành trái phiếu đợt 4 năm 2017, trị giá 500 tỷ đồng
24	24/2017/NQ-HDQT.VCSC	07.11.2017	V/v: Về việc vay vốn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Techcombank
25	25/2017/NQ-HDQT.VCSC	08.11.2017	V/v: Bổ nhiệm Tổng Giám đốc nhiệm kỳ năm 2017 đến năm 2022
26	26/2017/NQ-HDQT.VCSC	30.11.2017	V/v: Vay hạn mức - Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Hà nội

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG TÍNH ĐẾN NGÀY 23/03/2018

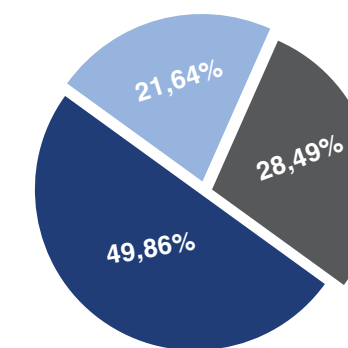
Danh mục	Cổ đông		
	Số lượng CP	Giá trị (10.000 VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng số vốn cổ phần	120.000.000	1.200.000.000.000	100,00%
Cổ đông nội bộ			
HDQT, BGD, BKS, KTT	30.342.727	303.427.270.000	25,29%
Cổ đông khác			
Cá nhân, tổ chức	89.657.273	896.572.730.000	74,71%
Tổng số vốn cổ phần	120.000.000	1.200.000.000.000	100,00%
Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên	34.193.822	341.938.220.000	28,49%
Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%	59.836.252	598.362.520.000	49,86%
Cổ đông sở hữu dưới 1%	25.969.926	259.699.260.000	21,64%
Tổng số vốn cổ phần	120.000.000	1.200.000.000.000	100,00%
Cổ đông nước ngoài	47.219.927	472.199.270.000	39,35%
Cổ đông trong nước	72.780.073	727.800.730.000	60,65%



Cổ đông khác

Cổ đông nội bộ

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo cổ phần

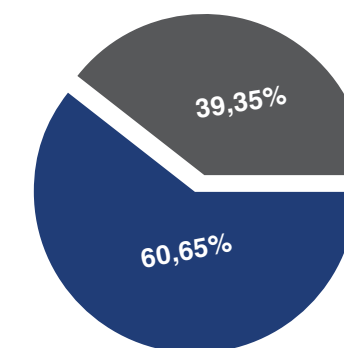


Cổ đông sở hữu từ 5% trở lên

Cổ đông sở hữu từ 1% đến dưới 5%

Cổ đông sở hữu dưới 1%

Biểu đồ cơ cấu cổ đông theo sở hữu



Cổ đông trong nước

Cổ đông nước ngoài

Biểu đồ cơ cấu cổ đông trong nước & nước ngoài

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CHI TIẾT CỔ ĐÔNG LỚN

Tính đến ngày: 23/03/2018

STT	Cá nhân / Tổ chức	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tô Hải	23.348.062	19,46%
2	Amersham Industries Limited *	3.235.500	2,70%
3	Wareham Group Limited *	3.845.300	3,20%
4	Norges Bank *	2.599.000	2,17%
5	DC Developing Markets Strategies PLC *	815.960	0,68%
6	KB Vietnam Focus Balanced Fund *	350.000	0,29%

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ tên	Chức vụ	Số lượng CP	Tỷ lệ sở hữu (%)
Hội đồng quản trị				
1	Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	4,17%
2	Tô Hải	Thành viên HĐQT	23.348.062	19,46%
3	Nguyễn Quang Bảo	Thành viên HĐQT	586.200	0,49%
4	Trần Quyết Thắng	Thành viên HĐQT	200.000	0,17%
5	Huỳnh Richard Lê Minh	Thành viên HĐQT	29.965	0,02%
6	Nguyễn Hoàng Bảo	Thành viên HĐQT	0	0%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Đình Quang Hoàn	Phó TGD	1.098.500	0,92%
Ban Kiểm soát				
1	Bùi Thị Minh Nguyệt	Trưởng ban BKS	0	0,00%
2	Hàn Anh Khoa	Thành viên BKS	0	0,00%
3	Đặng Ngọc Thảo Uyên	Thành viên BKS	0	0,00%
Kế toán trưởng				
1	Đoàn Minh Thiện	Kế toán trưởng	80.000	0,07%
TỔNG CỘNG			30.342.727	25,29%

(*) Thuộc nhóm cổ đông lớn

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT



Bà. **BUI THI MINH NGUYỆT**

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyệt hiện đang giữ vị trí Kế toán trưởng tại Công ty TNHH Phoenix Holdings Limited.

Bà Nguyệt hiện đã từng làm việc tại Công ty TNHH Đầu tư Bản Việt, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán của Công ty. Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính, Kế toán và Kiểm toán tại các công ty hàng đầu tại Việt Nam như KPMG và Ngân hàng Bản Việt.

Bà Nguyệt tốt nghiệp tại Đại học Kinh tế TP. HCM chuyên ngành Kế toán và Kiểm toán.



Ông. **HAN ANH KHOA**

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Khoa từng là Giám đốc Tài chính của công ty chứng khoán Bản Việt từ năm 2007 đến năm 2009. Ông có hơn 16 năm kinh nghiệm chuyên môn trong lĩnh vực tài chính, kế toán.

Trước đó, ông Khoa là Kế toán trưởng tại VinaCapital, chịu trách nhiệm trong việc tổ chức, thực hiện công tác kế toán quản trị và kế toán tài chính của công ty. Ông Khoa tốt nghiệp nghiệp vụ cao cấp ngành Ngân hàng của Đại học Ngân hàng TP. HCM.



Bà. **ĐANG NGỌC THẢO UYÊN**

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Uyên hiện là Phó phòng Tài chính Kế hoạch Công ty Cổ phần Tài chính Xi măng CFC. Bà chịu trách nhiệm lập và phân phối ngân sách và kế hoạch kinh doanh; giám sát sự tuân thủ thực hiện ngân sách; theo dõi quá trình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty và các đơn vị có liên quan; và trình bày kế hoạch quản lý tài chính hiệu quả cho hoạt động kinh doanh.

Bà Uyên tốt nghiệp Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh của Trường Đại học Kinh doanh và Nghiên cứu Quốc tế (Thụy Sĩ) và đã làm việc cho HDBank trong 8 năm ở vị trí Phó Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp - Trụ sở chính.

THAY ĐỔI TRONG CƠ CẤU NHÂN SỰ CỦA BAN KIỂM SOÁT: KHÔNG CÓ THAY ĐỔI NÀO

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2017

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và các Phòng Ban chức năng phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban Kiểm soát cập nhật hoạt động kinh doanh và thu thập các thông tin, tài liệu phục vụ công tác kiểm tra và giám sát của Ban Kiểm soát.

→ Về tình hình tài chính:

Ban Kiểm soát thống nhất với các nội dung của Báo cáo tài chính năm 2017 đã được Ban Tổng Giám đốc và phòng Kế toán của Công ty lập nên. Báo cáo tài chính đã phản ánh chính xác và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, và dòng ngân lưu cho giai đoạn tài chính từ 01 tháng 01 năm 2017 đến 31 tháng 12 năm 2017, phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành.

→ Về việc tuân thủ pháp luật, thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT:

Các hoạt động của Công ty trong năm qua được đảm bảo phát triển an toàn, bền vững và tuân thủ theo pháp luật, được triển khai thực hiện theo đúng các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT. Ngoài việc mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh, duy trì tốc độ tăng trưởng về tài chính, và việc giám sát thực hiện các quyết định chính sách, chủ trương và định hướng của ĐHĐCĐ, HĐQT đã được tập trung quán triệt từ HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đến từng Phòng/Ban nghiệp vụ.

THÀNH VIÊN BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông. **TÔ HẢI**

Tổng Giám đốc

Xem tại trang số 58-59
(Phần IV. Quản trị doanh nghiệp - Các thành viên Hội đồng quản trị)



Ông. **ĐINH QUANG HOÀN**

Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàn có hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn tài chính, kế toán và kiểm toán. Trước khi gia nhập VCSC, Ông Hoàn giữ chức vụ Phó Trưởng phòng Tư vấn của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt - Chi nhánh TP. HCM, phụ trách các lĩnh vực phát hành, niêm yết chứng khoán, bảo lãnh phát hành, cổ phần hóa, tái cấu trúc hoạt động các công ty.

Trước đó, Ông Hoàn làm việc tại Công ty kiểm toán quốc tế KPMG với chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán, phụ trách các dự án kiểm toán, soát xét tài chính cho các tập đoàn đa quốc gia cũng như các doanh nghiệp trong nước.

Ông có bằng Thạc sỹ kinh tế chuyên ngành Tài chính và bằng Cử nhân chuyên ngành Kế toán Kiểm toán của trường Đại học Kinh tế TP. HCM. Ông có chứng chỉ kiểm toán viên độc lập của Bộ Tài Chính và là thành viên lâu năm của Hiệp hội Kế toán viên công chứng - Vương quốc Anh (ACCA).



Ông. **NGUYỄN QUANG BẢO**

Phó Tổng Giám Đốc

Xem tại trang số 60-61
(Phần IV. Quản trị doanh nghiệp - Các thành viên Hội đồng quản trị)

1 NHÂN SỰ CHỦ CHỐT



Ông. **NGÔ VINH TUẤN**

Giám đốc điều hành Ngân hàng đầu tư

Ông Tuấn có 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư và dịch vụ tư vấn tài chính. Trước khi gia nhập VCSC, ông là thành viên Hội đồng Đầu tư và Hội đồng Quản trị của Quỹ đầu tư mạo hiểm Hoa Kỳ Aden Global Capital/ Smith Management. Và từng dẫn dắt đội ngũ phân tích của Quỹ. Trước đó, ông là Giám đốc đầu tư của Quỹ Fonds Stratégique d'Investissement (FSI), Paris, Pháp.

Trước đó ông cũng từng đảm nhận các vị trí phân tích và ngân hàng đầu tư tại các tổ chức uy tín như Credit Suisse và Ngân hàng America Merrill Lynch tại Luân Đôn, Anh và Deloitte Consulting tại Paris, Pháp.

Ông Tuấn có bằng Thạc sĩ Quản trị kinh doanh tại Wharton School, thuộc Đại học Pennsylvania, Philadelphia, Hoa Kỳ và bằng cử nhân tại Ecole Supérieure de Commerce, Grenoble, Pháp.



Bà. **PHẠM THỊ THANH**

Giám đốc Ngân hàng đầu tư, CN Hà Nội

Bà Thanh đã có 18 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính. Trước khi gia nhập VCSC, bà đã có thời gian làm việc tại Bộ Tài chính và sau đó là Công ty CP Chứng khoán Vincom với vai trò Giám đốc Khối Tư vấn tài chính và Giao dịch trực tuyến. Bà đã hoàn tất nhiều thương vụ tư vấn mua bán sáp nhập, tái cấu trúc và niêm yết doanh nghiệp tại Việt Nam. Tại VCSC, bà Thanh cũng tư vấn thành công nhiều thương vụ huy động vốn cũng như tư vấn cổ phần hoá cho nhiều tổng công ty lớn của Nhà nước.

Bà lấy bằng Cử nhân kinh tế chuyên ngành Tài chính Ngân hàng tại Đại học Kinh tế quốc dân và Thạc sĩ Quản lý Tài chính tại Đại học Melbourne, Australia. Bà Thanh cũng đồng thời được cấp Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Thẻ thẩm định viên về giá bởi Bộ Tài chính.



Ông. **MICHEL TOSTO**

Giám đốc điều hành giao dịch chứng khoán - Khách hàng tổ chức

Ông Michel Tosto bắt đầu công tác tại VCSC vào tháng 3/2010. Trước khi gia nhập VCSC, Ông đã làm việc cho VinaSecurities tại Việt Nam với nhiều đóng góp đáng kể trong việc phát triển bộ phận môi giới và có những ấn phẩm được đón nhận rộng rãi như Vietnam Primer và Vietnam Market Mechanics.

Trước đó, Ông đã làm việc trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: quảng cáo và CNTT tại Canada, ngân hàng tại Úc và tư vấn tại Việt Nam. Michel có hơn 9 năm kinh nghiệm quản lý dự án và quan hệ khách hàng.

Ông có bằng Cử nhân Quản trị kinh doanh chuyên ngành Kinh tế học & Marketing và Thạc sĩ Khoa học (M.Sc.) chuyên ngành Quản lý quốc tế tại Đại học HEC Montreal, Canada. Michel thông thạo cả tiếng Anh và tiếng Pháp.



Ông. **BARRY WEISBLATT, MBA**

Giám đốc Nghiên cứu & Phân tích

Ông Barry trở thành Giám đốc Phòng Nghiên cứu & Phân tích từ năm 2015. Ông trước đây công tác tại Chứng khoán VPBank nơi ông xây dựng và điều hành phòng Nghiên cứu và Phân tích trong 2 năm. Trước đó, ông đã có 15 năm kinh nghiệm tái cấu trúc, tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn IPO và M&A. Ông Barry từng giữ các vị trí quản lý cao cấp tại Deutsche Bank ở Singapore, CIMB, Kuala Lumpur and Bank of America tại Singapore, Hong Kong và Chicago nơi ông định hình và triển khai các giao dịch chứng khoán cho các tổ chức phát hành ở Singapore, Malaysia và Hàn Quốc cũng như Hoa Kỳ. Trước khi tham gia thị trường Châu Á, ông hoàn tất giao dịch IPO và M&A cho McDonald & Company Securities, một công ty chứng khoán - ngân hàng đầu tư ở Cleveland, Ohio và là chuyên viên phân tích tín dụng tại Key Bank, Cleveland, Hoa Kỳ.

Ông có bằng Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh của Trường Wharton và bằng Đại học chuyên ngành Tài chính của Miami University.



Bà. **CHÂU THIÊN TRÚC QUỲNH**

Giám đốc Môi giới

Bà Quỳnh hiện đang giữ chức vụ Giám đốc Môi giới Trong nước và đã có 14 năm kinh nghiệm trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Từ năm 2005 - 2007, Bà Quỳnh đã đảm nhiệm vị trí Phó phòng Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp và sau đó là Trưởng Phòng Môi Giới của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, một trong những công ty chứng khoán lớn nhất của Việt Nam.

Trước đó, từ năm 2001 - 2005, Bà là chuyên viên Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp của Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Quá trình làm việc tại các công ty chứng khoán đem lại cho Bà những kinh nghiệm đặc biệt là khả năng đáp ứng dịch vụ cho khách hàng chuyên nghiệp cao. Bà Quỳnh đã từng tư vấn cho hàng loạt các cá nhân và tổ chức.

Bà Quỳnh đã tốt nghiệp hệ Cử nhân và hệ Thạc sĩ tại Đại học Kinh tế TP. HCM, chuyên ngành Tài chính - Ngân hàng.



Ông. **LÝ ĐIỀN ANH**

Giám đốc Môi giới

Ông Điền Anh là một trong những người tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam trong những ngày đầu thành lập. Bắt đầu sự nghiệp của mình từ Công ty Chứng khoán Bảo Việt vào năm 2000. Ông hiện giữ chức vụ Giám đốc Môi giới ở VCSC. Trước khi gia nhập VCSC, Ông là Giám đốc Môi giới tại Công ty Chứng khoán Đông Á.

Ông Điền Anh tốt nghiệp chuyên ngành Tài chính Ngân hàng của Đại học Kinh tế TP. HCM.



Ông. **PHẠM THANH VŨ**

Phó Giám đốc Môi giới

Ông Vũ có 10 năm kinh nghiệm môi giới chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Ông hiện giữ chức vụ Phó Giám đốc Môi giới trong nước, xây dựng phòng Môi giới năng động và tiên phong trong phát triển mô hình bán lẻ bền vững với việc tuyển dụng thực tập sinh là sinh viên từ năm 3 của các trường đại học tham gia quá trình đào tạo nghiệp vụ lẫn kỹ năng để trở thành những môi giới có nền tảng kiến thức, đạo đức tốt, có kinh nghiệm thực tiễn và tận tâm với Công ty.

Ông Vũ tốt nghiệp trường Đại học Kinh tế luật và là Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kỹ Thuật TP. HCM (HuTech).



Ông. **ĐOÀN MINH THIỆN**

Kế toán Trưởng

Ông Thiện có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán. Trước đây, ông giữ vị trí Phó phòng tài chính kế toán của Công ty CP Dịch vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí (Petrosetco Distribution).

Ông Thiện có bằng Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp của Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh.



KẾT TỰ TINH HOA

Thành công không phải là một đích đến mà là một hành trình xây dựng và tích lũy giá trị. VCSC không ngừng nỗ lực để chinh phục những thành công trong chặng đường mới, tiếp tục giữ vững vị thế là một trong ba công ty chứng khoán hoạt động hiệu quả nhất thị trường Việt Nam, từng bước vươn xa ở thị trường khu vực.

TRIỂN VỌNG TĂNG TRƯỞNG



Triển vọng kinh tế toàn cầu tươi sáng hơn, sức mạnh nền tảng trong nước và việc tiếp tục tái cơ cấu khu vực DN nhà nước hỗ trợ triển vọng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

Ngân hàng Thế giới ước tính tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2017 đạt 3% (trong Báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu năm 2018 ra vào đầu năm 2018), tăng từ 2,7% trong báo cáo ra vào tháng 6 năm 2017, và dự báo sẽ đạt đến 3,1% vào năm 2018 do những cải thiện tốt hơn dự kiến ở các nền kinh tế lớn, như Hoa Kỳ, EU và Nhật Bản, điều này sẽ thúc đẩy niềm tin của người tiêu dùng và mức độ tiêu dùng toàn cầu. Tiêu dùng trong nước cũng được dự đoán sẽ vẫn duy trì khá tốt nhờ lạm phát ổn định và niềm tin tiêu dùng mạnh mẽ, được Nielsen xếp thứ 5 trên toàn cầu. Nhu cầu toàn cầu và trong nước tăng lên sẽ hỗ trợ cho các ngành thương mại và sản xuất.

Ngoài ra, một loạt công ty cổ phần hoá và thoái vốn sắp tới đây cùng với môi trường pháp lý, kinh doanh và đầu tư được cải thiện đáng kể sẽ tiếp tục thúc đẩy đầu tư trong và ngoài nước tại Việt Nam.

Nghị quyết số 01/ NQ-CP, ngày 01/01/2018 của Chính phủ liệt kê đặc biệt chi tiết các nhiệm vụ và giải pháp cho từng bộ ngành liên quan.

Theo Nghị quyết, các mục tiêu chính bao gồm tăng trưởng GDP 6,7% và lạm phát bình quân ở mức 4%.

6,7% TĂNG TRƯỞNG
GDP

4% LẠM PHÁT
BÌNH QUÂN

Theo báo cáo PMI, nhu cầu của khách hàng khá vững chắc đã củng cố kỳ vọng lạc quan rằng sản lượng sẽ gia tăng trong 12 tháng tới. Điều này phần nào cho thấy một viễn cảnh tích cực cho ngành sản xuất và IIP sản xuất trong năm 2018.



Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh cùng với lạm phát thấp sẽ tiếp tục hỗ trợ đáng kể cho tiêu dùng trong năm tới:

- Viễn cảnh kinh tế tươi sáng cho các thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam sẽ khuyến khích sản xuất trong nước, qua đó tạo ra thêm nhiều việc làm trong lĩnh vực sản xuất.
- Mức lương tối thiểu sẽ tăng trung bình 6,5% trong năm 2018, theo Nghị định 141/2017/NĐ-CP.
- Chính phủ yêu cầu các ngân hàng thương mại hạ lãi suất cho vay để thúc đẩy tăng trưởng tín dụng. Ngoài ra, vốn nước ngoài đổ vào các công ty tín dụng tiêu dùng của Việt Nam nhiều hơn, bao gồm cả FE credit, HD Saison và MCredit, sẽ giúp tăng thêm dư địa cho cho vay tiêu dùng.
- Cơ cấu dân số trẻ và niềm tin tiêu dùng mạnh mẽ trong bối cảnh triển vọng kinh tế ổn định vẫn tiếp tục thúc đẩy chi tiêu cá nhân.



Mặc dù trải qua một năm thành công về thương mại, Chính phủ vẫn tiếp tục đặt ra mục tiêu thận trọng là tăng xuất khẩu từ 9% - 10% và nhập khẩu từ 9,5% - 10,5% vào năm 2018 và mục tiêu kiểm soát nhập siêu dưới 3% kim ngạch xuất khẩu.

XUẤT KHẨU
9-10%

NHẬP KHẨU
9,5-10,5%

NHẬP SIÊU
dưới **3%** của tổng doanh thu

Nền tảng cạnh tranh, những cải thiện đáng kể trong môi trường kinh doanh và sự hội nhập sâu rộng trong thương mại sẽ đảm bảo dòng vốn FDI mạnh mẽ.

- Bối cảnh vĩ mô bao gồm môi trường chính trị, xã hội, kinh tế ổn định, cơ cấu dân số vàng và vị trí địa lý thuận lợi giúp Việt Nam có sức cạnh tranh hơn với các quốc gia khác trong việc thu hút dòng vốn FDI.
- Ngoài ra, Việt Nam vẫn tiếp tục cam kết cải cách mạnh mẽ. Chúng ta đã thấy sự cải thiện đáng kể về cơ sở hạ tầng, môi trường pháp lý và kinh doanh trong những năm gần đây. Việt Nam đã tăng 14 vị trí và xếp hạng 68 trong Báo cáo Chỉ số Kinh doanh trong năm 2018 của Ngân hàng Thế giới.
- Một loạt các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đang có hiệu lực (đặc biệt là FTA Hàn Quốc - Việt Nam) và các FTA sắp tới (bao gồm FTA Việt Nam - EU, dự kiến sẽ được phê chuẩn năm 2018, và CPTPP) sẽ tiếp tục khuyến khích dòng vốn FDI.
- Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự dịch chuyển đầu tư trong khu vực, chủ yếu là do chi phí lao động tăng lên ở các nước láng giềng như Trung Quốc và Thái Lan.



Chính phủ đã nhiều lần tái khẳng định Việt Nam sẽ lựa chọn các dự án FDI một cách chọn lọc hơn, ưu tiên các dự án công nghệ cao và thân thiện với môi trường. Việc chọn lọc kỹ hơn sẽ có thể ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của dòng vốn FDI, nhưng chất lượng FDI cao hơn sẽ đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững hơn.

“ Năm 2018, chúng tôi dự báo con số tăng trưởng tín dụng sẽ hơi chậm lại ở mức 17%, điều này phù hợp với tăng trưởng huy động mà chúng tôi đã dự đoán cho hệ thống ngân hàng. Trong năm nay, các điều kiện kinh tế vĩ mô toàn cầu được kỳ vọng sẽ diễn biến thuận lợi, có thể giúp Chính phủ đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP mà không cần đẩy mạnh tăng trưởng tín dụng lên quá cao.



TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

Danh mục IPO, niêm yết, thoái vốn trong 2018 sẽ hỗ trợ xu hướng tăng trưởng của thị trường. Nối tiếp những thành công của năm 2017, danh sách các thương vụ IPO và niêm yết mới sẽ tiếp tục kéo dài trong 2018 và chúng tôi cũng kỳ vọng Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện kế hoạch thoái vốn. Cả hai yếu tố này đóng vai trò thu hút dòng vốn nước ngoài và thúc đẩy tỷ lệ sinh lời của thị trường chứng khoán Việt Nam. Những cổ phiếu này sẽ giúp tăng thêm điểm của chỉ số cũng như giúp gia tăng giá trị thị trường, thậm chí vượt mức mà chúng tôi hiện đang cho là hợp lý.

Chúng tôi dự đoán sẽ cần ít nhất 2 năm nữa để Việt Nam được đưa vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi (EM). Mặc dù quy mô và thanh khoản thị trường Việt Nam hiện đã đủ tiêu chuẩn được nâng hạng lên thị trường EM, chúng tôi vẫn cho rằng tỷ lệ sở hữu nước ngoài, độ mở của thị trường ngoại hối, công bố thông tin bằng tiếng Anh và hạ tầng thị trường là những yếu tố cần được tiếp tục cải thiện. Được lọt vào danh sách theo dõi (watchlist) sẽ mang lại thêm tiềm năng tăng trưởng cho thị trường.

KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018

Hướng đến năm 2018, chúng tôi tiếp tục đặt mục tiêu tăng trưởng cao với năm trước. Theo đó, chỉ tiêu doanh thu tăng trưởng trên 12% và lợi nhuận trước thuế tăng trưởng trên 25%.



CHÚ TRỌNG VÀO HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ MÔI GIỚI KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC,

- Tập trung hơn nữa vào hoạt động tư vấn tài chính và môi giới tổ chức nước ngoài với mức lợi nhuận cao hơn và quy mô công ty lớn hơn.
- Đưa ra các mục tiêu lớn ở bộ phận ngân hàng đầu tư.
- Tiếp tục phát triển nền tảng khách hàng tổ chức khi Việt Nam ngày càng thu hút nhiều nhà đầu tư quốc tế.
- Tiếp tục giữ vững thị phần môi giới, là một trong 3 công ty có thị phần môi giới dẫn đầu.



ƯU TIÊN LỢI NHUẬN HƠN LÀ THỊ PHẦN

- Duy trì ROE bền vững trên 25%, mang lại EPS bền vững.
- Chiến lược hạn chế các rủi ro bằng cách kiểm soát các khoản cho vay ký quỹ. Cho vay Margin thận trọng, tăng hạn mức phù hợp với hoạt động thị trường.
- Đầu tư vào các công ty có triển vọng mạnh mẽ để tạo ra giá trị thặng dư.



QUẢN LÝ TÀI CHÍNH HỢP LÝ

- Đầu tư chọn lọc và cơ hội đầu tư là những công ty tốt đang bị đánh giá thấp trước thềm niêm yết và các công ty tăng trưởng nhanh.
- Hạn chế các hoạt động tự doanh vào các công ty niêm yết với doanh thu này chỉ chiếm dưới 1% doanh thu môi giới.
- Hệ số an toàn tài chính (CAR) sẽ được tiếp tục duy trì tốt ở mức trên 300%.

THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy phép thành lập và hoạt động

68/UBCK-GP ngày 6 tháng 11 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Thanh Phương	Chủ tịch
Ông Tô Hải	Thành Viên
Ông Huỳnh Richard Lê Minh	Thành Viên
Ông Trần Quyết Thắng	Thành Viên
Ông Nguyễn Hoàng Bảo	Thành Viên
Ông Nguyễn Quang Bảo	Thành Viên
Ông Phạm Gia Tuấn	Thành Viên (cho đến 19.4.2017)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
Ông Nguyễn Quang Bảo	Phó Tổng Giám Đốc
Ông Đinh Quang Hoàn	Phó Tổng Giám Đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Tô Hải	Tổng Giám Đốc
------------	---------------

Trụ sở chính

Tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco Số 2 Đường Hải Triều, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với sự chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc của Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 86 đến trang 141. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 3 năm 2018



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2017 và được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2018. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 86 đến trang 141.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình biến động vốn chủ sở hữu và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán đang hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

NGUYỄN HOÀNG NAM

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0849-2018-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM6732
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

HỒ NGỌC THẮNG

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2262-2018-006-1

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

 Mẫu số B01 - CTCK
 Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.342.806.740.944	2.917.224.000.470
110	Tài sản tài chính		6.224.215.993.988	2.910.598.933.016
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	486.703.202.803	523.863.111.611
111.1	Tiền		486.703.202.803	523.728.711.611
111.2	Các khoản tương đương tiền		-	134.400.000
112	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.2(a)	451.642.198.967	634.993.292.675
114	Các khoản cho vay	3.3	3.437.438.318.672	1.397.155.100.105
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.2(b)	1.824.728.874.900	350.006.209.000
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3	(4.552.838.057)	(25.062.205.087)
117	Các khoản phải thu	3.4	36.169.556.300	28.560.671.050
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		35.092.500.000	28.500.000.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		1.077.056.300	60.671.050
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		1.077.056.300	60.671.050
118	Trả trước cho người bán		3.616.481.085	679.919.825
119	Phải thu các dịch vụ Công ty chứng khoán cung cấp	3.4	8.016.149.318	14.761.453.837
122	Các khoản phải thu khác		172.500.000	-
129	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu	3.4	(19.718.450.000)	(14.358.620.000)
130	Tài sản ngắn hạn khác		118.590.746.956	6.625.067.454
131	Tạm ứng		439.967.869	442.500.000
132	Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ		113.490.000	17.392.000
133	Chi phí trả trước ngắn hạn		1.880.878.087	4.829.239.454
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.5	116.156.411.000	1.335.936.000
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		59.205.004.260	112.806.543.419
210	Tài sản tài chính dài hạn		0	79.560.000.000
212	Các khoản đầu tư		-	79.560.000.000
212.2	Đầu tư vào công ty con	3.6	-	79.560.000.000
220	Tài sản cố định		25.326.131.092	8.454.479.570
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	11.567.611.326	6.272.658.375
222	Nguyên giá		44.682.700.371	34.314.460.792
223a	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.115.089.045)	(28.041.802.417)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	13.758.519.766	2.181.821.195
228	Nguyên giá		40.487.469.542	25.229.094.542
229a	Giá trị hao mòn lũy kế		(26.728.949.776)	(23.047.273.347)
240	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		136.200.000	1.924.538.883
250	Tài sản dài hạn khác		33.742.673.168	22.867.524.966
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		5.678.374.385	4.035.539.661
252	Chi phí trả trước dài hạn		2.171.535.344	4.226.860.330
253	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	3.17	-	1.234.860.244
254	Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán	3.8(a)	15.870.264.731	13.370.264.731
255	Tài sản dài hạn khác	3.8(b)	10.022.498.708	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		6.402.011.745.204	3.030.030.543.889

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

 Mẫu số B01 - CTCK
 Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ			
310	Nợ phải trả ngắn hạn		3.240.236.456.315	1.829.857.600.925
311	Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn		1.434.460.418.662	627.508.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.10	1.434.460.418.662	627.508.000.000
316	Trái phiếu phát hành ngắn hạn	3.10	906.250.000.000	466.500.000.000
318	Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.11	8.958.095.420	3.850.167.203
320	Phải trả người bán ngắn hạn	3.12	7.010.148.643	6.402.750.000
321	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.13	462.392.057.000	571.264.678.998
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.14	56.145.214.891	35.977.456.868
323	Phải trả người lao động		137.816.845.741	54.645.284.050
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.15	80.466.001.188	20.968.714.637
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.16	146.737.674.770	42.718.300.713
331	Quỹ khen thưởng, phúc lợi		-	22.248.456
340	Nợ phải trả dài hạn		142.380.091.644	-
356	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.17	142.380.091.644	-
	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ		3.382.616.547.959	1.829.857.600.925
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU			
410	Vốn chủ sở hữu	3.18	3.019.395.197.245	1.200.172.942.964
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.772.340.000.000	1.032.000.000.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu		1.200.000.000.000	1.032.000.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.200.000.000.000	1.032.000.000.000
411.2	Thặng dư vốn cổ phần		572.400.000.000	-
411.5	Cổ phiếu quỹ		(60.000.000)	-
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.19	497.706.089.367	-
414	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ		44.485.624.092	16.655.643.229
415	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ		78.404.663.590	50.574.682.727
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.20	626.458.820.196	100.942.617.008
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		527.962.272.542	100.942.617.008
417.2	Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện		98.496.547.654	-
	TỔNG CỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		3.019.395.197.245	1.200.172.942.964
440	TỔNG CỘNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		6.402.011.745.204	3.030.030.543.889

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B01 - CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
A	TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT			
004	Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	4.1	25.145.170.448	25.145.170.448
005	Ngoại tệ các loại (quy ra VND)	4.2	5.713.011.037	122.806.121.756
006	Cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu)	4.3	119.996.000	103.200.000
007	Cổ phiếu quỹ		4.000	-
			SỐ LƯỢNG CHỨNG KHOÁN	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán	4.4	48.762.031	16.688.930
010	Tài sản tài chính chờ về của Công ty chứng khoán		100	3
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty chứng khoán		4.684.512	8.555.030
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG			
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của nhà đầu tư		2.113.926.404	1.438.462.086
021.1	Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng		1.507.126.534	985.944.438
021.2	Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng		27.941.761	24.738.248
021.3	Tài sản tài chính giao dịch cầm cố		546.304.360	271.985.881
021.4	Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ		15.621.215	146.472.997
021.5	Tài sản tài chính chờ thanh toán		16.932.534	9.320.522
023	Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư		13.529.077	8.511.801

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B01 - CTCK
Tại ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG (tiếp theo)			
0026	Tiền gửi của khách hàng		692.443.875.409	510.205.159.691
027	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		554.638.296.909	389.164.247.516
271.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD		6.179.390.075	-
029	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán		137.805.578.500	121.040.912.175
029.1	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước		134.441.991.700	116.148.829.675
029.2	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư nước ngoài		3.363.586.800	4.892.082.500
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		554.638.296.909	389.164.247.516
031.1	Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		542.884.083.927	378.561.565.947
032.2	Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý		11.754.212.982	10.602.681.569

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
01	Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		489.773.731.304	272.160.736.604
01.1	Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(a)	288.807.754.669	246.603.963.574
01.2	Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1(b)	132.035.317.177	-
01.3	Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL		68.930.659.458	25.556.773.030
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu		267.013.662.931	159.640.300.031
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.2	497.731.670.526	355.342.311.877
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		10.804.909.091	-
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		8.129.030.445	3.142.290.565
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		7.042.610.697	6.604.665.380
10	Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	5.3	254.596.157.420	67.040.533.857
11	Thu nhập hoạt động khác		1.649.891.442	2.836.060.350
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		1.536.741.663.856	866.766.898.664
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		(55.516.118.973)	(23.442.006.373)
21.1	Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	5.1(a)	(46.601.486.364)	(13.859.877.765)
21.2	Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	5.1(b)	(8.914.632.609)	(9.582.128.608)
24	Hoàn nhập dự phòng/(chi phí dự phòng) tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	3.3	1.621.463.162	(6.174.301.219)
26	Chi phí hoạt động tự doanh		(22.506.271.238)	(2.211.841.207)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán		(280.510.215.891)	(174.666.611.399)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		(14.852.384.325)	(11.032.169.988)
31	Chi phí nghiệp vụ tư vấn tài chính		(55.865.921.061)	(24.203.284.786)
32	Chi phí các dịch vụ khác		(14.878.434.566)	(10.156.485.623)
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(442.507.882.892)	(251.886.700.595)
DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
42	Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định		6.271.435.342	4.167.157.067
50	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		6.271.435.342	4.167.157.067
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
52	Chi phí lãi vay		(179.160.956.958)	(132.700.817.124)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		(179.160.956.958)	(132.700.817.124)
61	CHI PHÍ BÁN HÀNG			
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.4	(129.428.406.429)	(74.904.171.554)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		791.915.852.919	411.442.366.458
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		11.119.139.864	19.209.091
72	Chi phí khác		(57.313.168)	(13.199.173)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		11.061.826.696	6.009.918

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B02 – CTCK
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		802.977.679.615	411.448.376.376
91	Lợi nhuận đã thực hiện		679.856.995.047	411.448.376.376
92	Lợi nhuận chưa thực hiện		123.120.684.568	-
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN)	5.5	(147.881.514.701)	(78.335.511.798)
100.1	Chi phí thuế TNDN hiện hành		(128.693.085.155)	(79.572.911.892)
100.2	Chi phí thuế TNDN hoãn lại		(19.188.429.546)	1.237.400.094
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		655.096.164.914	333.112.864.578
300	THU NHẬP TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		497.706.089.367	-
301	Lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.19	497.706.089.367	-
400	TỔNG THU NHẬP TOÀN DIỆN		497.706.089.367	-
401	Thu nhập toàn diện phân bổ cho chủ sở hữu		497.706.089.367	-
500	THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG			
501	Lãi cơ bản trên cổ phiếu phổ thông (Đồng/cổ phiếu)	5.6	5.790	3.832
502	Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/cổ phiếu)	5.6	5.790	3.832

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B03b – CTCK
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	2017 VND	2016 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
01	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	802.977.679.615	411.448.376.376
02	Điều chỉnh cho các khoản:	172.694.517.596	160.174.875.728
03	Khấu hao tài sản cố định	9.773.790.332	8.177.894.827
04	Các khoản dự phòng	(15.149.537.030)	19.356.834.827
06	Chi phí lãi vay	179.160.956.958	132.700.817.124
07	Lãi từ thanh lý tài sản cố định	(13.636.364)	-
08	Dự thu tiền lãi	(1.077.056.300)	(60.671.050)
10	Tăng các chi phí phi tiền tệ	8.914.632.609	-
11	Lỗi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	8.914.632.609	-
18	Giảm các doanh thu phi tiền tệ	(132.035.317.177)	-
19	Lãi đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ FVTPL	(132.035.317.177)	-
30	Thay đổi trong vốn lưu động	(2.831.415.493.901)	(657.775.312.547)
31	Giảm/(tăng) tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	306.471.778.276	(136.084.729.317)
33	Tăng các khoản cho vay	(2.040.283.218.567)	(34.175.411.229)
34	Tăng tài sản tài chính sẵn sàng để bán	(953.772.576.533)	(185.563.209.000)
35	Giảm phải thu bán các tài sản tài chính	8.207.500.000	36.295.341.857
36	Giảm phải thu tiền lãi các tài sản tài chính	60.671.050	10.123.896.774
37	Giảm/(tăng) các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	6.745.304.519	(7.758.060.844)
39	Tăng các khoản phải thu khác	(172.500.000)	-
40	Tăng/(giảm) các tài sản khác	(116.556.875.593)	85.647.836.296
41	Tăng/(giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)	41.652.021.898	(1.007.899.110)
42	Giảm chi phí trả trước	7.849.849.858	4.261.799.431
43	Thuế thu nhập doanh nghiệp công ty chứng khoán đã nộp	(112.571.088.709)	(63.733.788.361)
44	Lãi vay đã trả	(161.315.692.305)	-
45	Giảm phải trả người bán	(5.380.837.617)	-
46	Giảm các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên	(22.248.456)	-
47	Tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)	128.472.283.919	1.531.006.987
48	Tăng phải trả người lao động	83.171.561.691	-
50	Giảm phải trả, phải nộp khác	(11.448.928.624)	(364.812.096.031)
51	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	-	-
52	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(12.522.498.708)	(2.500.000.000)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(1.978.863.981.258)	(86.152.060.443)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	(24.651.591.476)	(4.914.601.266)
62	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	13.636.364	-
64	Tiền thu hồi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết	41.516.000.000	-
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	16.878.044.888	(4.914.601.266)
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
71	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	740.400.000.000	45.000.000.000
71	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	(60.000.000)	-
73	Tiền vay gốc	5.317.822.218.662	2.896.208.000.000

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

Mẫu số B03b – CTCK
Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm

Mã số	CHỈ TIÊU	2017 VND	2016 VND
74.3	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	(4.071.119.800.000)	(2.337.700.000.000)
76	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(62.216.391.100)	(78.818.064.000)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	1.924.826.027.562	524.689.936.000
90	(Giảm)/tăng tiền thuần trong năm	(37.159.908.808)	433.623.274.291
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	523.863.111.611	90.239.837.320
101.1	Tiền	523.728.711.611	90.105.437.320
101.2	Các khoản tương đương tiền	134.400.000	134.400.000
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	486.703.202.803	523.863.111.611
103.1	Tiền	486.703.202.803	523.728.711.611
103.2	Các khoản tương đương tiền	-	134.400.000

Các giao dịch trọng yếu không sử dụng tiền được trình bày tại Thuyết minh 6.1.

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	2017 VND	2016 VND
	Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	90.252.523.423.409	54.374.412.709.482
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(108.677.677.295.152)	(66.096.912.085.124)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	18.616.065.581.711	11.585.116.176.700
07.1	Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSD	6.179.390.075	-
11	Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng	(14.852.384.325)	(11.032.169.988)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	182.238.715.718	(148.415.368.930)
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng		
31	Tiền gửi ngân hàng đầu năm	510.205.159.691	658.620.528.621
32	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	389.164.247.516	232.087.185.621
34	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	121.040.912.175	426.533.343.000
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng		
41	Tiền gửi ngân hàng cuối năm	692.443.875.409	510.205.159.691
42	Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức Công ty chứng khoán quản lý	554.638.296.909	389.164.247.516
44	Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	137.805.578.500	121.040.912.175



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Mẫu số B04 - CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý VND	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ VND	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 1.1.2016	500.000.000.000	-	-	-	33.919.039.498	33.919.039.498	332.971.999.390	900.810.078.386
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	333.112.864.578	333.112.864.578
Tăng vốn điều lệ từ phát hành cổ phiếu (i)	45.000.000.000	-	-	-	-	-	-	45.000.000.000
Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu (ii)	487.000.000.000	-	-	-	(33.919.039.498)	-	(453.080.960.502)	-
Cổ tức đợt 2 năm 2015 (iii)	-	-	-	-	-	-	(47.250.000.000)	(47.250.000.000)
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 (iv)	-	-	-	-	-	-	(31.500.000.000)	(31.500.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.19(b))	-	-	-	-	16.655.643.229	16.655.643.229	(33.311.286.458)	-
Tại ngày 31.12.2016	1.032.000.000.000	-	-	-	16.655.643.229	50.574.682.727	100.942.617.008	1.200.172.942.964
Tại ngày 1.1.2017	1.032.000.000.000	-	-	-	16.655.643.229	50.574.682.727	100.942.617.008	1.200.172.942.964
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	655.096.164.914	655.096.164.914
Đánh giá lại tài sản tài chính AFS	-	-	-	497.706.089.367	-	-	-	497.706.089.367
Phát hành riêng lẻ cổ phiếu cho nhà đầu tư bên ngoài (v)	148.000.000.000	562.400.000.000	-	-	-	-	-	710.400.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (vi)	20.000.000.000	10.000.000.000	-	-	-	-	-	30.000.000.000
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(60.000.000)	-	-	-	-	(60.000.000)
Cổ tức đợt 2 năm 2016 (vii)	-	-	-	-	-	-	(61.920.000.000)	(61.920.000.000)
Trích lập các quỹ (Thuyết minh 2.19(b))	-	-	-	-	27.829.980.863	27.829.980.863	(55.659.961.726)	-
Trích quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị (viii)	-	-	-	-	-	-	(12.000.000.000)	(12.000.000.000)
Tại ngày 31.12.2017	1.200.000.000.000	572.400.000.000	(60.000.000)	497.706.089.367	44.485.624.092	78.404.663.590	626.458.820.196	3.019.395.197.245

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Mẫu số B04 - CTCK

- (i) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 18 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 17 tháng 4 năm 2015, Công ty đã phát hành 4.500.000 cổ phiếu cho nhân viên. Giá phát hành bằng mệnh giá.
- (ii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2016 và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 11 năm 2016, Công ty đã phát hành thêm 48.700.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu. Phần vốn tăng được lấy từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.
- (iii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 20 tháng 4 năm 2016, cổ tức cho năm 2015 là 14% trên vốn điều lệ. Trong đó, cổ tức đợt 1 đã được tạm ứng bằng tiền trong năm 2015 là 5% trên vốn điều lệ 500 tỷ Đồng, cổ tức đợt 2 đã được thanh toán bằng tiền trong năm 2016 là 9% trên vốn điều lệ 525 tỷ Đồng.
- (iv) Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 21 tháng 4 năm 2016, Công ty đã ứng trước cổ tức đợt 1 năm 2016 bằng tiền tương đương 6% vốn điều lệ 525 tỷ Đồng.
- (v) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017 và nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 9 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành riêng lẻ 14.800.000 cổ phần phổ thông. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 48.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành riêng lẻ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vi) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017 và nghị quyết của Hội đồng Quản trị ngày 26 tháng 6 năm 2017, Công ty đã phát hành 2.000.000 cổ phần phổ thông theo chương trình lựa chọn cho cán bộ và công nhân viên của Công ty. Công ty đã hạch toán ghi nhận giá trị thặng dư vốn cổ phần của đợt phát hành riêng lẻ cổ phần phổ thông theo khoản chênh lệch giữa mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần và giá phát hành 15.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu phát hành bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng một (1) năm kể từ ngày phát hành.
- (vii) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017, cổ tức đợt 2 cho năm 2016 là 6% trên vốn điều lệ 1,032 tỷ Đồng.
- (viii) Quỹ hoạt động của Hội đồng Quản trị được trích lập theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông ngày 19 tháng 4 năm 2017 để sử dụng cho các hoạt động từ thiện xã hội.



Nguyễn Thị Lành
Người lập



Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Mẫu số B09 – CTCK

Thành lập và niêm yết

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt (“Công ty”) là một Công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 68/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 6 tháng 11 năm 2007. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 35/GPĐC-UBCK ngày 2 tháng 8 năm 2017.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 233/QĐ-SGDHCM của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành Phố Hồ Chí Minh ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại tầng 15, Tháp Tài Chính Bitexco, số 2 Đường Hai Triều, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:
Email: info@vcsc.com.vn
Điện thoại: (+84) 8 3914 3588

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động của Công ty được ban hành ngày 1 tháng 4 năm 2014 và sửa đổi, bổ sung lần gần nhất vào ngày 3 tháng 8 năm 2017.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

Quy mô vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, vốn điều lệ của Công ty là 1.200 tỷ Đồng.

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

Cấu trúc Công ty

Cho đến ngày 29 tháng 6 năm 2017, Công ty có 1 công ty con mà Công ty sở hữu 51% cổ phần là Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (“VCAM”), có trụ sở chính đặt tại lầu 23, tòa nhà Lim, số 9-11 Đường Tôn Đức Thắng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của VCAM là thành lập và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, các danh mục đầu tư ủy thác và tư vấn đầu tư chứng khoán tại Việt Nam.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Cấu trúc Công ty (tiếp theo)

Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty đã bán 36,1% quyền sở hữu trong khoản đầu tư vào VCAM, giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VCAM xuống còn 14,9%. Theo đó, Công ty không còn kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của VCAM (Thuyết minh 3.6).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trình bày khoản đầu tư còn lại trong VCAM là tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS (Thuyết minh 3.2(b)).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có công ty con nào khác.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”) và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”) do Bộ Tài Chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường).

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Các thay đổi quan trọng trong các chính sách kế toán áp dụng

Ngày 20 tháng 11 năm 2015, Quốc hội đã thông qua Luật Kế toán số 88/2015/QH13 (“Luật Kế toán 2015”), trong đó bổ sung khái niệm về giá trị hợp lý và việc đánh giá, ghi nhận theo giá trị hợp lý đối với một số khoản mục tài sản và nợ phải trả có giá trị biến động thường xuyên, theo yêu cầu của chuẩn mực kế toán phải được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Luật Kế toán 2015 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2017.

Theo đó, từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty áp dụng chính sách kế toán theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) đối với tài sản tài chính FVTPL và tài sản tài chính AFS.

Đây là thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật mà không có quy định về hồi tố, Công ty đã áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán mới.

Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên các báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (“VND”).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của báo cáo tình hình tài chính lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo tình hình tài chính. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của báo cáo tình hình tài chính được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn ban đầu không quá ba (3) tháng và không có rủi ro đáng kể trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản tài chính

(A) Phân loại

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Ban Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của 1 Danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là 1 công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ban Tổng Giám đốc sẽ chỉ định một tài sản tài chính là tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự “không thống nhất kế toán”) mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được qui định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán - Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc, cổ đông lớn của Công ty.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(A) Phân loại (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL) (tiếp theo)

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ bao gồm chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết và tất cả công cụ phái sinh, bao gồm phái sinh đính kèm, tách biệt với hợp đồng chủ, trừ các công cụ phái sinh được chỉ định là công cụ phòng ngừa rủi ro.

Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường). Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính không phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định;
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm chi phí mua, sau đó ghi nhận theo chi phí phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Chi phí phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(A) Phân loại (tiếp theo)

(iii) Các khoản cho vay (tiếp theo)

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

(iv) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

(v) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) bao gồm các tài sản tài chính không phải sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu. Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm cả các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này. Tại ngày lập báo cáo tài chính, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào lãi/ lỗ theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về doanh thu.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là 1 bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

(B) Phân loại lại

(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc loại tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các loại tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(B) Phân loại lại (tiếp theo)

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này.
- Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến khi đáo hạn không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính AFS và phải định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động – Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý.

(C) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch - là tại ngày Công ty ký kết hợp đồng mua hoặc bán khoản các tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

(D) Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ (FVTPL) được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

(E) Cơ sở đánh giá lại tài sản tài chính

Công ty áp dụng nguyên tắc tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 8 năm 2017 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán và Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 về quy chế tài chính của Công ty chứng khoán và Công ty quản lý quỹ để làm căn cứ đánh giá lại các tài sản tài chính, cụ thể như sau:

(i) Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của Công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại.

Các cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Giá mua
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(E) Cơ sở đánh giá lại tài sản tài chính (tiếp theo)

(ii) Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (“VSD”)

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

Trường hợp không có đủ tối thiểu ba (3) báo giá như quy định nêu trên, các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá từ các báo giá
- Giá của kỳ báo cáo gần nhất
- Giá trị sổ sách
- Giá mua
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(iii) Cổ phiếu bị đình chỉ giao dịch, hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Mệnh giá
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(iv) Cổ phiếu của tổ chức trong tình trạng giải thể, phá sản

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo một trong các mức giá sau:

- 80% giá trị thanh lý của cổ phiếu đó tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính gần nhất trước ngày đánh giá lại
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(v) Cổ phần, phần vốn góp khác

Các cổ phần này được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Giá mua/giá trị vốn góp
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty

(vi) Trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế.

Các trái phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(E) Cơ sở đánh giá lại tài sản tài chính (tiếp theo)

(vii) Trái phiếu không niêm yết

Trái phiếu không niêm yết được đánh giá lại theo giá cao nhất trong các giá sau đây:

- Giá yết trên hệ thống báo giá trái phiếu không niêm yết (nếu có) do tổ chức kinh doanh chứng khoán lựa chọn cộng lãi lũy kế
- Giá mua cộng lãi lũy kế
- Mệnh giá cộng lãi lũy kế
- Giá theo phương pháp nội bộ của Công ty cộng lãi lũy kế

(viii) Chứng chỉ quỹ đóng đại chúng

Chứng chỉ quỹ đóng đại chúng được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại.

Các chứng chỉ quỹ đóng đại chúng không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày đánh giá lại được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày đánh giá lại.

(ix) Chứng chỉ quỹ thành viên/ quỹ mở/ cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán phát hành riêng lẻ

Các chứng chỉ quỹ/cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một (1) đơn vị phần vốn góp/ chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu tại kỳ báo cáo gần nhất trước ngày đánh giá lại.

(x) Chứng chỉ quỹ/ cổ phiếu của Công ty đầu tư chứng khoán khác

Các chứng chỉ quỹ/cổ phiếu này được đánh giá lại theo phương pháp nội bộ của Công ty.

(xi) Tiền gửi có kỳ hạn

Tiền gửi có kỳ hạn được định giá bằng giá trị tiền gửi cộng lãi phải thu tính tới ngày lập báo cáo tài chính.

(xii) Tín phiếu kho bạc, hối phiếu ngân hàng, thương phiếu, chứng chỉ tiền gửi có thể chuyển nhượng, trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ chiết khấu

Các công cụ tài chính này được định giá bằng giá mua cộng lãi phải thu tính tới ngày trước ngày đánh giá lại.

(F) Trích lập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay

Dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được lập khi có sự suy giảm về giá trị có thể thu hồi của các khoản cho vay. Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính. Dự phòng/hoàn nhập dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(G) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản tài chính (tiếp theo)

(G) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (tiếp theo)

Các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 (“Thông tư 228/2009/TT-BTC”) như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
Trên ba (03) năm	100%

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng)phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

(H) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính thông qua lãi/lỗ được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính sẵn sàng để bán được hạch toán vào giá mua của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không.

Đầu tư vào công ty con ban đầu được hạch toán theo giá gốc, sau đó được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá. Dự phòng được lập cho các khoản đầu tư này khi các tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ.

2. 2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Tài sản cố định

(G) Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Các tỷ lệ khấu hao chủ yếu hàng năm như sau:

Chi phí nâng cấp văn phòng	33,33%
Phương tiện vận chuyển	16,67%
Thiết bị văn phòng	33,33%
Phần mềm vi tính	33,33% - 50%

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Thuê tài sản cố định

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng hoặc dựa trên thời hạn phân bổ.

Ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

Nợ phải trả

(A) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Nợ phải trả (tiếp theo)

(B) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Nợ vay
- Trái phiếu phát hành
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán gồm các số dư với Trung tâm Thanh toán Bù trừ và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính tình trạng hợp nhất trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc để nhận dạng một tài sản và một khoản nợ phải trả đồng thời.

Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với quá trình hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi vào chi phí trong năm.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

Vốn chủ sở hữu

(A) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(B) Quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, Công ty phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho mỗi quỹ vào mỗi năm Công ty có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ của Công ty.

(C) Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty tại ngày lập báo cáo tài chính. Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận sau thuế đã thực hiện và lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày lập báo cáo tài chính.

Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục tài sản tài chính của Công ty và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện trong năm là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận chưa thực hiện và thuế thu nhập hoãn lại trên kết quả đánh giá lại đó.

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

(A) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động ủy thác đấu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(B) Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn

Doanh thu từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính thanh lý, nhượng bán. Giá vốn này được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tách biệt giữa các hình thức đầu tư.

Thu nhập cổ tức được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(C) Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ, hoạt động tạm ứng vốn cho nhà đầu tư và thu nhập từ hợp đồng hỗ trợ tài chính. Các khoản doanh thu này được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

(D) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu. Thu nhập khác được ghi nhận theo phương pháp trích trước.

Chi phí

(A) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(B) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động
- Chi phí tài chính
- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý
- Chi phí khác

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động kinh doanh tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong năm tài chính mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của báo cáo tình hình tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của năm tài chính mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp dịch vụ và đầu tư (bộ phận chia theo hoạt động), hoặc cung cấp dịch vụ và đầu tư trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 210/2014/TT-BTC và Thông tư 334/2016/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - CTCK

● Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tiền mặt tại quỹ	(374.256.985)	585.715.950
Tiền gửi ngân hàng	486.328.945.818	523.142.995.661
Các khoản tương đương tiền (*)	-	134.400.000
	486.703.202.803	523.863.111.611

(*) Đây là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn ban đầu không quá ba (3) tháng.

● Danh mục tài sản tài chính

Công ty áp dụng phi hồi tố chính sách kế toán mới theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị thị trường) đối với tài sản tài chính FVTPL và tài sản tài chính AFS từ ngày 1 tháng 1 năm 2017. Giá trị tài sản tài chính FVTPL và tài sản tài chính AFS tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính là giá gốc trừ dự phòng suy giảm giá trị.

Mẫu số B09 - CTCK

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

● Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(A) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	132.035.317.177	(8.914.632.609)	446.013.039.767
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	-	-	5.629.159.200
Tổng cộng	132.035.317.177	(8.914.632.609)	451.642.198.967

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	242.115.520.945	(18.887.903.868)	732.169.943.717
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	51.332.718.965	-	175.779.285.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	1.604.400.000
Tổng cộng	293.448.239.910	(18.887.903.868)	909.553.628.717

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
● Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(A) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lái/iổ (FVTPL) (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	322.892.355.199	446.013.039.767	508.942.326.640	732.169.943.717
CTCP Đầu tư và Kinh doanh nhà Khang Điền	59.878.375.003	100.663.270.800	31.940.072.803	41.519.620.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát	59.152.295.715	77.405.242.050	1.939.495	2.373.250
Công ty cổ phần Hàng tiêu dùng MASAN	44.132.620.000	52.340.530.200	-	-
CTCP Xuất nhập khẩu Khánh Hội	28.345.344.122	29.533.695.100	27.303.472.122	40.332.305.200
CTCP Đầu tư Xây dựng Bình Chánh	29.753.365.098	38.843.032.500	7.058.780.798	7.223.108.400
Cổ phiếu khác	101.630.355.261	147.227.269.117	442.638.061.422	643.092.536.867
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.629.159.200	5.629.159.200	124.446.566.035	175.779.285.000
CTCP Ô tô Trường Hải	-	-	48.574.463.500	75.513.000.000
Cổ phiếu khác	5.629.159.200	5.629.159.200	75.872.102.535	100.266.285.000
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	1.604.400.000	1.604.400.000
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - Techcombank	-	-	1.604.400.000	1.604.400.000
Tổng cộng	328.521.514.399	451.642.198.967	634.993.292.675	909.553.628.717

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
● Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(B) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017			Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016		
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá Chênh lệch giảm VND	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch đánh giá Chênh lệch giảm VND
Cổ phiếu niêm yết	746.230.250.091	622.132.611.709	-	-	-	1.368.362.861.800
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	456.366.013.100	-	-	-	-	456.366.013.100
Tổng cộng	1.202.596.263.191	622.132.611.709	-	-	-	1.824.728.874.900
Cổ phiếu niêm yết	60.000.000.000	12.120.000.000	-	-	-	72.120.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	290.006.209.000	85.897.762.000	-	-	-	375.903.971.000
Tổng cộng	350.006.209.000	98.017.762.000	-	-	-	448.023.971.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(B) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS) (tiếp theo)

	Tại ngày 31.12.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết	746.230.250.091	1.368.362.861.800	60.000.000.000	72.120.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ma San	191.874.691.508	315.676.337.600	-	-
NHTM CP Việt Nam Thịnh Vượng	147.787.090.100	287.000.902.000	-	-
Công ty cổ phần Xây lắp điện 1	67.432.680.534	96.964.744.000	-	-
CTCP Đầu tư Thế giới di động	50.626.237.945	327.779.292.000	-	-
Cổ phiếu khác	288.509.550.004	340.941.586.200	60.000.000.000	72.120.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	456.366.013.100	456.366.013.100	290.006.209.000	375.903.971.000
CTCP Masan Nutri - Science	123.553.584.000	123.553.584.000	123.553.584.000	124.000.620.000
CTCP Tài chính Xi Măng	-	-	36.000.000.000	36.000.000.000
CTCP Quản lý quỹ đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)	23.244.000.000	23.244.000.000	-	-
Cổ phiếu khác	309.568.429.100	309.568.429.100	130.452.625.000	215.903.351.000
Tổng cộng	1.202.596.263.191	1.824.728.874.900	350.006.209.000	448.023.971.000

Các cổ phiếu được dùng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày ở Thuyết minh 3.9.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(A) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ (i)	3.315.298.184.158	(4.552.838.057)	1.238.428.798.637	(6.174.301.219)
Tạm ứng giao dịch chứng khoán (ii)	122.140.134.514	-	158.726.301.468	-
	3.437.438.318.672	(4.552.838.057)	1.397.155.100.105	(6.174.301.219)

(i) Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ

Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Các khoản tài trợ này có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày (2016: từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày).

(ii) Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Đây là số tiền bán chứng khoán ứng trước cho khách hàng tại ngày giao dịch ("ứng tiền ngày T"). Các khoản tạm ứng này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày làm việc và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày (Năm 2016: từ 0,032%/ngày đến 0,038%/ngày).

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị
- (B) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Tình hình biến động số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp trong năm như sau:

	Tại ngày 31.12.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Số dư đầu năm VND	Trích lập trong năm VND	Hoàn nhập trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Hợp đồng giao dịch kỳ quỹ	6.174.301.219	-	(1.621.463.162)	4.552.838.057
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	-	-	-	-
Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31.12.2016 (i)	18.887.903.868	-	(18.887.903.868)	-
	25.062.205.087	-	(20.509.367.030)	4.552.838.057

(i) Dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty áp dụng chính sách kế toán theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường) đối với tài sản tài chính FVTPL. Đây là thay đổi chính sách kế toán do áp dụng lần đầu các quy định của pháp luật mà không có quy định về hồi tố, Công ty đã áp dụng phí hồi tố chính sách kế toán mới.

Công ty đã hoàn nhập số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính FVTPL tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 vào giá gốc của chứng khoán.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

- Các khoản phải thu ngắn hạn

	Tại ngày 31.12.2017		Tại ngày 31.12.2016	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị phải thu khó đòi VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	35.092.500.000	18.000.000.000	28.500.000.000	18.000.000.000
Phải thu bán chứng khoán chưa niêm yết	35.092.500.000	18.000.000.000	28.500.000.000	18.000.000.000
Phải thu bán chứng khoán niêm yết	-	-	-	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	1.077.056.300	-	60.671.050	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	1.077.056.300	-	60.671.050	-
	36.169.556.300	18.000.000.000	28.560.671.050	18.000.000.000
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	8.016.149.318	1.718.450.000	14.761.453.837	2.347.390.000
Phải thu khác	172.500.000	-	-	-

Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

● Các khoản phải thu ngắn hạn (tiếp theo)

Chi tiết biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Giá trị phải thu khó đòi		Dự phòng			
	Tại ngày đầu năm VND	Tại ngày cuối năm VND	Tại ngày đầu năm VND	Số trích lập trong năm VND	Số hoàn nhập trong năm VND	Tại ngày cuối năm VND
Phải thu bán các tài sản tài chính	18.000.000.000	18.000.000.000	12.600.000.000	5.400.000.000	-	18.000.000.000
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phương Việt	18.000.000.000	18.000.000.000	12.600.000.000	5.400.000.000	-	18.000.000.000
Phải thu phí dịch vụ cung cấp	2.347.390.000	1.718.450.000	1.758.620.000	-	(40.170.000)	1.718.450.000
Công ty TNHH Thực phẩm QVD Đồng Tháp	462.000.000	462.000.000	462.000.000	-	-	462.000.000
Các khách hàng khác	1.885.390.000	1.256.450.000	1.296.620.000	-	(40.170.000)	1.256.450.000
Tổng cộng	20.347.390.000	19.718.450.000	14.358.620.000	5.400.000.000	(40.170.000)	19.718.450.000

● Tài sản ngắn hạn khác

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tiền ứng trước cho các hoạt động đầu tư	116.156.411.000	1.335.936.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

● Đầu tư vào công ty con

Đây là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt ("VCAM"), một công ty con mà Công ty nắm 51% quyền sở hữu và quyền biểu quyết cho đến ngày 29 tháng 6 năm 2017.

Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 19 tháng 4 năm 2017 đã thông qua quyết định thoái vốn toàn bộ đối với khoản đầu tư vào VCAM.

Tính đến ngày 27 tháng 12 năm 2017, Công ty đã bán 36,1% quyền sở hữu trong khoản đầu tư vào VCAM, giảm tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết trong VCAM xuống còn 14,9%. Theo đó, Công ty không còn kiểm soát hay có ảnh hưởng đáng kể đến các chính sách tài chính và hoạt động của VCAM.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty trình bày khoản đầu tư còn lại trong VCAM là tài sản tài chính sẵn sàng để bán AFS (Thuyết minh 3.2(b)).

● Tài sản cố định

(A) Tài sản cố định hữu hình

	Chi phí nâng cấp văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 1.1.2017	33.000.000	3.330.335.577	30.951.125.215	34.314.460.792
Mua trong năm	-	-	11.387.066.854	11.387.066.854
Thanh lý trong năm	-	-	(1.018.827.275)	(1.018.827.275)
Tại ngày 31.12.2017	33.000.000	3.330.335.577	41.319.364.794	44.682.700.371
Khấu hao lũy kế				
Tại ngày 1.1.2017	33.000.000	3.302.089.560	24.706.712.857	28.041.802.417
Khấu hao trong năm	-	28.246.017	6.063.867.886	6.092.113.903
Thanh lý trong năm	-	-	(1.018.827.275)	(1.018.827.275)
Tại ngày 31.12.2017	33.000.000	3.330.335.577	29.751.753.468	33.115.089.045
Giá trị còn lại				
Tại ngày 1.1.2017	-	28.246.017	6.244.412.358	6.272.658.375
Tại ngày 31.12.2017	-	-	11.567.611.326	11.567.611.326

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định có giá trị lớn chưa thực hiện.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 27.035 triệu Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.459 triệu Đồng).

Công ty không có tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Tài sản cố định (tiếp theo)

(B) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1.1.2017	25.229.094.542
Mua trong năm	15.258.375.000
Tại ngày 31.12.2017	40.487.469.542
Khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1.1.2017	23.047.273.347
Khấu hao trong năm	3.681.676.429
Tại ngày 31.12.2017	26.728.949.776
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1.1.2017	2.181.821.195
Tại ngày 31.12.2017	13.758.519.766

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 23.451 triệu Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 18.968 triệu Đồng).

Công ty không có tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017.

● Các khoản ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam

(A) Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào quỹ hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ đồng.

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	13.370.264.731	10.870.264.731
Tiền nộp bổ sung	1.744.948.783	1.867.223.057
Tiền lãi phân bổ trong năm	755.051.217	632.776.943
Số dư cuối năm	15.870.264.731	13.370.264.731

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Các khoản ký quỹ tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (tiếp theo)

(B) Tiền nộp quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh

Đây là tiền đóng góp tối thiểu ban đầu đối với thành viên bù trừ trực tiếp theo Quy Chế Quản Lý Và Sử Dụng Quỹ Bù Trừ ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 03 năm 2017 của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và tiền lãi phân bổ.

Công ty không có giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh trong năm 2017.

● Tài sản đã cầm cố, thế chấp

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tài sản tài chính (Thuyết minh 3.2) theo giá trị thị trường/giá trị hợp lý		
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	1.079.928.200.000	236.080.000.000
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	-	79.560.000.000
	1.079.928.200.000	315.640.000.000

Các tài sản đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo các khoản vay ngân hàng ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 3.10).

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

● Các khoản vay

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngân hàng trong nước (i)	272.000.000.000	464.000.000.000	(596.000.000.000)	140.000.000.000
Vay công ty tài chính trong nước (ii)	150.000.000.000	615.000.000.000	(585.000.000.000)	180.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước (iii)	72.000.000.000	534.000.000.000	(443.000.000.000)	163.000.000.000
Vay ngân hàng trong nước (iv)	68.000.000.000	518.975.000.000	(347.000.000.000)	239.975.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (v)	45.508.000.000	-	-	45.508.000.000
Vay ngân hàng trong nước (vi)	20.000.000.000	1.010.000.000.000	(730.000.000.000)	300.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (vii)	-	136.233.000.000	(68.100.000.000)	68.133.000.000
Vay thấu chi ngân hàng trong nước (viii)	-	2.844.418.662	-	2.844.418.662
Vay ngân hàng trong nước (ix)	-	295.000.000.000	-	295.000.000.000
Vay ngắn hạn	627.508.000.000	3.576.052.418.662	(2.769.100.000.000)	1.434.460.418.662
Trái phiếu phát hành ngắn hạn (x)	466.500.000.000	1.741.769.800.000	(1.302.019.800.000)	906.250.000.000
Tổng	1.094.008.000.000	5.317.822.218.662	(4.071.119.800.000)	2.340.710.418.662

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

● Các khoản vay (tiếp theo)

- (i) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 350 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 31 tháng 1 năm 2018.
- (ii) Đây là các khoản vay từ một Công ty tài chính trong nước với hạn mức tín dụng là 180 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 10 tháng 5 năm 2018.
- (iii) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 27 tháng 12 năm 2018. Các khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.9).
- (iv) Đây là khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 250 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 12 tháng 6 năm 2018. Khoản vay được đảm bảo bằng cổ phiếu trong danh mục tài sản tài chính của Công ty (Thuyết minh 3.9).
- (v) Đây là khoản vay từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 4 triệu đô la Mỹ cấp có hiệu lực đến ngày 31 tháng 12 năm 2018.
- (vi) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 2 tháng 10 năm 2018.
- (vii) Đây là khoản vay từ một ngân hàng nước ngoài với hạn mức tín dụng là 5 triệu đô la Mỹ cấp ngày 3 tháng 10 năm 2017 và tự động gia hạn sau một năm kể từ ngày ký kết.
- (viii) Đây là khoản vay thấu chi từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 10 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 10 tháng 10 năm 2018.
- (ix) Đây là các khoản vay từ một ngân hàng trong nước với hạn mức tín dụng là 300 tỷ Đồng Việt Nam có hiệu lực đến ngày 9 tháng 11 năm 2018.
- (x) Đây là trái phiếu ghi danh không chuyển đổi do Công ty phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư là cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước theo các nghị quyết của Hội đồng Quản trị. Các trái phiếu có mệnh giá 10.000.000 Đồng Việt Nam và kỳ hạn 2 năm kể từ ngày phát hành. Trái chủ có quyền yêu cầu Công ty mua lại trước ngày đáo hạn. Lãi suất trái phiếu áp dụng tùy thuộc vào thời gian nắm giữ của trái chủ.

Toàn bộ các khoản vay ngắn hạn của Công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh. Các khoản vay chịu lãi suất từ 4,25% đến 11,5% một năm tùy thuộc vào thời điểm giải ngân.

Công ty không có khoản vay ngắn hạn nào từ các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

● Phải trả cho các hoạt động giao dịch chứng khoán

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh	4.987.791.466	2.880.476.795
Phải trả cho Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội	744.131.857	325.196.276
Phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán	3.226.172.097	644.494.132
	8.958.095.420	3.850.167.203

● Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Phải trả mua chứng khoán niêm yết	3.601.927.900	6.402.750.000
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	3.408.220.743	-
	7.010.148.643	6.402.750.000

Công ty không có khoản phải trả người bán là các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Công ty không có khoản phải trả người bán ngắn hạn quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2016.

● Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đây là khoản tiền khách hàng ứng trước cho hoạt động kinh doanh của khách hàng và dịch vụ liên quan. Công ty chịu một khoản lãi suất từ 5%/năm đến 9%/năm trên số tiền ứng trước cho hoạt động kinh doanh (năm 2016: từ 2% đến 10%/năm).

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

● Thuế và các khoản khác phải nộp nhà nước

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	44.539.608.879	28.417.612.433
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	9.005.719.567	6.102.912.586
Thuế thu nhập cá nhân	1.911.474.113	745.092.248
Thuế GTGT hàng bán nội địa	688.412.332	711.839.601
	56.145.214.891	35.977.456.868

Tình hình biến động trong năm của thuế và các khoản khác phải nộp ngân sách Nhà nước như sau:

	Tại ngày 1.1.2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số chi trả trong năm VND	Tại ngày 31.12.2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	28.417.612.433	128.693.085.155	(112.571.088.709)	44.539.608.879
Thuế thu nhập cá nhân giao dịch chứng khoán nộp hộ khách hàng	6.102.912.586	111.774.347.014	(108.871.540.033)	9.005.719.567
Thuế thu nhập cá nhân	745.092.248	31.656.422.628	(30.490.040.763)	1.911.474.113
Thuế GTGT hàng bán nội địa	711.839.601	24.667.769.758	(24.691.197.027)	688.412.332
	35.977.456.868	296.791.624.555	(276.623.866.532)	56.145.214.891

● Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Phí dịch vụ phải trả	40.784.434.000	-
Chi phí lãi trên tiền khách hàng ứng trước	28.919.712.795	15.005.961.192
Chi phí lãi vay	6.679.787.246	2.748.274.196
Chi phí phải trả khác	4.082.067.147	3.214.479.249
	80.466.001.188	20.968.714.637

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Phải trả hộ khách hàng (*)	105.000.000.000	35.914.209.999
Phải trả nhân sự quản lý chủ chốt	40.746.867.500	5.446.867.500
Cổ tức phải trả cho các cổ đông	774.271.900	1.070.663.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	216.535.370	286.560.214
	146.737.674.770	42.718.300.713

(*) Đây là khoản tiền khách hàng chuyển cho Công ty thanh toán hộ để thực hiện các giao dịch chứng khoán của khách hàng.

● Thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế thu nhập hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng (i)	6.670.567.611	1.234.860.244
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải trả trong vòng 12 tháng (ii)	(149.050.659.255)	-
	(142.380.091.644)	1.234.860.244

Biến động gộp của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	1.234.860.244	(2.539.850)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.5)	(19.188.429.546)	1.237.400.094
Ghi nhận vào báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 3.19)	(124.426.522.342)	-
Số dư cuối năm	(142.380.091.644)	1.234.860.244

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

(i) Chi tiết tài sản thuế thu nhập hoãn lại như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng các khoản cho vay ký quỹ	4.552.838.057	6.174.301.220
Chi phí trích trước	28.800.000.000	-
	33.352.838.057	6.174.301.220
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	6.670.567.611	1.234.860.244

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

(ii) Chi tiết thuế thu nhập hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chênh lệch tạm thời chịu thuế:		
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 5.1(b))	123.120.684.568	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS (Thuyết minh 3.19)	622.132.611.709	-
	745.253.296.277	-
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	149.050.659.255	-

● Vốn góp của chủ sở hữu

(A) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký	120.000.000	103.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	120.000.000	103.200.000
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	(4.000)	-
	119.996.000	103.200.000

3. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 - CTCK

● Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

(A) Số lượng cổ phiếu (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, toàn bộ cổ phiếu của Công ty là cổ phiếu phổ thông. Mỗi cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 Đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

(B) Tình hình biến động của vốn cổ phần

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Số lượng tại ngày đầu năm	103.200.000	50.000.000
Cổ phiếu mới phát hành trong năm	16.800.000	53.200.000
Cổ phiếu mua lại trong năm	(4.000)	-
Số lượng tại ngày cuối năm	119.996.000	103.200.000

● Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(a))	622.132.611.709	-
Trừ: thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	(124.426.522.342)	-
Tổng cộng	497.706.089.367	-

● Lợi nhuận chưa phân phối

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 31.12.2016 VND	Thu nhập trong năm VND	Chia cổ tức VND	Trích lập các quỹ VND	Số dư tại ngày 31.12.2017 VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	100.942.617.008	556.599.617.260	(61.920.000.000)	(67.659.961.726)	527.962.272.542
Lợi nhuận sau thuế chưa thực hiện	-	98.496.547.654	-	-	98.496.547.654
Lợi nhuận chưa phân phối	100.942.617.008	655.096.164.914	(61.920.000.000)	(67.659.961.726)	626.458.820.196

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - CTCK

● Nợ khó đòi đã xử lý

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	25.145.170.448	25.145.170.448

Nợ khó đòi đã xử lý liên quan đến số dư cho vay theo hợp đồng giao dịch ký quỹ trong năm 2011 mà Công ty không thu hồi được đầy đủ do giá trị của tài sản đảm bảo giảm thấp hơn dư nợ. Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ phần nợ không thu hồi được. Công ty đã xóa sổ các số dư khó đòi này theo Nghị Quyết số 09/2015/QĐ-HTQT.VCSC ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Hội Đồng Quản Trị.

● Ngoại tệ các loại

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm số ngoại tệ là 170.632 Đô la Mỹ, 9.035 Euro và 13.898 Bảng Anh (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 5.393.381 Đô la Mỹ, 120 Euro và 10.973 bảng Anh).

● Cổ phiếu đang lưu hành

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng lưu hành dưới 1 năm	16.796.000	53.200.000
Số lượng lưu hành từ 1 năm trở lên	103.200.000	50.000.000
	119.996.000	103.200.000

● Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Công ty chứng khoán

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	20.369.031	11.488.930
Hạn chế chuyển nhượng	5.004.000	2.200.000
Giao dịch cầm cố	23.387.000	3.000.000
Chờ thanh toán	2.000	-
	48.762.031	16.688.930

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B09 – CTCK

● Thu nhập từ tài sản tài chính FVTPL

(A) Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	288.807.754.669	246.603.963.574
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(46.601.486.364)	(13.859.877.765)
	242.206.268.305	232.744.085.809

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán VND	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	Lãi bán năm nay VND	Lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	69.331.042	2.223.571.279.980	1.981.207.011.675	242.364.268.305	230.306.938.496
Trái phiếu	2.037.300	590.142.000.000	590.300.000.000	(158.000.000)	-
Chứng chỉ quỹ	-	-	-	-	2.437.147.313
	71.368.342	2.813.713.279.980	2.571.507.011.675	242.206.268.305	232.744.085.809

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

(B) Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	132.035.317.177	-
Chênh lệch giảm đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(8.914.632.609)	(9.582.128.608)
	123.120.684.568	(9.582.128.608)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2017 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2016 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	322.892.355.199	446.013.039.767	123.120.684.568	-	123.120.684.568
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.629.159.200	5.629.159.200	-	-	-
	328.521.514.399	451.642.198.967	123.120.684.568	-	123.120.684.568

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Doanh thu ban đầu	497.731.670.526	355.342.311.877
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	497.731.670.526	355.342.311.877

● Doanh thu nghiệp vụ tư vấn tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Doanh thu ban đầu	254.596.157.420	67.040.533.857
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	254.596.157.420	67.040.533.857

● Chi phí quản lý Công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	79.421.682.173	32.331.201.436
Chi phí thuê văn phòng	13.999.271.630	12.319.203.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.641.718.398	14.622.933.098
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.359.830.000	3.600.405.000
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	1.698.667.869	1.237.186.351
Khấu hao tài sản cố định vô hình	186.256.020	233.928.477
Chi phí vật liệu văn phòng phẩm	2.917.165.604	1.899.193.861
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	6.000.000
Chi phí đi lại	1.384.632.336	2.515.006.017
Chi phí quản lý khác	8.813.182.399	6.139.114.117
	129.428.406.429	74.904.171.554

5. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

● Thuế thu nhập doanh nghiệp

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	802.977.679.615	411.448.376.376
Thuế tính ở thuế suất 20%	160.595.535.923	82.289.675.275
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(13.294.187.334)	(4.593.705.717)
Chi phí không được khấu trừ	580.166.112	616.466.009
Dự phòng thiếu của năm trước	-	23.076.231
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	147.881.514.701	78.335.511.798
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành	128.693.085.155	79.572.911.892
Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 3.17)	19.188.429.546	(1.237.400.094)
	147.881.514.701	78.335.511.798

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

● Lãi trên cổ phiếu

(A) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND)	655.096.164.914	333.112.864.578
Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND)	(12.000.000.000)	-
	643.096.164.914	333.112.864.578
Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	111.069.721	86.931.507
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND)	5.790	3.832

(B) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm lãi trên cổ phiếu.

6. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B09 – CTCK

● Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu		
Trong đó:		
Từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	33.919.039.498
Từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	453.080.960.502
	-	487.000.000.000

● Số tiền đi vay thực thu trong năm

Số tiền đi vay thực thu trong năm là tiền vay theo kế hoạch thông thường và tiền thu từ phát hành trái phiếu ngắn hạn (Thuyết minh 3.10).

● Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm là tiền vay theo kế hoạch thông thường và tiền trả cho trái chủ (Thuyết minh 3.10).

7. THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

● Tình hình phân phối thu nhập cho cổ đông

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối năm trước	100.942.617.008	332.971.999.390
Lợi nhuận đã thực hiện trong năm	531.975.480.346	411.448.376.376
Số trích lập các quỹ trong năm:		
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	(27.829.980.863)	(16.655.643.229)
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	(27.829.980.863)	(16.655.643.229)
Cơ sở lợi nhuận phân phối cho cổ đông	577.258.135.628	711.109.089.308
Lợi nhuận phân phối cho cho cổ đông trong năm	61.920.000.000	78.750.000.000
Thuế phải nộp tính trên thu nhập phân phối cho nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu	(2.945.230.330)	(3.861.836.625)
Tổng thu nhập phân phối cho cổ đông	58.974.769.670	74.888.163.375

8. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Mẫu số B09 – CTCK

● Bên liên quan

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

● Mối quan hệ

Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Cùng nhân sự quản lý chủ chốt
Nhân sự quản lý chủ chốt

(A) Nghiệp vụ với các bên liên quan

Trong năm, các nghiệp vụ sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới, phí lưu ký, phí tư vấn và dịch vụ khác	2.929.130.622	2.884.506.521
Công ty Cổ phần Phát triển Bất Động Sản Việt Hưng		
Ứng tiền trong năm	-	13.366.400.000
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Bản Việt (VCAM)		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	841.919.918	647.932.628
Giá trị (thu hồi)/đầu tư ủy thác	(192.696.061.322)	187.814.209.000
Quỹ Đầu tư Cân Bằng Bản Việt		
Doanh thu phí môi giới chứng khoán	52.084.568	42.922.612
Quỹ Đầu tư Chứng khoán Y tế Bản Việt		
Hoàn vốn trong năm	-	8.258.147.313
Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	27.898.880.000	7.205.128.000

(B) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tài sản tài chính		
Danh mục đầu tư cho VCAM quản lý		
Giá gốc	157.310.147.678	350.006.209.000
Giá trị thị trường/giá trị hợp lý	206.444.294.800	448.023.971.000

9. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Mẫu số B09 – CTCK

(A) Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được thực hiện chủ yếu trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm hay khu vực địa lý. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận chia theo khu vực địa lý.

(B) Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Doanh thu và chi phí theo lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu	517.229.081.756	489.773.731.304	273.285.098.273	262.725.187.865	1.543.013.099.198
Chi phí	(332.747.306.020)	(137.413.528.820)	(95.642.083.949)	(55.865.921.061)	(621.668.839.850)
	184.481.775.736	352.360.202.484	177.643.014.324	206.859.266.804	921.344.259.348
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp					(129.428.406.429)
Kết quả hoạt động					791.915.852.919

	Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016				
	Môi giới và dịch vụ VND	Tự doanh VND	Kinh doanh vốn VND	Tư vấn VND	Tổng cộng VND
Doanh thu	364.783.037.607	272.160.736.604	163.807.457.098	70.182.824.422	870.934.055.731
Chi phí	(204.241.409.436)	(100.794.697.691)	(55.348.125.806)	(24.203.284.786)	(384.587.517.719)
	160.541.628.171	171.366.038.913	108.459.331.292	45.979.539.636	486.346.538.012
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp					(74.904.171.554)
Kết quả hoạt động					411.442.366.458

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 – CTCK

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Quản trị rủi ro tài chính được thực hiện bởi nhân sự tài chính. Nhân sự tài chính đo lường thực tế đầu tư với giới hạn đầu tư đã được đặt ra và chuẩn bị báo cáo định kỳ cho Ban Tổng Giám Đốc xem xét.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Ban Tổng Giám đốc.

(A) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Số dư với ngân hàng

Tất cả các khoản tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn được gửi tại các tổ chức tín dụng có độ tín nhiệm cao.

Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chỉ trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Tạm ứng giao dịch chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán, một đơn vị thuộc sở hữu nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các Sở Giao dịch Chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ, tiền gửi giao dịch chứng khoán và tiền bán chứng khoán chờ thu của khách hàng. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các Sở Giao dịch Chứng khoán.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Các khoản phải thu và tài sản khác

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác có độ tín nhiệm cao và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(A) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền (Thuyết minh 3.1)		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	486.328.945.818	523.142.995.661
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	134.400.000
	486.328.945.818	523.277.395.661
Tài sản tài chính FVTPL (Thuyết minh 3.2(a))		
Chứng khoán nợ nắm giữ để kinh doanh	-	1.604.400.000
	-	1.604.400.000
Các khoản cho vay (Thuyết minh 3.3)		
Hợp đồng giao dịch ký quỹ	3.315.298.184.158	1.238.428.798.637
Tạm ứng giao dịch chứng khoán	122.140.134.514	158.726.301.468
	3.437.438.318.672	1.397.155.100.105
Các khoản phải thu (Thuyết minh 3.4)		
Phải thu bán các tài sản tài chính	35.092.500.000	28.500.000.000
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	1.077.056.300	60.671.050
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	8.016.149.318	14.761.453.837
Phải thu khác	172.500.000	-
	44.358.205.618	43.322.124.887
Tài sản ngắn hạn khác (Thuyết minh 3.5)		
Tiền ứng trước cho các hoạt động đầu tư	116.156.411.000	1.335.936.000
	116.156.411.000	1.335.936.000
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	4.084.281.881.108	1.966.694.956.653

(B) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định.

Rủi ro lãi suất

Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, cho vay và đi vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thời hạn ngắn, nên rủi ro do lãi suất biến động là không đáng kể.

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(B) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	2017	2016	2017	2016
Tài sản tài chính				
Tiền	170.632	5.393.381	5.054.863.749	122.451.863.271
Nợ tài chính				
Các khoản vay	(5.000.000)	(2.000.000)	(113.641.000.000)	(45.508.000.000)
(Nợ)/tài sản tài chính thuần	(4.829.368)	3.393.381	(108.586.136.251)	76.943.863.271
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	(4.829.368)	3.393.381	(108.586.136.251)	76.943.863.271

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính sẽ thấp hơn/cao hơn 10.858.613.625 Đồng tương ứng chủ yếu là do lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: cao hơn/thấp hơn 7.694.386.327 Đồng tương ứng).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư dẫn đến giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư có thể tăng/giảm. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, giá trị các tài sản tài chính của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 227.637.107.387 Đồng tương ứng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: cao hơn/thấp hơn 98.499.950.168 Đồng tương ứng).

10. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B09 – CTCK

(C) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty là duy trì một danh mục tài sản có tính thanh khoản cao nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các yêu cầu thanh toán trong ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có khoản nợ tài chính bao gồm vay ngắn hạn, trái phiếu phát hành ngắn hạn, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán, chi phí phải trả, và phải trả khác với số tiền là 3.046.274.395.683 Đồng (Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.739.212.611.551 Đồng) là dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn ít hơn 1 năm.

(D) Quản trị nguồn vốn

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 87/2017/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 17 tháng 8 năm 2017 (“Thông tư 87/2017/TT-BTC”) quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 87/2017/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 408%.

11. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Mẫu số B09 - CTCK

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	Tại ngày 31 tháng 12 năm	
	2017 VND	2016 VND
Dưới 1 năm	11.877.404.381	9.459.771.008
Từ 1 đến 5 năm	21.872.427.521	288.708.756
Trên 5 năm	1.700.183.232	-
Tổng cộng	35.450.015.134	9.748.479.764

12. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY BÁO CÁO

Ngày 17 tháng 1 năm 2018, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án phát hành trái phiếu doanh nghiệp lần 1 năm 2018 nhằm tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty. Chi tiết của đợt phát hành này dự kiến như sau:

Loại trái phiếu chào bán	Trái phiếu không chuyển đổi không có tài sản đảm bảo
Mệnh giá trái phiếu	10.000.000 Đồng
Số lượng trái phiếu phát hành	50.000 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán	500.000.000.000 Đồng
Giá phát hành	Bằng mệnh giá
Lãi suất	Tùy từng đợt phát hành theo quyết định của Ban Tổng Giám đốc, tối đa không quá lãi suất tiền gửi trung hạn bình quân của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam cộng 4,5%

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện phát sinh sau ngày lập báo cáo tài chính cần điều chỉnh hoặc trình bày trên báo cáo tài chính này.

13. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

Mẫu số B09 - CTCK

Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	67.645.342	2.075.962.096.180
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	5.827.636.875	192.561.181.985.389
	5.895.282.217	194.637.144.081.569

Báo cáo tài chính đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt ngày 28 tháng 3 năm 2018

Nguyễn Thị Lành
Người lập

Đoàn Minh Thiện
Kế toán trưởng



Tô Hải
Tổng Giám đốc

ĐẠI DIỆN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Ngày 06 tháng 04 năm 2018



Tô Hải
Tổng Giám đốc



Headquarters

Bitexco Financial Tower, 15th Floor,
No. 2 Hai Trieu, District 1, HCMC.

Tel: (84 28) 3914 3588

Fax: (84 28) 3914 3209